

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Hứa Thị Anh Thư

**BƯỚC ĐẦU ỨNG DỤNG KỸ THUẬT “DẠY HỌC THEO
GÓC” VÀO VIỆC DẠY ĐỌC HIỂU CÁC TRÍCH ĐOẠN
KỊCH *VŨ NHƯ TÔ, HỒN TRƯỞNG BA DA HÀNG THỊT*
Ở TRƯỜNG THPT**

LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Hứa Thị Anh Thư

**BƯỚC ĐẦU ỨNG DỤNG KỸ THUẬT “DẠY HỌC THEO
GÓC” VÀO VIỆC DẠY ĐỌC HIỂU CÁC TRÍCH ĐOẠN
KỊCH *VŨ NHƯ TÔ, HỒN TRƯỞNG BA DA HÀNG THỊT*
Ở TRƯỜNG THPT**

**Chuyên ngành: Lí luận và phương pháp dạy học môn Văn
Mã số: 60 14 10**

LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. NGUYỄN THÀNH THỊ**

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Thầy Cô, những người đã tận tình giảng dạy, động viên, giúp đỡ, đóng góp ý kiến cho tôi trong quá trình học tập cũng như khi thực hiện luận văn.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với PGS. TS. Nguyễn Thành Thi, người đã tận tình hướng dẫn, hết lòng giúp đỡ để tôi hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn phòng Sau đại học trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Ban giám hiệu, Tổ bộ môn Văn trường trung học phổ thông Tây Ninh, các thành viên trong gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã tạo điều kiện, giúp đỡ, khuyến khích, động viên tôi trong quá trình thực hiện luận văn này.

Luận văn không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi kính mong nhận được sự góp ý, giúp đỡ của các Thầy Cô, các đồng nghiệp và các bạn.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm

2012

Hứa Thị Anh Thư

MỤC LỤC

TRANG BÌA PHỤ	1
LỜI CẢM ƠN	2
MỤC LỤC.....	3
MỞ ĐẦU.....	8
1. Lí do chọn đề tài	8
2. Lịch sử vấn đề	9
2.1. Về dạy học theo góc :	9
2.2. Những ý kiến chung bàn về PPDH tác phẩm kịch	12
2.3. Những ý kiến cụ thể bàn về PPDH hai trích đoạn kịch <i>Vũ Như Tô</i> , và <i>Hồn Trương Ba da hàng thịt</i> ở trường THPT	15
3. Phương pháp nghiên cứu.....	17
3.1. Phương pháp điều tra xã hội học	18
3.2. Thao tác thống kê, xử lí số liệu	18
3.3. Thao tác so sánh, phân tích tổng hợp	18
3.4. Phương pháp thực nghiệm.....	19
4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu và đóng góp của luận văn.....	19
5. Cấu trúc của luận văn.....	20
NỘI DUNG	20
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	21
1.1. Khái quát về dạy học theo góc	21
1.1.1. Khái niệm về dạy học theo góc.....	21
1.1.2. Điều kiện để dạy học theo góc:.....	22
1.1.3. Quy trình tổ chức dạy học theo góc.....	24
1.1.4. Tổ chức dạy học theo góc	25
1.1.5. Ưu điểm và hạn chế của dạy học theo góc	27
1.1.5.1. Ưu điểm.....	27
1.1.5.2. Hạn chế	29
1.2. Tổng quan về kịch	29
1.2.1. Khái niệm về kịch - kịch bản văn học	29
1.2.2. Những đặc trưng loại hình kịch	31
1.2.2.1. Kịch tính.....	31
1.2.2.2. Cốt truyện kịch.....	33

1.2.2.3. Tính cách kịch	34
1.2.2.4. Lời thoại, hành động kịch	36
1.2.3. Đặc điểm của bi kịch:	38
1.2.3.1. Khái niệm về “bi kịch” trong văn học:	38
1.2.3.2. Đặc điểm của bi kịch trong văn học:	39
1.3. Điềm qua chương trình dạy học văn bản kịch ở THPT	40
1.4. Tác giả và tác phẩm	41
1.4.1. Tác giả Nguyễn Huy Tưởng và tác phẩm kịch Vũ Như Tô	41
1.4.1.1. Tiểu sử và sự nghiệp Nguyễn Huy Tưởng	41
1.4.1.2. Tác phẩm “Vũ Như Tô”	46
1.4.2. Tác giả Lưu Quang Vũ và tác phẩm kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt	49
1.4.2.1. Tác giả Lưu Quang Vũ	49
1.4.2.2. Tác phẩm “Hồn Trương Ba da hàng thịt”	55
2.1. Quan điểm tổ chức hoạt động dạy học <i>theo góc</i> trong dạy kịch ở trường THPT	63
2.1.1. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> gắn với định hướng tổ chức dạy học theo hướng tích cực	63
2.1.2. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> theo quan điểm tích hợp	65
2.1.3. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> phải gắn với môi trường học tập thân thiện-nghiêm túc và tổ chức lớp học nề nếp.	66
2.1.4. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> phải có sự kết hợp đồng bộ các hướng tiếp cận	66
2.1.5. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> phải có sự hợp tác giữa vai trò của thầy-trò, thầy - nhóm trò, trò- trò, trò-nhóm trò	67
2.1.6. Dạy học văn bản kịch <i>theo góc</i> phải gắn với tâm lí lứa tuổi học sinh THPT	68
2.2. Thiết kế bài đọc hiểu tác phẩm kịch <i>theo góc</i>	68
2.2.1. Nguyên tắc chia góc :	69
2.2.2. Mục đích của việc chia góc:	69
2.2.3. Nội dung công việc các góc:	69
2.3. Một số kĩ thuật phối hợp	70
2.3.1. Phiếu học tập:	70
2.3.1.1. Phiếu học tập HS chuẩn bị ở nhà :	70
2.3.1.2. Phiếu làm việc theo góc:	71

2.3.2. Dạy học hợp tác:	72
2.3.2.1. Chia nhóm và phân công nhiệm vụ các nhóm trưởng, thư kí, nhóm viên:	72
2.3.2.2. Sự phối hợp trong từng nhóm và các thành viên nhóm:	72
2.4. Tiến trình lên lớp:	75
2.5. Giáo án dạy đọc hiểu tác phẩm kịch <i>theo góc</i> :	75
2.6. Một số lưu ý về việc ứng dụng kỹ thuật dạy học tác phẩm kịch theo góc	78
2.6.1. Cách kiểm tra, đánh giá tương ứng với kỹ thuật dạy học nói trên	78
2.6.2. Về cách quan sát, ghi nhận thông tin trên lớp học của giáo viên và học sinh	79
2.6.3. GV giải quyết những tình huống phát sinh của HS khi tham gia DHTG	80
2.6.3.1. Tình huống khi HS thực hiện tại các góc và luân chuyển góc	81
2.6.3.2. Tình huống khi HS trình bày kết quả thảo luận và tham gia chất vấn	81
2.6.4. GV nhận xét kết quả thảo luận, định hướng và chốt lại nội dung bài học HS	81
2.6.4.1. Nhận xét kết quả thảo luận:	82
2.6.4.2. Định hướng:	82
2.6.4.3. Chốt lại nội dung bài học:	83
2.6.5. GV hướng dẫn HS chủ động hệ thống lại nội dung bài học sau khi tham gia thảo luận trên lớp	83
2.6.5.1. Định hướng chung:	83
2.6.5.2. Ví dụ định hướng cụ thể HS hệ thống cho hai bài học trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)	84
3.1. Mục đích và yêu cầu thực nghiệm	89
3.1.1. Mục đích thực nghiệm	89
3.1.2. Yêu cầu thực nghiệm	89
3.2. Thời gian và tổ chức thực nghiệm	90
3.2.1. Thời gian thực nghiệm	90
3.2.2. Tổ chức thực nghiệm	90
3.3. Giáo án thực nghiệm	91
3.3.1. Phiếu học tập	91
3.3.2. Giáo án thực nghiệm	99

3.4.2. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm	117
3.4.2.1. Về phía người dạy:	118
3.4.2.2. Về sự phản hồi từ phía người học:	123
3.4.3. Một số đề xuất từ thực nghiệm:	126
KẾT LUẬN	129
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	131
Phụ lục 1: PHIẾU PHỎNG VẤN GIÁO VIÊN.....	138
Phụ lục 2: PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH.....	150

DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

	STT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1	GV	Giáo viên	
2	HS	Học sinh	
3	THPT	Trung học phổ thông	
4	THCS	Trung học cơ sở	
5	PPDH	Phương pháp dạy học	
6	DHTG	Dạy học theo góc	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Theo tinh thần đổi mới và tình hình giáo dục hiện nay là cần phải tìm kiếm hình thức dạy học phát huy các hoạt động tích cực của HS, dạy học *theo góc* (DHTG) là một trong những hình thức dạy học mới, có thể đem đến hứng thú học tập, đồng thời phát huy được tính chủ động tích cực cho người học. Thông qua DHTG, không gian và công việc ở các góc, nhất là góc diễn kịch, góc nghe nhìn, HS có điều kiện trải nghiệm, được hóa thân và thâm nhập vào tác phẩm một cách sâu sắc hơn. Từ đó giúp HS dễ dàng nhận ra cái hay đặc trưng thể loại mà ở hình thức dạy thông thường khó nhận ra.

Kịch được đánh giá là một loại hình rất quan trọng trong ba loại hình văn học (tự sự, trữ tình, kịch). Đây là loại hình mang tính đặc thù, có mối quan hệ với sân khấu như hồn với xác, có những đặc trưng hấp dẫn riêng mà các loại hình văn học khác không có được. Nếu kịch được khai thác đúng ưu thế về loại thể, và có cách tiếp cận hợp lý, chúng ta sẽ phát huy được tác dụng của nó trong việc giáo dục, giáo dưỡng, định hướng thẩm mỹ và bồi dưỡng trí tuệ, tâm hồn, nhận thức cho thế hệ trẻ một cách thiết thực, sống động nhất. Văn bản kịch được đưa vào chương trình phổ thông là những trích đoạn tinh lọc, tiêu biểu nhất của những vở kịch nổi tiếng Việt Nam (*Vũ Như Tô* - Nguyễn Huy Tưởng, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* - Lưu Quang Vũ) và thế giới (*Rô-mê-ô và Giu-li-ét*, *Sếch-xpia*).

Tuy nhiên, vấn đề dạy học văn bản kịch trong nhà trường phổ thông hiện nay đang gặp nhiều trở ngại. Giờ dạy học các trích đoạn kịch đơn điệu, HS tiếp nhận văn bản một cách thụ động, thiếu hứng khởi. Nhiều GV vẫn chưa ý thức dạy học kịch theo đặc trưng loại thể, hoặc có bám sát vào đặc trưng loại thể, vẫn rất khó xác định một cách dạy phù hợp để truyền hết cái hay cái đẹp của nó. Tác phẩm kịch thường có dung lượng dài, sách giáo khoa (SGK) Ngữ văn chỉ đưa vào dạy những đoạn trích tinh lọc của vở kịch trong lượng thời gian hạn hẹp 2 tiết (90 phút). Chính điều này đã góp phần làm hạn chế quá trình tiếp nhận tác phẩm kịch của HS. Xét ở Việt Nam ta, kịch là một thể loại văn học còn khá xa lạ, “sinh sau đẻ muộn” hơn so

với các loại hình như tự sự, trữ tình nên kinh nghiệm thường thức kịch hạn chế, tài liệu viết về kịch cũng không nhiều. HS chưa được trang bị kiến thức nghệ thuật sân khấu, cùng với nghệ thuật tổng hợp như diễn xuất của diễn viên, đạo cụ, âm nhạc, hội họa. Đó cũng là nguyên nhân mà dạy học kịch của ta không hấp dẫn và khác biệt với loại hình tự sự.

Lượng tác phẩm văn học trong chương trình phổ thông rất lớn, nhưng không phải thể loại nào, tác phẩm nào cũng ứng dụng DHTG một cách có hiệu quả. Hai trích đoạn kịch *Vũ Như Tô* và *Hồn Trương Ba da hàng thịt* hội đủ những điều kiện, tố chất cần thiết để có thể thực hiện ứng dụng hình thức DHTG. Hơn nữa, hai vở kịch trên được nhà hát kịch dàn dựng rất thành công, được đánh giá cao và có những lời thoại giàu kịch tính mà HS có thể cảm nhận được thông qua hình thức nghe nhìn và diễn kịch.

Hơn nữa, là GV Ngữ văn ở trường THPT, người viết muốn nghiên cứu trong việc thử nghiệm đề tài ứng dụng kĩ thuật dạy học *theo góc* vào dạy văn bản kịch nhằm góp phần cải tiến kĩ thuật dạy học và nâng cao hiệu quả dạy học kịch nói riêng, dạy học Văn nói chung.

Trước thực trạng và những lí do nêu trên, chúng tôi muốn muốn trao đổi ý kiến về việc ứng dụng kĩ thuật DHTG vào dạy các “trích đoạn kịch” nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học văn bản kịch ở nhà trường phổ thông. Do đó, chúng tôi chọn đề tài: ***Bước đầu ứng dụng kĩ thuật “dạy học theo góc” vào việc dạy đọc - hiểu trích đoạn kịch Vũ Như Tô, Hồn Trương Ba da hàng thịt ở trường THPT.***

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Về dạy học theo góc :

DHTG là một trong nhiều nội dung dạy học tích cực trong khuôn khổ của Dự án Giáo dục Việt - Bỉ, đã triển khai ở 14 tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam trong tất cả các môn học. Sau đó Dự án đã tiếp tục triển khai trên phạm vi toàn quốc hướng đến các đối tượng dạy và học.

Theo khảo sát thực tế, sau khi được tập huấn, một số GV đã ghi nhận về tính thiết thực cụ thể của việc vận dụng hình thức DHTG ở một số môn học và thu được kết quả nhất định:

GV Lê Hương–Yên Biên của Trường THCS Yên Biên đã phát biểu “Ở mỗi góc nhỏ học sinh có thể lần lượt tìm hiểu nội dung kiến thức từng phần của bài học. Đối với mỗi học sinh phải trải qua các góc để có cái nhìn tổng thể về nội dung của bài học. Nếu có vướng mắc trong quá trình tìm hiểu nội dung bài học thì học sinh có thể yêu cầu giáo viên giúp đỡ và hướng dẫn”. Đồng thời, GV cũng khẳng định rằng: khi vận dụng các hình thức dạy học tích cực (trong đó có hình thức DHTG) kết quả tiết học đạt rất cao. Hầu hết, GV và học HS đều thích nghi tốt với các hình thức dạy và học trên. Điều đó đã chứng minh hiệu quả và tính thiết thực của hình thức dạy học này.

Theo nguồn thông tin từ địa chỉ trang web:

<http://atl.edu.net.vn/web/public/cac-thong-tin-truyen-thong/-/resources/e64227/gioi-thieu-ket-qua-30-nam-hop-tac-viet-bi-trong-ling-vuc-giao-duc-va-dao-tao.htm>: Cô Cao Thị Hồng Thuận - GV dạy môn Hóa của trường phổ thông dân tộc nội trú Nguyễn Bình Khiêm ở Thái Nguyên, một trong những giáo viên có thâm niên và bề dày thành tích đã vận dụng đạt hiệu quả khả quan, cô cho biết: “Bây giờ, thời gian để cô đầu tư soạn giáo án môn Hóa ít đi nhiều. Thời gian cô dành cho xem xét kết quả học tập của từng HS, từng bài được rút kinh nghiệm nhiều hơn. Phương pháp dạy học tích cực đã làm thay đổi chất lượng lớp cô và của cả nhà trường. Vận dụng dạy học tích cực đã giúp bầu không khí lớp học sôi động, khích lệ sự sáng tạo của các em”. Còn về phía HS, các em phát biểu “Phương pháp dạy học mới này đòi hỏi chúng em phải tích cực hơn, phải tự giác học”

Theo nguồn thông tin từ trang web:

<http://tulieudayhoc.somee.com/nhomtin.asp?k=-1515713053>, được cập nhật ngày 12.4.2011, ở mục Tư liệu âm nhạc, tên bài viết là “Dạy âm nhạc bằng phương pháp học theo dự án, theo góc”, trong chuyên đề về Hội thảo Khoa học Giáo dục nghệ thuật và cuộc sống của Ths. Lê Anh Tuấn, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, bài

viết có đề cập đến việc vận dụng dạy học theo góc vào dạy âm nhạc. Trong năm học 2008-2009, đã có hàng chục GV vận dụng 3 phương pháp (dạy học theo hợp đồng, dạy học theo góc, dạy học dự án) trong việc dạy học Âm nhạc ở trường Cao đẳng sư phạm, THPT và THCS thuộc khuôn khổ của dự án Việt Bỉ. Các tiết học đều được quay băng hình và được dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá. “Có khá nhiều tiết đạt kết quả tốt”. Trong bài viết trên, người viết cũng phát biểu “Để đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn hiện nay, 3 phương pháp dạy học trên là những sự lựa chọn rất tốt mà GV cần nắm được. Năng lực của GV và điều kiện về cơ sở vật chất là những yếu tố rất quan trọng quyết định đến sự thành công của mỗi tiết dạy. Tuy nhiên, trước khi vận dụng một phương pháp nào đó, GV nên xem băng hình một vài tiết dạy, dạy thử cho đồng nghiệp góp ý rồi mới từng bước vận dụng trong điều kiện dạy học cụ thể.”

Theo nguồn địa chỉ trang web của trường Đại học Sư phạm Trung ương <http://www.spnttw.edu.vn/Pages/ArticleDetail.aspx?siteid=1&sitepageid=131&articleid=1018>, Ths. Nguyễn Thị Đông - Khoa Mĩ thuật Cơ sở, trong hội thảo “Giáo dục nghệ thuật và cuộc sống” có bài viết nghiên cứu đề cập đến hình thức dạy học theo góc với tên bài: “Dạy học theo góc, theo dự án, theo hợp đồng tiếp cận trong giáo dục nghệ thuật và cuộc sống” (cập nhật ngày 31/10/2010). Bài viết cũng khẳng định tính hiệu quả của hình thức dạy học theo góc trong Giáo dục nghệ thuật và cuộc sống, bài viết có phát biểu: “tiếp cận các phương pháp dạy học này trong dạy học, giáo dục nghệ thuật sẽ khẳng định hơn vai trò của giáo dục nghệ thuật trong cuộc sống ngày nay”.

Cũng theo bước trang web của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Thông tin Khoa học Công nghệ, chúng ta đến địa chỉ: <http://stdb.hnue.edu.vn/portal/journals.php?articleid=1477>, trang Tạp chí khoa học, bài báo số 4/2011, tên bài báo: “Dạy học theo góc một số kiến thức chương chất lỏng trong Sách giáo khoa Vật lý 10 nâng cao và các kết quả thu được” của tác giả Đỗ Hương Trà và Trần La Giang. Bài báo giới thiệu kết quả thu nhận qua việc vận dụng dạy học theo góc trong năm học 2009 - 2010 với học sinh của 2 lớp 10 trường

THPT Chuyên của tỉnh Sơn La khi dạy các kiến thức phần Chất lỏng ở chương Chất rắn và chất lỏng, Sự chuyển thể. Kết quả này đưa đến triển vọng có thể vận dụng linh hoạt dạy học theo góc trong một số nội dung kiến thức Vật lí ở trường Trung học phổ thông nhằm làm cho người học tự giác, tham gia tích cực vào hoạt động học để nắm được kiến thức.

Trong chuyên đề “Đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá trong dạy và học tích cực môn Ngữ văn” (2011) bồi dưỡng GV phổ thông ở các tỉnh miền Tây, đặc biệt là ở Sóc Trăng và Long An), trên cơ sở kiểm tra, đánh giá, tác giả Nguyễn Thành Thi đã nêu các kĩ thuật dạy học và DHTG được xem là một trong những hình thức dạy học tích cực.

Theo đánh giá của những người thực hiện các nội dung đã triển khai trong chương trình của dự án là việc vận dụng đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Điều đó được ứng dụng thể nghiệm một số bộ môn ở nhà trường THCS như: Hóa, lý, nhạc, Mĩ thuật...Tuy nhiên việc thể nghiệm DHTG đối với môn văn học nói chung và thể loại kịch nói riêng ở trường THPT một vấn đề còn khá mới.

2.2. Những ý kiến chung bàn về PPDH tác phẩm kịch

Điểm qua một số công trình nghiên cứu về dạy học tác phẩm kịch:

Ở công trình “*Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài*”, tác giả Phùng Văn Tửu đã có những đóng góp quan trọng trong việc góp phần dạy học tác phẩm kịch đạt hiệu quả. Tác giả rất quan tâm đến đặc trưng thể loại kịch trong quá trình giảng dạy. Bởi, theo nhà nghiên cứu, phân tích một đoạn kịch cần phải gắn liền với kết cấu, với bối cảnh, không gian, thời gian, lời thoại nhân vật, hành động, xung đột kịch. Tác giả cho rằng khi giảng dạy kịch, chúng ta nên chú ý đến đặc trưng của loại hình nghệ thuật này để HS khỏi rơi vào tình trạng học kịch chẳng khác gì học truyện ngắn hay tiểu thuyết. Ngoài ra, tác giả còn nhấn mạnh trong quá trình soạn giảng tác phẩm kịch ngoài việc bám sát văn bản, GV cần giúp cho HS phân nào hình dung được vở kịch dưới ánh đèn sân khấu. Tuy vậy, tất cả những đóng góp trên chỉ mang tính chất định hướng ban đầu giúp chúng ta tiếp cận tác phẩm, còn

việc đưa ra những hướng tiếp nhận tác phẩm kịch theo đặc trưng loại thể thì chưa rõ ràng, cụ thể.

Trong quyển *“Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể”* của tác giả Trần Thanh Đạm và nhiều tác giả khác, với bài viết *“Về vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo thể loại”* và ở bài viết *“Kịch và giảng dạy kịch”*, tác giả Huỳnh Lý cũng chỉ giới thiệu khái niệm kịch, khẳng định vị trí quan trọng của kịch trong các loại hình nghệ thuật và chỉ ra một số đặc tính của kịch mà GV khi giảng dạy cần chú ý như: ngôn ngữ kịch, hành động kịch, kịch tính trong kịch. Ngoài ra, khi đề cập đến những vở kịch được dạy trong chương trình THPT tác giả đã đề xuất rằng *“dù chỉ giảng dạy một đoạn trích cũng phải liên hệ và giới thiệu tác phẩm, khuyến khích HS đọc trọn tác phẩm; đối với vở kịch thì nên khuyến khích HS xem diễn nữa”* [10, tr.232]. Theo tác giả, kịch là một loại hình nghệ thuật khá phức tạp, trong khi đó chúng ta chỉ dạy kịch ở phương diện kịch bản văn học, phải trang bị cho HS những kiến thức về diễn xuất, về các loại kịch không có ở nước ta. Trong khi *“HS của chúng ta lại ít quen với kịch hơn là với thơ, truyện. Do đó chúng ta cần phải suy nghĩ, nghiên cứu về kịch nhiều để giảng dạy tốt, không những về kịch nói chung mà còn riêng về từng vở trong chương trình”* [10, tr.239]. Với bài viết này, tác giả đã đề xuất một số cách thức về giảng dạy tác phẩm kịch trong nhà trường phổ thông nhưng tất cả vẫn chỉ dừng lại ở mức độ gợi ý, khái quát mà chưa đi vào hướng dẫn một cách rõ ràng, cụ thể.

Cũng trong cuốn sách này, tác giả Huỳnh Lý có bài *“Kịch và giảng dạy kịch”*. Tác giả đề cập đến khái niệm về kịch, vị trí của kịch trong các loại hình nghệ thuật, đặc tính của kịch mà người giảng dạy kịch cần chú ý, sự khác nhau giữa bi kịch và hài kịch, quá trình phát triển của kịch nói ở nước ta, những vở kịch trong chương trình văn học cấp III. Kết thúc bài viết, tác giả còn khẳng định: Kịch là một loại hình phức tạp. Chúng ta chỉ dạy kịch về phương diện văn học, nhưng lại phải có nhiều kiến thức về diễn xuất, về cả những loại thể, những kiểu kịch không có ở ta nữa.

Cũng trong quyển sách trên, tác giả Trần Thanh Đạm còn cho rằng quá trình đọc và giảng kịch bản văn học có một tác dụng rất lớn *“trong việc trau dồi năng lực cảm thụ nghệ thuật, cảm thụ văn học nói chung, trong vấn đề phát triển các năng khiếu của tư duy nghệ thuật và thẩm mỹ, phát triển các năng lực tinh thần, tâm hồn và trí tuệ của HS, của con người toàn diện”* [10, tr.29]. Ngoài ra, theo tác giả, bản thân mỗi người thầy đứng lớp cần phải chỉ dẫn cho HS cách đọc văn theo đúng đặc trưng thể loại, dẫn dắt người học nắm bắt và nhận biết được trình tự diễn biến của hành động kịch thông qua các tình huống sân khấu và qua ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. Trong bài viết này, nhìn chung tác giả chỉ tập trung vào những đặc điểm cơ bản của kịch và cách thức giảng dạy tác phẩm văn học theo đặc trưng thể loại một cách khái quát mà vẫn chưa đi sâu vào tìm hiểu, phân tích cụ thể đặc điểm của từng thể loại văn học cũng như chưa chỉ rõ được cách thức giảng bình tác phẩm kịch theo đặc trưng thể loại.

Tác giả Nguyễn Viết Chữ trong quyển *“Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương (Theo loại thể)”* đã đề cập đến hai vấn đề có liên quan đến việc giảng dạy tác phẩm kịch trong nhà trường phổ thông. Thứ nhất, theo tác giả khi dạy học tác phẩm kịch *“nên sử dụng câu hỏi gắn với loại tự sự”* [7, tr.62] vì loại tự sự cần nhiều loại câu hỏi hiểu, có như vậy mới có thể kích thích được óc tư duy của người học. Thứ hai, *“Kịch thực ra không phải là một loại thể đơn thuần”* [7, tr.90] vì thể văn đề khó nhất đối với kịch bản văn học là phân tích làm sao cho ra được mâu thuẫn, khởi đầu, diễn biến và kết thúc. Việc dạy học tác phẩm kịch sẽ gặp khó khăn nếu chúng ta quên rằng *“kịch là sự tái diễn y như thật”*, chính vì thế trong quá trình phân tích kịch bản văn học nên thường xuyên liên hệ với kịch dram, đồng thời nếu có điều kiện thì nên xem và *“so sánh sự thành công của các đoàn cùng biểu diễn về một vở kịch. Thậm chí có thể hoạt động liên môn xem trích đoạn trước khi nghiên cứu kịch bản văn học”* [7, tr.151]. Từ đó, tác giả cũng đề xuất *“Trong quá trình dạy học kịch bản có thể sử dụng đọc thể hiện phân vai, kết hợp với những câu hỏi hình dung tưởng tượng tái tạo vào những tình huống gay go nhất, có phẩm chất tư tưởng nghệ thuật cao nhất. Kết hợp phương pháp đọc sáng tạo với nghiên cứu, có thể so*

sánh các loại kịch trường để hiểu sâu kịch bản văn học” [7, tr.151]. Như vậy, có thể thấy rằng công trình nghiên cứu này rất hữu ích và có giá trị thiết thực trong việc góp phần nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm kịch trong nhà trường hiện nay.

Gần đây nhất, đề tài luận văn thạc sĩ (2012) của trường Đại học Cần Thơ, *“Tiếp nhận tác phẩm kịch của học sinh ở trường THPT – Thực trạng và giải pháp”*, tác giả Nguyễn Thị Kiều Ân có đề cập đến kỹ thuật DHTG là một trong những giải pháp cho dạy học kịch, tác giả đã đi sâu nghiên cứu và có những đóng góp thiết thực khi đề xuất một số giải pháp cụ thể có tính khả thi trong dạy học văn bản kịch trong nhà trường một cách tích cực. Tuy nhiên luận văn chỉ đề cập đến như giới thiệu khái quát về kỹ thuật DHTG nói chung, chưa thật đi sâu, bàn cụ thể vào kỹ thuật DHTG nói riêng.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên đã đề ra nhiều phương pháp tích cực góp phần nâng cao quá trình tiếp nhận tác phẩm kịch. Đặc biệt là vấn đề tiếp nhận tác phẩm kịch cần bám sát đặc trưng thể loại. Tuy vậy, các bài viết vẫn chưa đi sâu vào tìm hiểu, phân tích tác phẩm kịch một cách cụ thể, sâu, sát mà chỉ định hướng khai thác một cách chung chung, khái quát. Đặc biệt chưa có công trình luận văn nào nói về việc ứng dụng kỹ thuật DHTG vào dạy các văn bản kịch.

2.3. Những ý kiến cụ thể bàn về PPDH hai trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, và *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ở trường THPT

Bài viết “Bàn thêm về bi kịch Vũ Như Tô” đăng trên tạp chí Văn học số 7, 2000, tác giả Phạm Vĩnh Cư đã tiếp cận tác phẩm dưới góc độ đặc trưng thể loại. Ông lần lượt đề cập đến một số bình diện cơ bản của bi kịch Vũ Như Tô như xung đột bi kịch, nhân vật bi kịch, tội lỗi bi kịch, hiệu ứng bi kịch. Bên cạnh đó, tác giả còn khẳng định vị trí cũng như tầm quan trọng của vở kịch trong nền văn học thế kỷ XX tập trung đi vào việc chứng minh vở kịch Vũ Như Tô là tác phẩm bi kịch duy nhất và đích thực của Nguyễn Huy Tưởng. Ông còn cho rằng, tác phẩm này đáp ứng đầy đủ và khá hoàn hảo mọi yêu cầu, mọi tiêu chí của một thể loại văn học mà mỹ học Châu Âu xưa nay, có lí do coi là thể loại cao quý nhất và khó nhất. Tuy có đề cập đến vấn đề tiếp cận tác phẩm kịch theo đặc trưng thể loại, nhưng nhìn chung

bài viết vẫn chưa đề cập đến dạy học tác phẩm kịch này theo đặc trưng thể loại ở nhà trường phổ thông như thế nào.

Ở quyển “Đổi mới đọc và bình văn”, NXB Hội nhà văn - 1999, tác giả Đỗ Đức Hiểu trong chuyên luận “Bi kịch Vũ Như Tô” đã đề cập đến phương diện thể loại, tác giả xác định Vũ Như Tô là một tác phẩm bi kịch: “*Với Vũ Như Tô, Nguyễn Huy Tưởng sáng tạo một bi kịch hiện đại ở Việt Nam*” [25, tr.27]. Ngoài ra, tác giả còn cho rằng kịch bản này “*có cấu trúc logic, nghiêm ngặt của kịch cổ điển phương Tây*” [25, tr.34]. Bài viết còn phân tích rất sâu sắc hình tượng nghệ thuật của tác phẩm kịch, “*tháo gỡ những mối quan hệ phức tạp của cấu trúc văn bản*”, “*giải mã các kí hiệu*”, nhằm “*phát hiện, đi sâu vào ý nghĩa chìm ẩn bên dưới kịch bản*”, hay là “*phần ngầm của tầng băng trôi*” [25, tr.43]. Ông viết nhiều và khá hay về cấu trúc cũng như những hiệu quả thẩm mĩ của tác phẩm kịch. Tuy nhiên, về bản chất thể loại tác phẩm, tác giả vẫn chưa làm sáng rõ và cũng không đề cập đến những yếu tố cấu thành đã biến kịch thành bi kịch.

Trong bài “**Hồn Trương Ba, da hàng thịt – nơi kết thúc của cổ tích và sự khởi đầu**” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu văn học số 3, 2010, Tác giả Lý Hoài Thu đã đi vào so sánh văn bản gốc của câu chuyện dân gian “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” với văn bản mới của Lưu Quang Vũ. Tác giả cho rằng, từ một câu chuyện cổ tích có phần mờ nhạt, đơn giản nhưng bằng khả năng đồng hóa, nhào nặn và tái tạo, tác giả đã tìm tòi, mở rộng kích thước của tự sự vừa khơi sâu vào giá trị tư tưởng để tạo nên một vở kịch nổi tiếng đầy giá trị nhân văn sâu sắc về lẽ sinh – tử. Lưu Quang Vũ đã xây dựng được một vở kịch có cấu trúc khá chặt chẽ và đậm ý nghĩa nhân bản. Người viết còn cho rằng xung đột kịch của Lưu Quang Vũ chỉ thực sự bắt đầu và thăng hoa khi câu chuyện cổ tích đã kết thúc. Qua cách đặt vấn đề và giải quyết xung đột của vở kịch cho thấy nhà viết kịch đã có những phản ứng quyết liệt trước sự áp đặt làm mất quyền được lựa chọn của con người. Mọi sự áp đặt dù mang danh nghĩa nhân đạo cao cả nhất suy cho cùng vẫn không thể mang lại cho con người cuộc sống đích thực, vẫn dẫn tới bi kịch, vẫn tiềm ẩn khả năng hủy diệt, vẫn chứa đựng yếu tố phi nhân. Tuy nhiên, trong bài viết, tác giả vẫn chưa làm rõ

được những khía cạnh của vở kịch như: xung đột kịch, ngôn ngữ kịch, hành động kịch... để làm bật lên được những nét đặc trưng của thể loại này.

Trong quyển Chuyên đề dạy – học Ngữ văn 12 Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ), tác giả Lê Thị Hương đã có những đóng góp thiết thực cho việc dạy học trích đoạn kịch. Tác giả đã chia cấu trúc chuyên đề gồm năm phần rất cụ thể: Phần I: Văn bản và chú thích, Phần II: Tìm hiểu về tác giả- tác phẩm, Phần III: Dạy văn bản (dành cho GV). Phần IV: Học văn bản (dành cho HS). Phần V: Tư liệu và thư mục tham khảo. Người viết thể hiện một cái nhìn đồng bộ khi giúp HS tiếp nhận văn bản kịch. Tác giả đã góp một nguồn tư liệu bổ ích và có giá trị thiết thực trong quá trình dạy và học tác phẩm kịch trong nhà trường THPT.

Nhìn chung, từ những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng các ý kiến chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu cơ sở lí luận của vấn đề nhằm trang bị cho HS và GV một số PPDH tác phẩm kịch trong nhà trường mang tính chất khái quát. Hoặc có những công trình nghiên cứu có đóng góp thiết thực trong việc hướng đến dạy văn bản kịch theo đặc trưng thể loại thì cũng chưa hướng dẫn cách thức cụ thể, giúp HS thấy được sự gắn bó như hình với bóng giữa thể loại và nghệ thuật sân khấu. HS vẫn chưa thật cảm nhận được ngôn từ, hình ảnh, hành động ... của nhân vật kịch được đặt trong bối cảnh, không gian, thời gian của ánh đèn sân khấu.

Đến thời điểm này, chúng tôi nhận thấy hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào đi sâu vào tìm hiểu cụ thể về việc ứng dụng kĩ thuật “dạy học theo góc” vào việc dạy đọc - hiểu các trích đoạn kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ. Tuy nhiên, những khía cạnh mà người đi trước nêu ra sẽ là những gợi ý thiết thực và bổ ích giúp chúng tôi nghiên cứu đề tài một cách khoa học và hệ thống hơn nhằm góp phần nâng cao hoạt động dạy – học văn bản kịch trong nhà trường phổ thông.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tìm hiểu và nghiên cứu đề tài “Bước đầu ứng dụng kĩ thuật “dạy học theo góc” vào việc dạy đọc - hiểu các trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, *Hồn Trương Ba da*

hàng thật ở trường THPT”, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp và thao tác cơ bản sau:

3.1. Phương pháp điều tra xã hội học

Chúng tôi khảo sát thực trạng và tìm hiểu việc tiếp nhận tác phẩm kịch ở trường THPT dưới các hình thức sau:

- Phát phiếu điều tra và phỏng vấn trực tiếp (cả hai đối tượng GV và HS) nhằm nắm bắt được tình hình dạy và học tác phẩm kịch ở nhà trường phổ thông.
- Tiến hành quan sát giờ dạy và học tác phẩm kịch ở trường THPT nhằm trực tiếp theo dõi, nhận biết được thái độ, phản ứng của HS khi tham gia học tập cũng như nắm được tình hình giảng dạy của GV trực tiếp đứng lớp.
- Cho HS làm bài kiểm tra và tiến hành khảo sát bài làm của các em nhằm đánh giá năng lực tiếp nhận tác phẩm kịch của HS ở trường THPT.

3.2. Thao tác thống kê, xử lý số liệu

Chúng tôi xử lý số liệu từ phiếu điều tra HS trước khi thực nghiệm nhằm đánh giá năng lực cũng như mức độ hứng thú của HS khi tiếp nhận tác phẩm kịch. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tiến hành thống kê và xử lý kết quả điều tra từ GV để nắm được những thông tin cụ thể về tình hình giảng dạy tác phẩm kịch trong nhà trường. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng thao tác này để xử lý kết quả khảo sát thông qua các phiếu thăm dò ý kiến của GV và HS sau khi dạy thực nghiệm, những bài kiểm tra của HS ở lớp thực nghiệm. Trên cơ sở đó, chúng tôi có thể đánh giá được tính khả thi của đề tài nghiên cứu.

3.3. Thao tác so sánh, phân tích tổng hợp

Thao tác này được sử dụng trong quá trình so sánh, phân tích, đánh giá kết quả giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm. Ngoài ra, thao tác này còn được vận dụng để lựa chọn, tổng hợp nguồn tư liệu, góp phần vào việc lí giải cơ sở lí luận có liên quan đến tiếp nhận văn học. Đó là căn cứ để chúng tôi tiến hành xây dựng cơ sở lí thuyết cho đề tài và tìm ra hướng nghiên cứu cho luận văn.

3.4. Phương pháp thực nghiệm

Qua kết quả khảo sát, chúng tôi tiến hành thiết kế giáo án và dạy thực nghiệm các văn bản kịch trong chương trình Ngữ văn THPT theo các phương án đã đề xuất nhằm mục đích kiểm chứng về độ tin cậy, khả năng vận dụng vào thực tế cũng như tính thiết thực của đề tài nghiên cứu.

4. Giới hạn phạm vi nghiên cứu và đóng góp của luận văn

Phạm vi nghiên cứu: Chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu những tài liệu, chuyên luận có liên quan tới việc Vận dụng dạy học theo góc một số văn bản kịch trong SGK Ngữ văn ở trường THPT, chương trình chuẩn gồm hai văn bản sau: “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” trích “Vũ Như Tô” (Nguyễn Huy Tưởng – SGK Ngữ văn 11, tập 1) và “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” trích “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” (Lưu Quang Vũ – SGK Ngữ văn 12, tập 2). Cụ thể các vấn đề như sau :

- Tìm hiểu những vấn đề chung về dạy học theo góc và dạy học kịch nói chung và hai trích đoạn kịch *Vũ Như Tô* và *Hồn Trương Ba da hàng thịt* nói riêng ở trường THPT.
- Tập trung nghiên cứu những tài liệu, chuyên luận có liên quan đến việc ứng dụng dạy học *theo góc* vào dạy đọc hiểu các trích đoạn kịch *Vũ Như Tô* và *Hồn Trương Ba da hàng thịt*.
- Xác định quan điểm tổ chức hoạt động DHTG trong dạy kịch ở trường THPT và thiết kế mô hình giáo án cho việc ứng dụng dạy đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*.
- Ứng dụng mô hình DHTG vào dạy đọc hiểu hai trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ở trường THPT

Chúng tôi tiến hành khảo sát điều tra với nhiều đối tượng HS khác nhau

ở 3 trường THPT trong tỉnh Tây Ninh. Cụ thể gồm:

- Trường THPT Tây Ninh, Thị xã, tỉnh Tây Ninh
- Trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đóng góp của luận văn: Nếu những đề xuất trong luận văn được ứng dụng vào thực tế sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy - học thể loại kịch nói riêng và dạy học tác phẩm văn chương nói chung ở trường THPT. Cụ thể luận văn có những đóng góp sau :

- Góp phần xây dựng mô hình giáo án cho việc ứng dụng dạy đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*.
- Ứng dụng mô hình DHTG vào dạy đọc hiểu hai trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ở trường THPT.
- Đề tài cũng giúp GV có cơ sở khoa học để vận dụng tổ chức dạy học những văn bản, kiểu loại khác ở trường THPT.

5. Cấu trúc của luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được triển khai trong 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung

Chương II: Thiết kế bài đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*

Chương III: Thực nghiệm dạy học tác phẩm kịch *theo góc*

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1.1. Khái quát về dạy học theo góc

1.1.1. Khái niệm về dạy học theo góc

Học theo góc, cụm từ theo tiếng Anh là “working in corners”, “working with areas” hoặc “corner work” được dịch là *học theo góc, làm việc theo góc* hay *làm việc theo khu vực*. Đây là một PPDH tích cực đã được các chuyên gia Bỉ đưa vào Việt Nam trong khuôn khổ của dự án Việt – Bỉ “Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng GV tiểu học và THCS các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam”.

DHTG là một hình thức tổ chức hoạt động học tập theo đó HS thực hiện các nhiệm vụ khác nhau tại các vị trí cụ thể trong không gian lớp học, cùng hướng tới chiếm lĩnh một nội dung học tập.

Quá trình học tập được chia thành các khu vực (các góc) bằng cách phân chia nhiệm vụ và tư liệu học tập nhằm đạt được cùng một kiến thức cụ thể. Các tư liệu và nhiệm vụ học tập ở mỗi góc giúp HS khám phá xây dựng kiến thức và hình thành kỹ năng theo các cách tiếp cận khác nhau.

Tại mỗi góc sẽ có tư liệu và hướng dẫn nhiệm vụ giúp HS nghiên cứu nội dung bài học theo các cách tiếp cận khác nhau: quan sát, trải nghiệm, phân tích, áp dụng, nghe, nhìn, sáng tạo.... HS hướng tới việc thực hành, khám phá và thực nghiệm tại các góc khác nhau giúp học sâu, học thoải mái.

Trên đây là định nghĩa nói chung về kỹ thuật DHTG dành cho tất cả bộ môn. Tuy nhiên định nghĩa chưa đề cập DHTG dành cho môn văn hay loại hình kịch nói riêng. Như vậy, khi ứng dụng kỹ thuật DHTG, mỗi một bộ môn có những đặc trưng khác nhau, đòi hỏi khi vận dụng phải có sự linh hoạt trong cách hiểu, và ứng dụng cho phù hợp.

Văn học là một bộ môn có tính đặc thù và bản thân mỗi tác phẩm văn học là một chỉnh thể bao gồm nội dung và hình thức, mỗi thể loại văn học vừa mang những đặc trưng chung và mang những nét rất riêng của thể loại đó. Cho nên khi dạy một

văn bản gắn với một loại hình văn học ta không thể ứng dụng một cách máy móc, rập khuôn mà cần lưu ý đến tính đặc trưng văn học và loại hình của nó. Ví dụ, khi dạy học văn bản kịch ta có thể lần lượt bóc từng lớp, từ lớp ngôn ngữ đến lớp kết cấu, bố cục, các phương thức kiến tạo đến lớp nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Kịch là một loại hình văn học mang những đặc trưng của văn học vừa mang những đặc trưng riêng là sự gắn bó như hình bóng với nghệ thuật sân khấu, với sự diễn xuất của người diễn viên. Nên khi ứng dụng dạy học thể loại kịch, khi phân chia góc cùng công việc các góc, GV cũng lưu ý để chuyển tải những đặc trưng của loại hình này.

Như vậy, trong DHTG với bộ môn văn nói chung và loại hình kịch nói riêng, chúng ta có thể hiểu thêm như sau: Để chiếm lĩnh mục tiêu bài học, GV có thể cho HS xem xét, làm việc ở nhiều góc độ khác nhau bằng nhiều biện pháp hay kỹ thuật khác nhau, có khi thông qua băng hình (phương tiện, tư liệu nghe nhìn) hay thông qua trực tiếp đọc diễn cảm lời thoại, diễn lại tình tiết, sự kiện trong vở kịch,... Mỗi góc có nhiệm vụ riêng, tiếp cận bài học từ những giác độ khác nhau và đem đến hiệu quả khác nhau, nhằm góp phần giúp cho HS tiếp nhận tác phẩm trong tính chỉnh thể đầy sinh động của nó, đồng thời còn giúp nâng đỡ trí tưởng tượng, liên tưởng của HS.

1.1.2. Điều kiện để dạy học theo góc:

Dạy học theo góc đạt hiệu quả khi bảo đảm điều kiện sau đây:

- Nội dung phù hợp:

Lựa chọn nội dung bảo đảm cho HS khám phá theo cách tiếp cận, cách thức hoạt động khác nhau. Nội dung dạy học theo góc cần phải phong phú có nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh để triển khai, và có thể tổ chức khám phá theo nhiều cách khác nhau thì mới phù hợp với dạy học theo góc.

Chẳng hạn: Khi dạy trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng), bài học có các nội dung cơ bản (Các mâu thuẫn cơ bản của vở kịch Vũ Như Tô; Cách giải quyết các mâu thuẫn cơ bản của tác giả; Tính cách, diễn biến của Vũ Như Tô và Đan Thiềm; Đặc sắc về nghệ thuật kịch Vũ Như Tô). Những nội dung này phù hợp

với DHTG, vì nó bảo đảm cho HS khám phá theo cách tiếp cận, cách thức hoạt động khác nhau. Để HS nắm được các nội dung bài học theo đặc trưng loại thể, GV cho HS tiếp cận bài học qua 3 giác độ (hay gọi là cách thức) và chia thành 4 góc. Theo giác độ “nghe-nhìn”, HS *đối chiếu với thế giới, nhân vật khi đọc kịch trên văn bản và khi nghe – nhìn* vở kịch đã chuyển thể trên sân khấu qua phương tiện máy chiếu, loa âm thanh. Vì là đặc thù của văn bản kịch là gắn với nghệ thuật sân khấu như nghệ thuật diễn xuất diễn viên, bày trí sân khấu,...nên GV cho HS học theo giác độ *diễn kịch*, ta có góc diễn kịch và yêu cầu HS *phát biểu cảm nhận khi hóa thân vào một nhân vật kịch*. Khi tiếp cận một tác phẩm văn học nói chung, không thể bỏ qua giác độ *đọc hiểu*, ở giác độ này, ta khai thác nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản. Ở giác độ này, GV có thể chia thành 2 góc: Góc đọc hiểu 1: *phân tích nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm*. Góc đọc hiểu 2: *nhận xét về nội dung và nghệ thuật của văn bản kịch*.

- Không gian lớp học:

Phòng học đủ diện tích, đủ ánh sáng để bố trí HS học theo góc. Tuy nhiên trong một số trường hợp nếu tổ chức một cách linh hoạt thì vẫn đạt hiệu quả.

- Thiết bị, phương tiện dạy học và tư liệu:

Chuẩn bị đầy đủ các thiết bị, tư liệu cho HS hoạt động chiếm lĩnh kiến thức và kỹ năng, nhất là các tác phẩm văn học đã được chuyển thể thành phim hay kịch, GV cần cung cấp băng hình để HS được nghe nhìn để có nhận định đối chiếu và thâm nhập văn bản một cách sống động hơn. Bên cạnh đó, cần có bàn, ghế thiết kế phù hợp cho việc bố trí dạy học theo góc.

- Năng lực GV:

GV có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức dạy học tích cực và kỹ năng thiết kế tổ chức dạy học theo góc.

- Năng lực HS:

HS có khả năng làm việc tích cực, chủ động độc lập và sáng tạo theo cá nhân và hợp tác. Với HS quá nhỏ tuổi không nên tổ chức dạy học theo góc vì khả năng làm việc tự giác, chủ động của các em còn hạn chế.

- Môi trường học tập thân thiện-nghiêm túc và tổ chức lớp học nề nếp :

Môi trường học tập thân thiện là điều kiện tốt nhất để đạt mục đích tổ chức dạy học theo hướng tích cực. Sự thân thiện tạo tâm lý cởi mở để HS có thể hợp tác đối thoại giao tiếp với GV và với bạn bè trong học tập. Nhưng môi trường “thân thiện” phải gắn với sự nghiêm túc, cùng với việc tổ chức nề nếp lớp học. Vì thực tế hiện nay, phần đông một lớp học của chúng ta có số lượng HS là từ 30 đến 45 em. Các lớp học thường liên kề nhau nên dễ gây ảnh hưởng nhau về tiếng ồn từ các buổi học. Nhưng nếu lớp học có sự nghiêm túc, nề nếp thì sẽ giảm phần nào những khó khăn, và giúp cho giờ học đạt mục tiêu hơn.

1.1.3. Quy trình tổ chức dạy học theo góc

Bước 1: Chọn nội dung, địa điểm và đối tượng HS cho phù hợp

Nội dung ứng với các góc: GV căn cứ vào đặc điểm DHTG cần chọn nội dung bài học cho phù hợp: Nghiên cứu cùng một nội dung theo cách học khác nhau hoặc theo các hình thức hoạt động khác nhau. Tùy theo đặc điểm của môn học, của loại bài, GV có thể xác định điều này sao cho tổ chức học theo góc đạt hiệu quả cao nhất.

Địa điểm: Không gian lớp học là một điều kiện không thể thiếu để tổ chức học theo góc. Với không gian tương đối lớn và số HS vừa phải sẽ dễ dàng bố trí các góc hơn so với diện tích nhỏ và đông HS.

Đối tượng HS: Khả năng tự định hướng của HS cũng rất quan trọng để GV chọn thực hiện phương pháp học theo góc. Mức độ làm việc độc lập của HS sẽ giúp cho phương pháp này thực hiện có hiệu quả hơn.

Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài học theo góc

Mục tiêu bài học: Ngoài mục tiêu cần đạt được của bài học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng cũng có thể thêm mục tiêu về kĩ năng làm việc độc lập, khả năng làm việc chủ động, hợp tác của HS khi thực hiện học theo góc, định ra mục tiêu riêng cho từng góc.

Các PPDH chủ yếu: DHTG là chủ yếu nhưng cần kết hợp một số phương pháp phù hợp như: phương pháp học tập hợp tác theo nhóm, phương pháp trực quan, sử dụng đa phương tiện, phương pháp đối thoại, phương pháp diễn giảng,...

Chuẩn bị: GV cần chuẩn bị thiết bị, phương tiện và đồ dung dạy học theo góc. Xác định tên mỗi góc và nhiệm vụ phù hợp. Ở mỗi góc có: bảng ghi nhiệm vụ của mỗi góc, yêu cầu sản phẩm cần có và tư liệu thiết bị cần thiết, phù hợp theo phong cách học hoặc theo nội dung hoạt động khác nhau. Ví dụ, đồ dùng thí nghiệm, hóa chất cho góc trải nghiệm của môn Vật lý/Sinh học/môn khoa học, trang thiết bị nghe nhìn, băng hình, phiếu học tập,...cho môn Văn.

Thiết kế các nhiệm vụ và hoạt động ở mỗi góc: Căn cứ vào nội dung cụ thể mà HS cần lĩnh hội và cách thức hoạt động để khai thác thông tin, GV cần: Xác định số góc và tên mỗi góc; Xác định nhiệm vụ ở mỗi góc và thời gian tối đa dành cho HS ở mỗi góc đó; Xác định những thiết bị, đồ dùng, phương tiện cần thiết cho HS hoạt động; Hướng dẫn HS chọn góc và luân phiên chuyển theo vòng tròn nối tiếp.

GV cần thiết kế các nhiệm vụ học tập để HS tự đọc và hoàn thành theo phiếu học tập, mỗi góc với nhiệm vụ cụ thể.

*Chú ý: Trong thực tế, ở lớp học thường thời gian tối thiểu có thể là 45 phút hoặc 90 phút, với lượng HS vừa phải và với lớp học bình thường thì chỉ nên thiết kế 3 đến 4 góc là cùng. Nội dung chỉ trong một môn học cho một bài học cụ thể.

Thiết kế hoạt động HS tự đánh giá và củng cố nội dung bài học: DHTG chủ yếu là cá nhân và các nhóm hoạt động, do đó kết quả này cần được xem xét và điều chỉnh. Việc HS báo cáo kết quả ở mỗi góc là cần thiết, là cơ hội để các em tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Để thực hiện điều này, GV cần thiết kế và chuẩn bị sao cho HS có thể trình bày kết quả một cách trực quan, rõ ràng cho các HS khác có thể nhìn nhận và đưa ra nhận xét. Trên cơ sở đó, GV đưa ra ý kiến để trao đổi và hoàn thiện, giúp HS hiểu bài sâu sắc và đầy đủ hơn.

1.1.4. Tổ chức dạy học theo góc

Bố trí không gian lớp học: GV cần bố trí không gian lớp học theo các góc học tập đã thiết kế. Mỗi góc có nhiệm vụ cụ thể và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ rõ ràng, kèm theo các tư liệu, thiết bị học tập cần thiết phục vụ cho cách học hoặc hình thức hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào nội dung học tập cụ thể.

Nêu nhiệm vụ bài học, giới thiệu cách thức DHTG và hướng dẫn HS chọn góc xuất phát. GV nêu nhiệm vụ hoặc vấn đề cần giải quyết của bài học; giới thiệu phương pháp học theo góc (nêu sơ lược về nhiệm vụ ở mỗi góc, thời gian thực hiện); hướng dẫn HS chọn góc xuất phát theo năng lực, theo sở thích; hướng dẫn HS luân chuyển góc và yêu cầu báo cáo kết quả thảo luận cuối buổi học. Nếu quá nhiều HS chọn cùng góc xuất phát, GV hướng dẫn điều chỉnh để HS điều chỉnh góc xuất phát cho phù hợp. GV cũng có thể gợi ý để HS chọn góc. Ví dụ HS yếu không nên chọn góc áp dụng làm góc xuất phát, còn HS khá giỏi nên xuất phát từ góc áp dụng sẽ phù hợp hơn. Với góc thực nghiệm, HS có kỹ năng thực hành tốt nên chọn làm góc xuất phát. Góc quan sát và góc phân tích có thể là góc xuất phát cho tất cả các đối tượng HS.

Các thỏa thuận HS cần biết là: Mỗi một nhiệm vụ học theo góc phải được hoàn thành trong khoảng thời gian tối đa xác định. Nếu có thể, thêm góc dành cho HS có tốc độ học nhanh hơn; HS được quyền lựa chọn góc xuất phát và thứ tự chuyển góc theo một trật tự có thể nhưng cần tránh tình trạng hỗn loạn gây mất thời gian. Tùy điều kiện, GV có thể đưa ra sơ đồ chuyển góc để nhóm HS lựa chọn.

Hướng dẫn HS hoạt động theo các góc: Tại mỗi góc GV hướng dẫn hoạt động cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ và ghi kết quả. Mỗi nhóm HS cần có nhóm trưởng, thư ký, các nhóm viên; phân công nhiệm vụ phù hợp theo cá nhân, theo cặp và có sự hỗ trợ giữa HS khá giỏi với HS yếu, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian nhất định và chuyển sang góc mới.

Theo dõi và hướng dẫn, trợ giúp HS tại mỗi góc. Trong quá trình HS hoạt động GV thường xuyên theo dõi, phát hiện khó khăn của HS để có hỗ trợ kịp thời. Ví dụ ở góc quan sát băng hình/ nghe nhìn, HS cần hỗ trợ về cách quan sát và cách nhìn nhận đánh giá về các sự kiện, chi tiết...

Làm việc với các tư liệu và kĩ thuật đặc biệt sẽ thử thách, đồng thời tạo cảm hứng nâng cao trí tưởng tượng của HS.

Hướng dẫn HS luân chuyển góc. Trước khi hết thời gian tối đa cho mỗi góc, GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ để chuẩn bị luân chuyển góc. HS có thể tới góc bất kì còn trống, tránh chen lấn, xô đẩy. HS có thể chuyển góc theo chiều nhất định, tạo vòng tròn luân chuyển hoặc cũng có thể cho HS tùy chọn và trao đổi các góc giữa các nhóm HS. GV cần theo dõi, hướng dẫn kịp thời để HS nhanh chóng ổn định và làm việc trong góc mới.

Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ, báo cáo kết quả và đánh giá. Cuối bài học, mỗi nhóm HS sẽ chọn báo cáo kết quả tại góc cuối cùng hoặc có thể trình bày trước lớp. Điều này có thể do GV và HS cùng thỏa thuận. Các nhóm HS khác nghe và đưa thông tin phản hồi. GV chốt lại những điểm cần chỉnh sửa. Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có. GV có thể chốt ngắn gọn và đánh giá cho điểm trên cơ sở đánh giá của HS. GV hướng dẫn HS cách lưu giữ các thông tin đã thu thập được qua các góc và yêu cầu HS ghi nhiệm vụ về nhà.

Ví dụ: khi DGTG trích đoạn kịch Vũ Như Tô, GV có thể tổ chức cho HS học theo các góc như sau: *Góc nghe nhìn*: HS xem kịch qua băng hình và đối chiếu nhân vật và thế giới nghệ thuật khi đọc tác phẩm và khi xem qua băng hình; *Góc diễn kịch*: HS có thể đọc theo phân vai hay diễn một đoạn kịch nào đó theo sở thích và phát biểu cảm nghĩ khi hóa thân vào nhân vật kịch; *Góc đọc hiểu 1*: HS sẽ phân tích bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm; *Góc đọc hiểu 2*: HS sẽ tìm hiểu về nội dung, nghệ thuật chính và chủ đề của văn bản kịch.

1.1.5. Ưu điểm và hạn chế của dạy học theo góc

1.1.5.1. Ưu điểm:

Thứ nhất: HS được học trong không gian thoải mái. Chúng ta nhận thấy rằng trong cuộc sống nói chung và trong học tập nói riêng, yếu tố không gian đóng vai trò vô cùng quan trọng. Chính không gian góp phần quyết định tạo nên bầu không khí trong lành, giúp con người năng động tích cực hơn. Lâu nay khi nói đến không gian

học tập nhà trường, chúng ta vẫn quen nhìn quen nghĩ đến một lớp học truyền thống với những dãy bàn xếp ngang, đối diện với trò là hình ảnh người thầy với bụi giảng, phấn trắng bảng đen. Nhưng khi vận dụng hình thức DHTG chúng ta sẽ nghĩ đến một không gian mở hơn, ở đó HS sẽ không gò bó học vào một khuôn khổ nhất định, các em có một không gian học tập thoải mái, tự học hỏi, tự tìm tòi kiến thức theo cảm hứng thông qua các góc nhỏ.

Thứ hai: DHTG hướng đến việc rèn luyện cho HS những tố chất thiết thực như tính hợp tác, tính sáng tạo, tinh thần tập thể, tinh thần trách nhiệm cao cũng như những quan hệ ứng xử của mỗi thành viên trong khi làm việc theo nhóm, cặp. Bên cạnh đó, DHTG còn giúp học sinh hiểu bài sâu, tổng quát và nhớ lâu hơn. HS được tìm hiểu nội dung theo các cách khác nhau: nghiên cứu lí thuyết, trải nghiệm, quan sát và áp dụng,...do đó hiểu sâu nhớ lâu hơn là chỉ nghe GV giảng bài. DHTG tạo nhiều không gian hơn cho HS học tập, từ đó mở rộng sự tham gia, nâng cao hứng thú và cảm giác thoải mái của HS: HS được chọn góc theo cách học và tương đối độc lập trong việc thực hiện các nhiệm vụ, nên tạo được sự hưng phấn, tích cực cho HS.

Thứ ba: DHTG tương tác cá nhân cao giữa GV và HS, GV luôn theo dõi và trợ giúp hướng dẫn khi HS yêu cầu, GV có nhiều cơ hội hướng dẫn từng cá nhân HS đặc biệt là các HS trung bình, yếu. Từ đó cho phép GV điều chỉnh sao cho thuận lợi, phù hợp với trình độ, nhịp độ của HS: Tùy theo năng lực HS có thể chọn góc xuất phát phù hợp với cách học của mình và có thời gian tối đa để thực hiện nhiệm vụ khi luân chuyển các góc.

Thứ tư: Quy trình và cách thức làm việc DHTG khi đã thành thực, sẽ giúp GV tiết kiệm thời gian hơn, GV có thời gian chuẩn bị bài, bám sát vào chuyên môn và đào sâu bài học. Giờ học trên lớp GV hạn chế mất sức vì không phải nói và giảng nhiều. GV có điều kiện quan sát theo dõi và đánh giá HS trong khi các em làm việc tại các góc, HS có điều kiện hỏi và được GV gợi ý, định hướng những điều mà mình và nhóm thật sự chưa nắm rõ.

Thứ năm: DHTG sẽ phát sinh nhiều tình huống thú vị, giờ học trở nên phong phú và sinh động hơn. GV và HS đều đạt sự tích cực, trong dạy và học. GV được trở về đúng vai trò là người định hướng, chỉ đạo và HS là người chủ động tham gia vào các hoạt động học dưới sự chỉ dẫn của GV.

1.1.5.2. Hạn chế

Khi tổ chức DHTG, chúng ta cũng gặp một số khó khăn sau:

Thứ nhất: DHTG cần không gian lớp học lớn nhưng số HS hạn chế. Đây là trở ngại cho nhà trường phổ thông hiện nay, nhất là đối với các trường có cơ sở vật chất yếu kém.

Thứ hai: DHTG mất thời gian, vì một bài học nhưng HS khai thác theo các cách, các giác độ khác nhau nên cần nhiều thời gian hơn. Ngoài ra còn thời gian hướng dẫn cho HS chọn góc, hướng dẫn nhóm và thời gian để luân chuyển góc.

Thứ ba: DHTG không phải mọi nội dung, tất cả các môn đều có thể áp dụng, mà chỉ một số nội dung, môn học phù hợp.

Thứ tư: GV chuẩn bị rất công phu về kế hoạch bài học, tổ chức DHTG cũng như tổ chức đánh giá sau buổi học.

1.2. Tổng quan về kịch

1.2.1. Khái niệm về kịch - kịch bản văn học

Trong cuốn “Từ điển thuật ngữ văn học” của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đã định nghĩa về kịch như sau: “ *Kịch là một trong ba phương thức cơ bản của văn học (Kịch, tự sự, trữ tình). Kịch vừa thuộc sân khấu vừa thuộc văn học. Kịch bản vừa dùng để diễn là chủ yếu lại vừa để đọc vì kịch bản chính là phương diện văn học của kịch*” [15, tr.142].

Nói đến kịch là phải nói đến sự biểu diễn trên sân khấu của các diễn viên bằng hành động, cử chỉ, điệu bộ và bằng lời nói. Kịch được xây dựng trên cơ sở những mâu thuẫn lịch sử, xã hội hoặc những xung đột mang tính phổ biến (giữa thiện và ác, giữa cao cả và thấp hèn, giữa ước mơ và hiện thực,...). Những xung đột ấy được thể hiện bằng một cốt truyện có cấu trúc chặt chẽ qua hành động của các nhân vật và theo những quy tắc nhất định của nghệ thuật kịch. Nói đến kịch là nói

đến kịch tính. Các kịch tính được hình thành, phát triển và giải quyết qua hành động kịch.

Kịch thực ra không phải là một loại thể văn học đơn thuần, không nên đánh đồng kịch bản với nghệ thuật sân khấu nói chung bao gồm kịch nói, kịch hát, kịch múa, nhạc kịch... Bất cứ loại kịch nào, kể cả kịch câm cũng có kịch bản, nhưng chỉ có kịch hát, nhất là kịch nói mới có kịch bản văn học. Là đối tượng của lý luận văn học, kịch bản văn học là một trong 3 loại chính của văn học. Sự khác nhau giữa nó với thể loại trữ tình là điểm rất rõ nhưng với loại tự sự thì kịch còn có nhiều điểm tương đồng.

Bêlinxki cho rằng: Tác phẩm kịch là *“Sự dung hợp của các yếu tố đối lập của tính khách quan tự sự và tính chủ quan trữ tình”*, không phải chỉ trong loại hình kịch mới có sự dung hợp các yếu tố của loại hình khác. Trong thơ, truyện, ký đều có, nhưng kịch có ưu thế trong sự kết hợp khả năng biểu hiện của tự sự và trữ tình. Kịch là một thể loại văn học nhưng lại gắn liền sinh tử với sân diễn, sân khấu, vì thế kịch tất sẽ không bao giờ là một thể loại văn học đơn thuần như tự sự và trữ tình. Kịch bản viết ra vừa để đọc vừa để diễn, do đó đọc kịch bản văn học chúng ta không thể tách hoàn toàn với nghệ thuật sân khấu. Nếu tách chúng ra chẳng khác nào tách hồn ra khỏi xác.

Gót cũng nói: *“Trong khi xây dựng các vở kịch của mình, chưa chắc Sécxpia đã nghĩ rằng nó sẽ nằm trước mắt độc giả, ông nhìn thấy sân khấu trước mắt khi viết chúng. Ông nhìn thấy trong các vở kịch của mình một cái gì sống và hoạt động sẽ nhanh chóng diễu qua trước mắt người xem”*. Như thế khi nói đến sân khấu thì không phải chỉ là diễn viên, mà còn là công chúng.

Như vậy, nhìn từ góc độ nào ta cũng thấy kịch bản văn học là một bộ phận hợp thành của nghệ thuật sân khấu. Không phải ngẫu nhiên mà khi sáng tác kịch bản, nhà văn bao giờ cũng tính đến các yếu tố không gian, thời gian, khả năng biểu hiện nghệ thuật của các phương tiện sân khấu nhất là sự diễn xuất của các diễn viên. Nhưng kịch bản văn học không chỉ có đời sống gắn bó với nghệ thuật sân khấu mà nó còn có đời sống độc lập riêng của nghệ thuật ngôn từ. Có thể xem *“Kịch”*, *“Kịch*

bản văn học” hay “*Văn học kịch*” như những khái niệm đồng nghĩa. Muốn xác định đặc trưng thể loại của kịch bản văn học phải tính đến sự chi phối của nghệ thuật sân khấu.

1.2.2. Những đặc trưng loại hình kịch

Là đối tượng của lí luận văn học, kịch bản văn học là một trong ba loại hình chính của văn học. Kịch mang những nét đặc trưng riêng có thể nói đến như sau:

1.2.2.1. Kịch tính

Có thể định nghĩa, kịch tính là trạng thái căng thẳng đặc biệt của mâu thuẫn, xung đột, được tạo ra bởi những hành động thể hiện các khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của con người. Trong kịch, hành động bộc lộ ý chí tự do của con người làm nảy sinh những mâu thuẫn, xung đột gay gắt giữa cá nhân và xã hội, giữa chủ thể với cái tất yếu, khách quan, thúc đẩy sự vận động của hệ thống sự kiện, biến cố trong cốt truyện, mang lại kịch tính cho tác phẩm. Kịch tính không phải là dấu hiệu hình thức cũng không thuộc phương diện nội dung cụ thể như đề tài, chủ đề của tác phẩm mà là đặc điểm mang tính loại hình của nội dung thể loại.

Loại hình kịch với loại tự sự là điều rất dễ nhầm lẫn nếu ta không nắm bắt được ranh giới giữa chúng. Bởi cả hai đều là phương thức biểu hiện đời sống và phản ánh đời sống trong tính khách quan, đều phải dựa vào một hệ thống sự kiện, biến cố được tổ chức thành cốt truyện. Nhưng xét từ trong bản chất, kịch và tự sự là hai loại tác phẩm có nội dung thể loại rất khác nhau. Kịch khác tác phẩm tự sự ở kịch tính. Không có xung đột mâu thuẫn thì không có kịch tính.

Vở kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng được xây dựng trên cơ sở của một xung đột mang tính chất bao trùm. Đó là xung đột giữa khát vọng của Vũ Như Tô, một nghệ sĩ thiên tài muốn xây dựng cho đất nước một công trình nghệ thuật vĩ đại, với lợi ích và cuộc sống lầm than của nhân dân. Xung đột này làm nảy sinh hàng loạt mâu thuẫn chồng chéo giữa Trịnh Duy Sản với Lê Tương Dực, giữa Trịnh Duy Sản với Vũ Như Tô, giữa Lê Tương Dực với thần dân, với thái tử Chiêm Thành, giữa Vũ Như Tô với những người cộng sự gần gũi như Phó Cối... Xung đột trung tâm của vở kịch hình như cũng là xung đột trong tư tưởng của tác giả. Không

phải ngẫu nhiên, trong lời đề tựa, Nguyễn Huy Tưởng đã thốt lên: *“Than ôi! Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết”*. Chính những mâu thuẫn, xung đột chồng chéo ấy đã tạo nên kịch tính, mang lại sự hấp dẫn cho vở kịch *Vũ Như Tô*.

Ngoài ra, với những vở kịch kiệt xuất, kịch tính bao giờ cũng được tạo thành bởi những hành động đối nghịch. Không phải ngẫu nhiên, trong ngôn ngữ của nhiều nước Châu Âu, chữ *“kịch”* đều có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp (drama) mà nghĩa của nó là hành động. Và hơn hai nghìn năm nay, phạm trù *“hành động”* bao giờ cũng nằm ở vị trí trung tâm của các hệ thống lí thuyết kịch. Hành động kịch bao giờ cũng bao hàm động cơ, mục đích, mưu đồ, do đó, nó bảo hòa nội dung tâm hồn, thể hiện khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của cá nhân con người. Rõ ràng, trong *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, không có bất kì một cái tất yếu khách quan nào có thể chi phối, quyết định hành động của nhân vật. Nhân vật hoàn toàn tự do lựa chọn hành động, tự do thể hiện thái độ của mình trước đời sống. Lúc đầu, Như Tô chống lại lệnh của Trương Dực, thà chết chứ không mang nghệ thuật và tài năng của mình phục vụ cho hôn quân, bạo chúa. Nhưng sau đó, ông lao vào xây dựng Cừ trùng đài, mải mê công việc đến nỗi quên cả vợ con, vì ông nhận đây là cơ hội để thực hiện hoài bão lâu nay của mình.

Nếu như tác phẩm tự sự là hiện thân cho sức mạnh của cái tất yếu khách quan, tác phẩm trữ tình là hiện thân cho sức mạnh của nội cảm thì việc làm nổi bật sức mạnh của hành động thể hiện khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của con người chính là đặc trưng thể loại của tác phẩm kịch. Như vậy, có thể hiểu kịch tính trong kịch *“là trạng thái căng thẳng đặc biệt của mâu thuẫn, xung đột, được tạo ra bởi những hành động thể hiện các khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của con người”* [80, tr.333]. Bởi vì trong kịch, hành động bộc lộ ý chí tự do của con người làm nảy sinh những mâu thuẫn, xung đột gay gắt giữa cá nhân và xã hội, giữa chủ thể với cái tất yếu, khách quan, thúc đẩy sự vận động của hệ thống sự kiện, biến cố trong cốt truyện, mang lại kịch tính cho tác phẩm.

Với việc giảng dạy tác phẩm kịch trong nhà trường phổ thông, nếu như người GV có thể phân tích, làm rõ và khai thác triệt để các yếu tố xung đột, kịch tính trong tác phẩm thì chắc chắn sẽ kích thích được óc tò mò và gây hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận. Bởi, so với việc đọc kịch bản văn học thì HS vẫn bị thu hút bởi hình thức biểu diễn kịch trên sân khấu hơn, vì qua hành động của nhân vật các em sẽ dễ dàng nhận ra được những mâu thuẫn, xung đột trong vở kịch. Còn đến với kịch bản văn học, chỉ khi nào GV giúp các em cảm, hiểu và tưởng tượng ra được những hành động kịch, xung đột kịch thì khi đó quá trình tiếp nhận tác phẩm kịch của HS mới đạt được hiệu quả. Như vậy, trong quá trình giảng dạy kịch bản văn học, người GV cần chú ý khai thác và làm bật lên được yếu tố kịch tính trong tác phẩm để có thể giúp HS tiếp nhận tác phẩm kịch một cách tốt nhất.

Như vậy, kịch tính chính là đặc trưng biểu hiện loại hình của kịch. Hành động kịch bao giờ cũng bao hàm động cơ, mục đích, mưu đồ, do đó nó bao hòa nội dung tâm hồn, thể hiện khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của cá nhân con người. Làm nổi bật sức mạnh của hành động thể hiện khuynh hướng tính cách và ý chí tự do của con người chính là đặc trưng thể hiện loại của tác phẩm kịch. Đây là điểm khác biệt đầu tiên giữa loại hình văn bản kịch với các loại hình văn học khác.

1.2.2.2. Cốt truyện kịch

Nếu kịch tính là đặc điểm của nội dung thể loại thì sự tập trung cao độ của cốt truyện là đặc điểm kết cấu của kịch bản văn học. Đây là đặc điểm gắn với yêu cầu biểu diễn của nghệ thuật sân khấu. Không gian và thời gian hạn hẹp của sân khấu đòi hỏi hành động kịch phải thống nhất và cốt truyện kịch phải có sự tập trung cao độ.

Tính tập trung cao độ biểu hiện trước hết ở các bộ phận cấu thành cốt truyện kịch. Bộ phận cấu thành duy nhất của cốt truyện kịch là hành động được triển khai qua một hệ thống sự kiện diễn ra theo trật tự thời gian. Cốt truyện kịch thường đơn tuyến. Mỗi vở kịch thường chỉ tập trung phát triển một tuyến cốt truyện. Bởi vì, yêu cầu về sự thống nhất hành động cho phép mỗi vở kịch chỉ theo đuổi một mục đích, hướng vào một vài chủ đề then chốt, cơ bản, nhằm gợi ra một vài hứng thú nào đấy,

mọi chi tiết cùng toàn bộ hệ thống sự kiện biến cố được sử dụng để tạo dựng cốt truyện đều phải dồn về một mối, hướng tới mục đích ấy, góp phần thể hiện chủ đề ấy, làm nổi bật cảm hứng ấy.

Để gây hứng thú cho người xem, thi pháp cốt truyện của kịch rất coi trọng việc sáng tạo ra cái bất ngờ. Muốn tạo ra cái bất ngờ, người sáng tác phải biết dẫn dắt các sự kiện biến cố rẽ vào những chỗ ngoặt, những bước nhảy vọt, những đoạn đột biến, biến cố trong cốt truyện phải được liên kết, tổ chức chặt chẽ, lôgic. Cho nên, thi pháp kịch vừa coi trọng việc sáng tạo ra cái bất ngờ, vừa chú ý tổ chức những chi tiết có chức năng giới thiệu, báo trước, đặt tính cách, số phận, động cơ, ý đồ của các nhân vật và các sự kiện, biến cố vào một quan hệ nhân quả tất yếu nhằm mang lại cho cốt truyện sự hấp dẫn mà vẫn tự nhiên.

Cốt truyện của tác phẩm kịch lại thường phát triển với nhịp điệu mau lẹ, vì thế tác phẩm kịch không được phép mở rộng không gian, kéo dài thời gian diễn biến của các sự kiện, biến cố. Trong *Vũ Như Tô*, đọc lời chỉ dẫn của tác giả ở hồi thứ ba và hồi thứ tư, thấy hành động kịch tính từ khi Như Tô khởi công xây Cầu trùng đài cho đến khi dân chúng nổi loạn, đài bị đốt cháy, chỉ kéo dài chưa đến một năm và cũng chỉ diễn ra trong phạm vi cung điện của Lê Tương Dực.

Việc tôn trọng nguyên tắc về sự tập trung của cốt truyện đã chi phối cách thức tổ chức bố cục của kịch bản văn học. Một vở kịch thường được chia thành ba hoặc năm hồi tương ứng với ba giai đoạn vận động hết sức mau lẹ của hành động kịch: thắt nút (trước đó thường có phần trình bày) - đỉnh điểm - mở nút (có thể thêm phần vĩ thanh).

1.2.2.3. Tính cách kịch

Kịch là nghệ thuật thể hiện hình tượng con người một cách sống động nhất, nhưng trong cuộc đời thực, người bình thường không thể nói to trước đám đông những toan tính xấu xa, những dục vọng thấp hèn của mình giống như các nhân vật trên sân diễn. Cho nên, hình tượng con người trong kịch cũng thuộc loại hình tượng mang tính ước lệ cao nhất. Nó là nhân vật của trò diễn mà diễn viên là người đóng vai các nhân vật ấy trên sân khấu. Tác phẩm trữ tình, nhất là tác phẩm tự sự, tìm đủ

mọi cách làm mờ tính chất trò diễn của nghệ thuật. Tính chất trò diễn lại thường xuyên được tô đậm, không cần che đậy trong kịch văn học và nghệ thuật sân khấu. Đây là đặc điểm ta dễ dàng phân biệt nhân vật kịch với hình tượng trữ tình và hình tượng tự sự.

Là hình tượng trò diễn, nhân vật kịch được cụ thể hóa bằng chất liệu riêng. Trong kịch bản không cho phép tác giả được tự do can thiệp hay mách nước cho độc giả. Không như tiểu thuyết, truyện, những con người được tác giả miêu tả hành động với sự giúp đỡ của tác giả, tác giả luôn luôn ở bên cạnh họ... Thực ra, trong kịch bản, nhà văn cũng xuất hiện, nhưng sự xuất hiện chỉ là để “can thiệp” vào việc bài trí sân khấu của đạo diễn và “mách nước” cho sự diễn xuất của diễn viên. Hơn nữa, chữ “tác giả” ở đây cần phải hiểu là nhân vật người kể chuyện. Trong kịch bản không thể có nhân vật người kể chuyện, vì kịch bản viết ra không phải để đọc, mà là để biểu diễn trên sân khấu. Nhà văn có thể tính đến vai trò diễn xuất của diễn viên và sự hỗ trợ của các phương tiện sân khấu trong việc cụ thể hóa hình tượng nhân vật. Nhưng khi viết kịch bản, chất liệu quan trọng nhất mà nhà văn có thể sử dụng để xây dựng hình tượng nhân vật là lời thoại cùng với giọng nói của các nhân vật. Qua lời đối thoại và độc thoại, nhân vật kịch cất lên tiếng nói tự biểu hiện, tự bộc lộ thế giới nội tâm đầy bí mật của mình. Về phương diện này, nhân vật kịch có những đặc điểm gần gũi với nhân vật trữ tình. Nhưng thế giới nội tâm của nhân vật kịch không phải là thế giới tự đóng kín trong bản thân. Lời của nhân vật kịch không phải là lời trầm tư trữ tình. Đó là lời nói tác động tới các lời nói khác trong một môi trường đối thoại giữa các lời nói khác nhau. Nó chuyển ngay động cơ, cảm xúc, tâm trạng đầy bí mật ở bên trong của nhân vật thành hành động bên ngoài. Nhân vật kịch vì thế không chỉ là chủ thể tự biểu hiện, mà còn là khách thể có thể quan sát bằng những điểm nhìn từ phía bên ngoài.

Nhân vật kịch không được khắc họa với nhiều khía cạnh tỷ mỉ, các nhân vật kịch phần đông đều đơn giản về mặt bên trong hơn so với hình tượng tự sự. Tuy nhiên, tính cách nổi bật, xác định không có nghĩa là đơn giản một chiều, xoay quanh nét tính cách nổi bật còn có những nét tính cách khác vừa liên đới vừa biến thái làm

cho gương mặt nhân vật sinh động, đa dạng hơn. Nhân vật văn học quả là tổng hợp của nhiều vai trò như vai xã hội, vai tâm lý, vai tư tưởng, vai tính cách. Trong tác phẩm tự sự, các vai trò này nhiều khi không đồng nhất với nhau. Vai trò của nhân vật kịch thường mang tính chất đơn nhất và hay bị đồng nhất với vai tính cách. Cho nên, thể hiện tính cách của nhân vật kịch vẫn là nhiệm vụ quan trọng của các vai diễn trên sân khấu.

Tóm lại, nhân vật văn học quả là tổng hợp của nhiều vai trò, như vai xã hội, vai tâm lý, vai tư tưởng, vai tính cách. Trong tác phẩm tự sự, các vai trò ấy nhiều khi không đồng nhất với nhau. Vai văn học của nhân vật kịch thường mang tính chất đơn nhất và hay bị đồng nhất với vai tính cách. Cho nên, thể hiện tính cách của nhân vật kịch vẫn là nhiệm vụ quan trọng của các diễn viên trên sân khấu.

1.2.2.4. Lời thoại, hành động kịch

Trong kịch không có nhân vật người kể chuyện, cho nên không xuất hiện ngôn ngữ của người kể chuyện. Tuy vậy, ta vẫn có thể bắt gặp trong kịch bản lời chú thích trực tiếp của tác giả nhằm nêu rõ thời gian, địa điểm, bối cảnh của câu chuyện, hay những hành động không lời của nhân vật, những lời hướng dẫn ấy chỉ có giá trị với người đọc, đạo diễn, diễn viên, còn trong lúc trình diễn chỉ có lời của nhân vật. Ngôn ngữ của nhân vật trong tác phẩm kịch có ba dạng: ngôn ngữ đối thoại (là lời của các nhân vật nói với nhau, đây là thành phần lời văn quan trọng nhất, giữ vị trí then chốt tạo nên cấu trúc của kịch bản văn học); ngôn ngữ độc thoại (là lời nhân vật nói với chính mình, lời độc thoại mang đậm tính ước lệ); ngôn ngữ bàng thoại (là lời nhân vật nói riêng với khán giả).

Trong kịch, lời thoại cũng là hành động đầy kịch tính. Kịch khai thác triệt để chức năng hành động của lời nói. Vì thế, đây là đặc điểm thể hiện bản chất thể loại của ngôn ngữ kịch. Chức năng hành động của lời nói bộc lộ đầy đủ nhất trong lời đối thoại của các nhân vật. Dưới đây là đoạn đối thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích trong kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ:

Hồn Trương Ba: (sau một lát) Ông Đế Thích ạ, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được !

Đế Thích: Sao thế ? có gì không ổn đâu !

Hồn Trương Ba: Không thể bên trong một đằng bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

Đế Thích: Thế ông ngỡ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư. Ngay cả tôi đây. Ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lắm khi cũng phải khuôn phép ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất, trên trời đều thế cả, nữa là ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể thật của ông đã tan rữa trong bùn đất, còn chút hình thù của ông đâu !

Hồn Trương Ba: Sống nhờ vào đồ đạc, của cải của người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

Trong đoạn đối thoại trên, lời nói của Hồn Trương Ba hướng tới Đế Thích mà giải bày những mong muốn để được sống là chính mình. Lời nói Đế Thích khuyên nhủ, thuyết phục Trương Ba chấp nhận đời sống thực tại. Người này dùng lời nói để tác động tới người kia nhằm đạt được một kết quả nào đó. Và không phải cứ có đối thoại là có kịch tính, vì không phải lời đối thoại nào cũng có thể trở thành hành động. Như vậy, trong đối thoại, muốn lời thoại trở thành hành động có kịch tính, mỗi lời nói phải bộc lộ một dự vọng, một mục đích, một khuynh hướng ý chí. Cấu trúc của đối thoại kịch vì thế thường chứa đựng nội dung đối nghịch như: *tấn công - phản đòn, thăm dò - lảng tránh, vu vạ - biện minh, chát vắn - chối cãi, đe dọa - coi thường, cầu xin - từ chối*. Vì chứa đựng nội dung của những hành động đối nghịch như thế, nên đối thoại trong kịch giống như một tổ chức điểm nhìn thay thế cho điểm nhìn của người trần thuật, vừa là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện. Trong kịch, không chỉ riêng lời đối thoại, mà ngay cả lời độc thoại cũng có những đặc điểm của một hành động. Sự khác nhau chỉ là ở chỗ, trong độc thoại đối tượng tác động của lời thoại không phải là người khác mà là chính bản thân nhân vật đang độc thoại.

Tóm lại, mỗi thể loại văn học đều có những đặc trưng riêng, do đó cần có những nguyên tắc dạy riêng phù hợp với đặc trưng của từng thể loại, và đối với kịch bản văn học cũng thế. Trong quá trình dạy học tác phẩm kịch người GV cần chú ý dẫn dắt HS tìm hiểu tác phẩm theo đặc trưng thể loại. Làm sao giúp các em nhận biết được rằng kịch phản ánh đời sống qua các xung đột kịch - tức là xung đột của các nhân vật và thấy được hành động kịch đóng vai trò quan trọng trong kịch bản văn học. Bởi, hành động là phương tiện chủ yếu của kịch, hành động kịch phải tập trung cao độ. Tác giả của vở kịch không thể dừng lại hành động kịch để chêm xen những tình tiết xa xôi hoặc bổ sung những đoạn tả cảnh... như tác phẩm tự sự. Ngoài ra, cần để HS nhận biết được rằng nhân vật kịch thường là nhân vật hành động chứ không phải là con người “*ném trái*” như trong tiểu thuyết. Bên cạnh đó, ngôn ngữ kịch là phương tiện quan trọng nhất để bộc lộ tính cách nhân vật. Xung đột hay diễn biến của hành động kịch chủ yếu bộc lộ qua lời thoại của các nhân vật. Do đó, trong quá trình giảng dạy GV cũng cần chú ý hướng dẫn HS tìm hiểu lời thoại của các nhân vật để thấy được lời thoại chiếm một vị trí rất quan trọng trong nghệ thuật xây dựng kịch bản. Với việc định hướng HS tiếp nhận tác phẩm kịch theo đặc trưng thể loại, người GV đứng lớp sẽ tạo cho HS một không khí học tập hứng thú và thoải mái hơn, đồng thời quá trình tiếp nhận tác phẩm kịch cũng đạt được hiệu quả tốt hơn.

1.2.3. Đặc điểm của bi kịch:

Với loại hình kịch, các nhà nghiên cứu có nhiều cách phân loại kịch theo những tiêu chuẩn khác nhau. Nhưng cách phân loại phổ biến nhất là theo tính chất của các loại hình xung đột, có ba thể chính: bi kịch, hài kịch, chính kịch v.v...

1.2.3.1. Khái niệm về “bi kịch” trong văn học:

Theo Engels: “*Bi kịch là sự thể hiện xung đột giữa yêu cầu tất yếu về mặt lịch sử và tình trạng không khả năng thực tế thực hiện yêu cầu đó*”.

Theo Lại Nguyên Ân, 150 thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999: “*Bi kịch là thể loại nghiêm ngặt đến khắc nghiệt; nó miêu tả thực tại theo lối nhấn mạnh, cô đặc các mâu thuẫn bên trong, phơi bày những xung đột sâu sắc của*

thực tại dưới dạng bão hòa và căng thẳng đến cực hạn, mang ý nghĩa tượng trưng nghệ thuật”.

Về danh từ “bi kịch”, theo từ điển văn học tập 1, Đỗ Đức Hiểu và một số tác giả khác [22, tr. 67] định nghĩa bi kịch: *“một thể loại của kịch, đối lập với hài kịch, thường miêu tả những người lương thiện, dũng cảm, anh hùng đấu tranh vì mục đích tốt đẹp, một lí tưởng cao quý, nhưng điều kiện khách quan không cho phép thực hiện, khiến họ thất bại. Qua những khó khăn gian khổ, những hi sinh, phẩm chất cao quý của nhân vật nổi bật lên, gợi cảm và hấp dẫn người đọc hoặc người xem trong không khí bi tráng”.*

Từ những ý kiến trên và xét “bi kịch” trong tác phẩm văn học ta có thể phát biểu như sau:

Bi kịch là một thể của loại hình kịch (đối lập với hài kịch). Ngoài các đặc điểm chung của loại hình, bi kịch còn mang những đặc điểm riêng của *thể*.

Bi kịch là một trong những đỉnh cao của sự sáng tạo thi ca, là loại hình đầy chất triết luận, phản ánh sâu sắc các vấn đề trong cuộc sống. Vẻ đẹp trong bi kịch là những vẻ đẹp của những kinh nghiệm cay đắng của cuộc sống. Bi kịch về bản chất là ca ngợi, khẳng định sự bất tử của con người và phát hiện những phẩm chất cao đẹp, anh hùng của nó. Nhân vật bi kịch thường hướng đến điều cao đẹp nhưng bị đặt vào một nghịch cảnh éo le, không thực hiện hay giải quyết được, muốn giải quyết được nhân vật phải chịu sự mất mát, hy sinh.

1.2.3.2. Đặc điểm của bi kịch trong văn học:

Xét ở phạm trù văn học, hay tác phẩm cụ thể ta có thể hiểu “bi kịch” có những đặc điểm như sau:

- Xung đột bi kịch được tạo dựng từ những mâu thuẫn “không thể giải quyết” được; mọi cách khắc phục mâu thuẫn đều dẫn đến “sự diệt vong những giá trị quan trọng”.

- Nhân vật chính của bi kịch thường là những anh hùng hay những con người có những say mê, khát vọng lớn lao; đồng thời, đôi khi còn có cả những sai lầm trong hành động và suy nghĩ. Nhân vật chính của bi kịch thường bị đặt vào một

ngịch cảnh éo le, nhân vật với những mong muốn hay khao khát mãnh liệt nhưng do nghịch cảnh nào đó nhân vật không thể thực hiện hay giải quyết được, muốn thực hiện hay giải quyết được nhân vật phải chịu sự mất mát, hy sinh.

- Kết thúc bi thảm của số phận nhân vật bị kịch thường có ý nghĩa thức tỉnh, khơi gợi tình cảm nhân văn ở mỗi con người.

- Mỗi vở bi kịch đều mang một nội dung riêng, xây dựng những nhân vật với sự độc đáo riêng của nó. Yếu tố để tạo nên sự độc đáo hấp dẫn của mỗi vở bi kịch là do tính cách của mỗi nhân vật quyết định.

Hai tác phẩm kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) là tiêu biểu cho thể bi kịch của tác phẩm kịch.

1.3. Điểm qua chương trình dạy học văn bản kịch ở THPT

Kịch bản văn học là một trong ba thể loại chính của văn học nhưng lại chiếm một tỉ lệ nhỏ so với các văn bản văn học khác trong chương trình Ngữ văn cấp THCS đến THPT. Tác phẩm kịch được phân bố như sau:

Ở SGK Ngữ văn (bộ chuẩn) gồm các văn bản: “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*” trích “*Vũ Như Tô*” (Nguyễn Huy Tưởng – SGK Ngữ văn 11, tập 1), “*Tình yêu và thù hận*” trích “*Romeo và Giuliét*” (Sếchxpia – SGK Ngữ văn 11, tập 1), “*Hồn Trương Ba da hàng thịt*” trích “*Hồn Trương Ba da hàng thịt*” (Lưu Quang Vũ – SGK Ngữ văn 12, tập 2).

Ở SGK Ngữ văn (bộ nâng cao) gồm các văn bản: “*Xúy Vân giả dại*” trích chèo “*Kim Nham*” (SGK Ngữ văn 10, tập 1), “*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*” trích “*Vũ Như Tô*” (Nguyễn Huy Tưởng – SGK Ngữ văn 11, tập 1), “*Tình yêu và thù hận*” trích “*Romeo và Giuliét*” (Sếchxpia – SGK Ngữ văn 11, tập 1), “*Hồn Trương Ba da hàng thịt*” trích “*Hồn Trương Ba da hàng thịt*” (Lưu Quang Vũ – SGK Ngữ văn 12, tập 2). Thời gian phân phối để dạy học các văn bản kịch trên là 2 tiết (90 phút)

Nhìn chung, trong chương trình Ngữ văn THPT chỉ dạy đoạn trích của một số vở kịch có vị trí quan trọng trong lịch sử văn học Việt Nam và thế giới. Một đoạn trong vở chèo “*Kim Nham*” và ba đoạn bi kịch của các tác giả Nguyễn Huy Tưởng, Lưu Quang Vũ, Uyliam Shếchxpia. Như vậy, trong quá trình giảng dạy GV không

hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm kịch với tính chất là một loại hình nghệ thuật sân khấu mà chỉ hướng dẫn các em tìm hiểu tác phẩm kịch ở phương diện văn học.

1.4. Tác giả và tác phẩm

1.4.1. Tác giả Nguyễn Huy Tưởng và tác phẩm kịch Vũ Như Tô

1.4.1.1. Tiểu sử và sự nghiệp Nguyễn Huy Tưởng **Tiểu sử**

Nguyễn Huy Tưởng sinh năm 1912, mất ngày 25 tháng 7 năm 1960, quê ở xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông sinh trong một gia đình nhà nho khá giả có tinh thần yêu nước. Khi còn là học sinh, Nguyễn Huy Tưởng tham gia phong trào yêu nước của thanh niên học sinh ở Hải Phòng. Năm 1935, ông lên Hà Nội làm thư ký ở Nhà đoan, đồng thời nuôi chí hướng viết văn để ký thác tâm lòng yêu nước. Những sáng tác đầu tay của Nguyễn Huy Tưởng khai thác là đề tài lịch sử. Mở đầu là tiểu thuyết *Đêm hội Long Trì* (1943), đặc sắc nhất là vở kịch *Vũ Như Tô* (1944).

Trong kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Huy Tưởng tham gia thành lập Hội văn nghệ Việt Nam và tích cực xây dựng nền văn nghệ kháng chiến từ những ngày đầu. Ông vừa hoạt động phong trào, vừa sáng tác. Tác phẩm tiêu biểu là: *Ký sự Cao – Lạng* (tác phẩm đã đạt giải thưởng Văn nghệ Việt Nam 1951-1952).

Từ ngày hòa bình lập lại, 1954, Nguyễn Huy Tưởng tiếp tục hoạt động văn nghệ và say sưa sáng tác. Thể tài cũng như nội dung cảm hứng của nhà văn mở rộng. Nhà văn viết về sự đời của nông dân (tiểu thuyết *Truyện anh Lục*, 1955), cuộc hồi sinh của vùng đất Điện Biên anh hùng (tiểu thuyết *Bốn năm sau*, 1959)...và ông trở về với đề tài lịch sử, đặc biệt là lịch sử hào hùng trong những năm đầu Cách mạng Tháng Tám ở thủ đô Hà Nội. Ông viết truyện phim *Lũy hoa* (1960), tiểu thuyết *Trường Thiên Sống mãi với Thủ đô*. Tác phẩm mới hoàn thành tập I, tài năng của nhà văn đang nở rộ thì ông đột ngột mất, tháng 7 năm 1960.

Với lứa tuổi thiếu niên học sinh trong trường phổ thông, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã dành nhiều tình cảm mến yêu và sự quan tâm sâu sắc. Ông đã góp phần quan trọng sáng lập Nhà xuất bản Kim Đồng và sáng tác nhiều tác phẩm đặc sắc cho thiếu nhi. Tiêu biểu nhất là cuốn truyện lịch sử *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*.

Sự nghiệp văn chương:

Nhà văn là cây bút thiên về đề tài lịch sử, đồng thời cũng là người viết ở nhiều thể loại văn học: tiểu thuyết, ký, kịch, truyện phim... ở mỗi thể loại ông đều có những đóng góp đáng kể.

Trước Cách mạng tháng Tám-1945, các sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng đều đi sâu khai thác các sự kiện, các nhân vật lịch sử nước nhà. Khi viết về đề tài này, nhà văn ca ngợi, khẳng định tinh thần yêu nước của dân tộc. Dưới ngòi bút của ông, lịch sử vẫn luôn giữ được sự trung thực, đồng thời tạo nên sự sinh động và gần gũi bạn đọc. Toàn bộ sáng tác của nhà văn là những trang viết đầy tâm huyết của một trí thức giàu lòng yêu nước rất đáng trân trọng.

Sau cách mạng tháng Tám – 1945, Nguyễn Huy Tưởng đem hết sức mình để xây dựng nền văn học cách mạng. Toàn bộ sáng tác của nhà văn ở giai đoạn này là tập trung ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Con đường sáng tác của nhà văn không ít thăng trầm, nhưng điều đáng quý ở Nguyễn Huy Tưởng là có một tấm lòng thành tha thiết với cách mạng, với dân tộc và sự trung thực của một trí thức, một nghệ sĩ khát khao sáng tạo, luôn trăn trở về công việc và trách nhiệm của người cầm bút.

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Huy Tưởng chỉ gói gọn trong khoảng hai mươi năm, ông ra đi giữa tuổi 49, tuổi đang sung sức của một cây bút đã từng trải qua hai chế độ, tài năng đang ở độ kết tinh. Như vậy, từ một thanh niên yêu nước, giàu lý tưởng, lấy văn chương làm hành động cách mạng, Nguyễn Huy Tưởng đã trưởng thành dưới chế độ mới và trở thành một nhà văn giàu tâm huyết và có những đóng góp quan trọng cho nền văn học mới, phản ánh con đường đi của người trí thức đến với cách mạng. Động lại sâu sắc trong lòng người đọc là tấm lòng nhân ái, tin yêu, với những trang viết trong sáng, lạc quan, đậm ấm, đôn hậu.

Ghi nhận sự đóng góp của Nguyễn Huy Tưởng, năm 1996 nhà nước đã trao giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật cho ông.

- Tác phẩm chính: Nguyễn Huy Tưởng thành công ở 3 thể loại:

1. Về kịch nói: *Có Vũ Như Tô* (1941), *Cột đồng Mã Viện* (1945), *Bắc Sơn* (1946), *Những người ở lại* (kịch, 1948).

2. Về tiểu thuyết: *Có Đêm hội long trì* (1942), *An Tư công chúa* (1945), *Truyện anh Lục* (1955), *Bốn năm sau* (1959), *Sống mãi với thủ đô* (1961).

3. Về ký có *Ký sự Cao Lạng* (kí, 1951).

4. Về truyện phim: *Lũy hoa* (1960).

5. Các tác phẩm viết cho thiếu nhi: *Chiến sĩ ca nô*, *An Dương Vương xây thành Ốc*, *Kể chuyện Quang Trung*, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, *Tìm mẹ*, *con cóc là cậu ông Giời*, *Hai bàn tay chiến sĩ*, *Thằng Quậy*,...

Trong nhà trường phổ thông, tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng được dạy và học ở các lớp: Lớp 7: Truyện thiếu nhi *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* với ba đoạn trích tiêu biểu “*Bóp nát quả cam*”, “*Luyện tập*”, “*Lên đường*”. Lớp 11: Kịch *Vũ Như Tô*, trích giảng *Hồi V*, phần kết tác phẩm.

Đặc điểm kịch Nguyễn Huy Tưởng:

Đặc điểm nổi bật sáng tác kịch của Nguyễn Huy Tưởng là đề tài lịch sử và cảm hứng yêu nước. Dù là viết truyện, viết kịch cho người lớn hay cho thiếu nhi, tác giả cũng hào hứng dẫn người xem, người đọc vào không khí của lịch sử. Ông đã tái hiện những chặng đường đau thương mà hào hùng trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta trong quá khứ (*Cột đồng Mã Viện*, *Đêm hội Long Trì*, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*...). Những tác phẩm viết về sự việc và con người hiện tại, ngòi bút Nguyễn Huy Tưởng cũng thấm đẫm không khí, cảm hứng lịch sử: *Bắc Sơn*, *Lũy hoa*, *Sống mãi với Thủ đô*,...

Qua những tác phẩm đó, nhà văn đã ca ngợi chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng, ý chí kiên cường đấu tranh dựng nước và giữ nước, sức sống bất khuất, bất diệt của dân tộc ta. Dù tả cảnh, kể sự việc, hoặc khắc họa hành động kịch của nhân vật, mỗi câu mỗi chữ đều chan chứa tình thương yêu, mến trọng và lời ngợi ca nhiệt thành của nhà văn. Tất cả bắt nguồn từ lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và niềm tin ở con người trong trái tim vốn đôn hậu và giàu tình thương.

Kịch của Nguyễn Huy Tưởng khai thác và dựng mâu thuẫn từ những mâu thuẫn cơ bản của thời đại, những xung đột quyết liệt đặt ra hướng đến tính dân tộc. Trong xây dựng xung đột, ông luôn tìm đến sự kiện nổi bật, tái hiện nó ở mức độ quy mô (xây dựng đám đông nhân vật, mâu thuẫn của kịch,...).

Kịch của Nguyễn Huy Tưởng có khả năng khái quát rộng rãi, thường chứa đựng nhiều cảnh, nhiều người, nhiều sự việc, phản ánh những khung cảnh xã hội và lịch sử tiêu biểu, có ý nghĩa. Ông luôn bám chắc lấy cuộc sống và sự vận động của nó, lấy đó làm cơ sở cho kịch của mình. Từ những mâu thuẫn trong đời sống đặt ra những vấn đề suy nghĩ. Ông luôn xoáy sâu vào ý nghĩ để tìm lấy một kết luận, một phương hướng giải quyết. Vũ Như Tô đặt ra vấn đề người nghệ sĩ với chính quyền chuyên chế, nghệ thuật chân chính với bạo lực, và đề cao tinh thần bất khuất với cường quyền.

Kịch của Nguyễn Huy Tưởng cũng giàu chất trữ tình. Nhân vật có chất sống và đời sống nội tâm rất phong phú, một chiều sâu của cảm xúc và suy tưởng (Đời sống nội tâm của nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm).

Về ngôn ngữ nghệ thuật: Trong truyện và cả trong kịch nói, Nguyễn Huy Tưởng sử dụng một giọng văn trầm tĩnh, trong sáng, đôn hậu mà vẫn bay bổng, lãng mạn, lôi cuốn người đọc, ví dụ đoạn miêu tả kỳ tài của Vũ Như Tô trong tác phẩm kịch Vũ Như Tô:

“...một tài trời, một người thợ có hoa tay tuyệt thế, chạm trổ, nạm đục, xây dựng không kém đường gì. Một tay hội họa khác thường: Chỉ một vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa, thần tình biến hoá như hoá công. Còn cái tài tính toán thì không lời nào tả hết, sai khiến gạch như ông tướng cầm quân, có thể xây những lâu đài cao cả, nóc vờn mây mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ”.

Tuy kịch nói của Nguyễn Huy Tưởng ra đời trước Cách mạng tháng Tám (thời kỳ thể loại kịch mới khai sinh ở nước ta) nhưng đã đạt tới những chuẩn mực khá tiêu biểu của nghệ thuật kịch hiện đại. Ông đã xây dựng được những mâu thuẫn khách quan của xã hội (*Vũ Như Tô, Bắc Sơn, Những người ở lại*). Nhân vật kịch của ông phát triển trong những suy nghĩ, giằng xé nội tâm khá phong phú, tinh tế (nhân

vật Vũ Như Tô). Nhiều màn kịch xuất hiện đám đông nhân vật, phần lớn là quần chúng lao động, tạo không khí sôi động gần với hiện thực cuộc sống.

Vị trí Nguyễn Huy Tưởng trong nền văn học kịch Việt Nam:

Nói đến loại hình kịch những năm trước Cách mạng 1945, không thể không nhắc đến Nguyễn Huy Tưởng, người đã góp phần hoàn thiện loại hình kịch nước nhà trong thời kì kịch sân khấu mới được khai sinh ở Việt Nam.

Trong sự nghiệp văn học của Nguyễn Huy Tưởng, những tác phẩm kịch chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Nguyễn Huy Tưởng bước vào đời văn bằng tác phẩm đầu tay: vở bi kịch lấy cảm hứng từ lịch sử *Vũ Như Tô*. Viết *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng muốn làm một việc ký gửi tâm tình riêng của mình khi bắt đầu nhận lấy trách nhiệm của người cầm bút. Có thể xem tác phẩm như lời tâm sự, niềm suy nghĩ chân chính và tích cực của anh về vai trò của người nghệ sĩ với thời cuộc. Tâm sự ấy còn là những băn khoăn, day dứt, những khát vọng cống hiến làm đẹp cho dân tộc.

Từ vở *Vũ Như Tô* cho đến *Những người ở lại*, đặc biệt với những tác phẩm có thể xem là những bông hoa hương sắc những năm trước và sau Cách mạng như: *Vũ Như Tô*, *Cột đồng Mã Viện*, *Bắc Sơn*, ta nhận thấy kịch của ông thật sự đã đánh dấu những bước đi đầu tiên của nền kịch nói Việt Nam lúc bấy giờ. Nhà văn đã có công thúc đẩy và hoàn chỉnh nền kịch nói của nước nhà trên đường hình thành và phát triển. Và chắc chắn rằng khi nhắc đến kịch thời kì trước và sau Cách mạng là phải nhắc đến nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng bởi sự đóng góp lớn và vị trí của nhà văn đối với loại hình nghệ thuật kịch ở nước ta. Khi nhắc đến kịch Nguyễn Huy Tưởng thì không thể không nhắc đến tác phẩm kịch đầu tay *Vũ Như Tô*, nhưng có lẽ hôm nay và cả ngày sau vẫn còn nhắc đến bởi những giá lớn lao mà tác phẩm kịch của người nghệ sĩ tài hoa tâm huyết – nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng để lại cho đời.

1.4.1.2. Tác phẩm “Vũ Như Tô”

Bối cảnh ra đời tác phẩm kịch Vũ Như Tô:

“Vũ Như Tô” là vở bi kịch lịch sử năm hồi viết về một sự kiện xảy ra ở Thăng Long khoảng năm 1516 - 1517 dưới triều Lê Tương Dực. Tác phẩm được Nguyễn Huy Tưởng viết xong vào mùa hè năm 1941, đề tựa tháng 6 - 1942. Từ vở bi kịch ba hồi đăng trên tạp chí Tri tân năm 1943 - 1944, được sự góp ý của nhiều nhà văn tiến bộ, nhà văn đã sửa lại thành vở kịch năm hồi, được tái bản nhiều lần và cũng được công diễn nhiều lần trên sân khấu Thủ đô thời gian trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Tác phẩm ra đời trong *phong trào văn nghệ phục cổ* những năm 1939-1945, một phong trào hưởng ứng tinh thần yêu nước và dân chủ hoạt động dưới ảnh hưởng của cao trào cách mạng nhằm tưởng nhớ đến dĩ vãng của một nòi giống oanh liệt và ước mong những ngày tươi sáng hơn cho Tổ quốc. Trong khuynh hướng văn nghệ này, việc sáng tác *kịch lịch sử* đã trở thành một phong trào sôi nổi, cuốn hút hầu hết các cây bút viết kịch bản. Từ những cây bút tiếng tăm đến những cây bút mới đều đã đóng góp ít nhiều cho sân khấu kịch lịch sử.

Tác phẩm được lấy cảm hứng từ người thật việc thật được ghi chép trong lịch sử, dưới triều vua Lê Tương Dực. Trong cuốn *Việt sử thông giám cương mục* của Quốc sử triều Nguyễn thế kỷ XIX viết về vụ việc xây dựng Cửu Trùng Đài như sau:

“Trước đây, Vũ Như Tô, một người thợ ở Cẩm Giàng xếp cây mía làm thành kiểu mẫu cung điện lớn trăm nóc, dâng lên nhà vua, nhà vua bằng lòng, phong cho Như Tô là đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn trăm nóc cung điện lớn có gác, lại khởi công làm Cửu Trùng Đài. Mặt trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch, vòng quanh khúc khuỷu, mở thông cửa cống. Nhà vua bắt thần ngự thuyền Thiên Quang đi xem suốt ngày đêm. Quân sĩ trong ngũ phủ làm việc xây đắp chưa được thành công, lại bắt quân sĩ các nha môn ở trong và ngoài kinh thành việc lấp hồ, san đất. Khi nhà vua đi chơi, thấy người nào làm vừa ý thì thưởng cho thẻ bài vàng hoặc bạc. Có khi công việc làm đã xong rồi lại thay đổi làm lại; sửa sang, xây dựng hết

năm này qua năm khác. Quân và dân phải đi làm việc bị bệnh dịch, chết và mất khá nhiều (...) Duy Sản vì thường can ngăn, làm trái ý vua, nhà vua tức giận, sai đánh bằng trượng. Duy Sản bèn cùng Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm bàn mưu bỏ vua này lập vua khác [100, tr 43- 51].

Và cũng trong sách *Việt sử thông giám cương mục* có ghi lại đoạn kết số phận của Vũ Như Tô như sau: sau khi Trịnh Duy Sản đã giết vua, “*Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở Bồ Đề được tin (...), bèn chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa thành. Lúc Như Tô bị giết, mọi người đều chỉ trích chê cười, có người nhổ nước bọt vào thây của hắn*”. Trên trang viết của Nguyễn Huy Tưởng, Vũ Như Tô trong tác phẩm kịch Vũ Như Tô là “*một tài trời*”, “*là một người thợ có hoa tay tuyệt thế, chạm trổ, nặn đục, xây dựng không kém đường gì (...) một tay hội họa khác thường: chỉ một vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa, thân tình biến hóa như cảnh hóa công*”.

Nội dung tác phẩm kịch Vũ Như Tô :

Vở kịch Vũ Như Tô có hai mâu thuẫn xung đột cơ bản:

Mâu thuẫn xung đột thứ nhất là giữa giai cấp thống trị thối nát, xa hoa, trụy lạc với nhân dân đau khổ, lầm than. Mâu thuẫn xung đột thứ hai là giữa lý tưởng và khát vọng nghệ thuật cao đẹp, thuần túy của người nghệ sĩ với lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân. Ở hồi V, xung đột thứ hai đã lên đến đỉnh điểm, hòa vào xung đột thứ nhất. Người dân không muốn quan tâm việc trả thù Lê Tương Dực mà chỉ “*phanh cây*” ngay Vũ Như Tô và cung nữ “*đồng bệnh*” Đan Thiềm. Mâu thuẫn xung đột kịch thể hiện rõ qua hai nhân vật chính: Vũ Như Tô và Đan Thiềm

Vũ Như Tô, một kiến trúc sư tài ba “*ngàn năm chưa dễ có một*” hiện thân cho niềm khát khao, say mê sáng tạo cái đẹp. Là một nghệ sĩ có nhân cách lớn, hoài bão lớn và có lý tưởng nghệ thuật cao cả nhưng Vũ Như Tô lại có những lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Khát vọng chính đáng, cao đẹp của ông lại bị đặt lầm chỗ, lầm thời và xa thực tế nên phải trả giá bằng mạng sống và cả công trình nghệ thuật. Qua Vũ Như Tô, nhà văn đặt vấn đề về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống, giữa khát vọng nghệ thuật muôn đời với lợi ích của nhân dân.

Đan Thiềm là người trân trọng, đam mê cái tài- tài sáng tạo ra cái đẹp. Nét tính cách ấy được nhà văn gọi là “bệnh Đan Thiềm”- “bệnh” mê đắm tài hoa siêu việt của người sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo cái đẹp. Là người luôn tỉnh táo, sáng suốt, người thức thời, biết thích ứng với hoàn cảnh. Bi kịch, nỗi đau của Đan Thiềm là không bảo vệ được cái đẹp, không cứu được người tài.

Qua vở kịch nhà văn thể hiện thái độ cảm thông với bi kịch của Vũ Như Tô, trân trọng tài năng, hoài bão của người nghệ sĩ khát khao sáng tạo cái đẹp đồng thời bày tỏ sự cảm mến với những người mắc “bệnh Đan Thiềm”. Nhưng tác giả cũng không hoàn toàn ngợi ca Vũ Như Tô và những người nghệ sĩ chỉ biết đến quyền lợi nghệ thuật của cá nhân, thiếu quan điểm nhân dân.

Vở kịch đặt ra vấn đề sâu sắc có ý nghĩa muôn thuở về cái đẹp, về mối quan hệ giữa người nghệ sĩ và nhân dân, đồng thời bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng, giàu khát vọng nhưng phải chịu số phận đau thương.

Nghệ thuật tác phẩm kịch Vũ Như Tô :

- Khai thác sáng tạo nguồn sử liệu phù hợp tạo nên tính chất lịch sử cho một vở bi kịch để đem đến những thông điệp, giá trị hiện thực, phù hợp tiếng nói và nhu cầu của thời đại.
- Tình huống, xung đột kịch căng thẳng, khẩn trương, hợp lý và hấp dẫn: đoạn ở hồi V, Đan Thiềm lo lắng cho sự an nguy của Vũ Như Tô nên tha thiết khuyên Vũ Như Tô chạy trốn nhưng Vũ Như Tô cương quyết không nghe vì tin vào việc làm quang minh chính đại của mình.
- Dựng cảnh, các lớp kịch dồn dập, nhịp điệu nhanh mà vẫn tự nhiên, hợp lí, dẫn dắt và đẩy xung đột kịch đến cao trào để giải quyết.
- Ngôn ngữ kịch điêu luyện, có tính tổng hợp cao, lời thoại phù hợp với nhân vật.
- Tính cách, tâm trạng nhân vật bộc lộ rõ nét qua ngôn ngữ, hành động (Hồi V xuất hiện khá nhiều nhân vật, kể cả loại nhân vật số đông như quân khởi loạn, cung nữ,... nhưng không rời mà vẫn hiện rõ hành động kịch, xung đột kịch, và nổi lên một số nhân vật chính gây ấn tượng như Vũ Như Tô, Đan Thiềm, Nguyễn Vũ, Ngô Hạch, Lê Trung Mại).

- Màu sắc bi kịch khá đậm nét trong hồi V, đặc biệt các lớp VII, VIII, IX.
- Các lớp kịch được chuyển linh hoạt, tự nhiên, liền mạch.

1.4.2. Tác giả Lưu Quang Vũ và tác phẩm kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt

1.4.2.1. Tác giả Lưu Quang Vũ

Tiểu sử:

Lưu Quang Vũ sinh ngày 17 tháng 4 năm 1948, tại xã Thiệu Cô, huyện Hạ Hoà (Phú Thọ), quê gốc ở Đà Nẵng. Ông sinh ra trong một gia đình trí thức, cha là nhà viết kịch Lưu Quang Thuận, mẹ là bà Vũ Thị Khánh. Thuở nhỏ, Lưu Quang Vũ sống cùng gia đình ở chiến khu Việt Bắc, khi hoà bình lập lại (1954), gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội.

Từ 1965 đến 1970, ông nhập ngũ, phục vụ trong quân chủng phòng không không quân. Đây là thời kì tài thơ Lưu Quang Vũ bắt đầu nở rộ. Từ 1970 đến 1978, Lưu Quang Vũ xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để sinh sống. Từ tháng 8 năm 1979, Lưu Quang Vũ làm phóng viên tạp chí sân khấu. Khoảng đầu thập niên tám mươi, ông chuyển sang viết kịch và gặt hái nhiều thành công rực rỡ.

Đến năm 1988, giữa lúc tài năng đang vào độ chín, tên tuổi vang dội trên văn đàn nghệ thuật Lưu Quang Vũ qua đời trong một tai nạn ô tô trên quốc lộ 5 cùng với vợ là nhà thơ Xuân Quỳnh và con trai Lưu Quỳnh Thơ.

Sự nghiệp văn chương:

Nói đến Lưu Quang Vũ là nói đến một cây bút tài hoa đã để lại dấu ấn trong nhiều thể loại. Con đường sự nghiệp khởi đầu từ thơ và kết thúc rực rỡ ánh hào quang ở kịch. Không chỉ có vậy, truyện ngắn của Lưu Quang Vũ, những bài bình luận sân khấu của ông cũng tạo được bản sắc, giọng điệu riêng, để lại những dư vị khó quên trong lòng người đọc. Từ thuở bé, Lưu Quang Vũ đã sớm bộc lộ năng khiếu hội họa và cốt cách của một thi sĩ tài hoa, đa cảm trong tương lai.

Bước chân vào con đường nghệ thuật, Tập thơ đầu tay *Hương Cây - Bếp lửa* in chung với Bằng Việt ở độ tuổi 20 đã làm xao động bao bạn đọc bởi chất tươi mát, ngọt ngào và những hoài niệm đẹp đẽ về tình yêu, cuộc sống, tiêu biểu cho tiếng nói của thế hệ trẻ thời chống Mỹ hào hùng. Từ tập thơ đầu tươi vui, trong trẻo ấy, đến

những bài thơ "viễn vông, cay đắng, u buồn" viết trong những năm chiến tranh, người đọc cảm nhận sâu sắc sự chuyển biến trên hai chặng đời khác nhau của một con người.

Về văn xuôi, Lưu Quang Vũ có vài chục truyện ngắn trong ba tập *Người kép đóng hồ* (1983), *Mùa hè đang đến* (1983), *Truyện ngắn Lưu Quang Vũ* (1994).

Ngoài ra Lưu Quang Vũ còn viết phê bình. Cuốn *Diễn viên và sân khấu* viết chung với Vương Trí Nhàn, Xuân Quỳnh là một trong những quyển sách quý hiếm viết về những nghệ sĩ tài năng trên sân diễn.

Như một sự tiếp nối tất yếu, Lưu Quang Vũ đến với kịch, tìm thấy ở kịch mảnh đất màu mỡ cho tài năng mình tỏa sáng. Hoạt động sân khấu từ khi có mặt của Lưu Quang Vũ sôi nổi và nhộn nhịp hẳn lên. Kịch Lưu Quang Vũ được lưu diễn trên khắp chiều dài, chiều rộng của đất nước tham dự vào đời sống nhân dân. Vinh quang đến với anh ngay từ vở kịch đầu tay *Sống mãi tuổi 17* được nhận huy chương vàng tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1980. Kể từ đó Lưu Quang Vũ được nhắc đến như một hiện tượng xuất sắc, tiêu biểu của kịch trường Việt Nam. Năm 1985 trong Hội diễn sân khấu toàn quốc, Lưu Quang Vũ đã đạt sáu huy chương vàng, hai huy chương bạc.

Lưu Quang Vũ được đánh giá là nhà viết kịch lớn nhất thế kỷ này của Việt Nam, là một nhà văn hoá. Hơn 50 vở kịch của Lưu Quang Vũ đã làm thay đổi diện mạo của sân khấu Việt Nam những năm 80. Trong lịch sử sân khấu nước ta, thời kỳ kịch của Lưu Quang Vũ có lẽ là thời kỳ huy hoàng, sôi động nhất. Nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu, phê bình đã đánh giá cao tài năng, tâm huyết và những đóng góp của Lưu Quang Vũ đối với nền văn học nói chung. Ông được gọi là “Cây bút vàng của sân khấu”.

Năm 2000, Lưu Quang Vũ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 2 về nghệ thuật sân khấu (với các vở kịch: *Tôi và chúng ta*, *Lời thề thứ 9*).

- Tác phẩm tiêu biểu:

+ Thơ: *Hương cây* (1968 - in cùng Bằng Việt trong tập *Hương cây - Bếp lửa*), *Mây trắng của đời tôi* (1989), *Bầy ong trong đêm sâu* (1993) và nhiều bài thơ khác chưa được in thành tập.

+ Văn xuôi: *Mùa hè đang đến* (tập truyện ngắn), Nxb Tác phẩm mới, 1983; *Người kếp đóng hồ* (tập truyện ngắn), Nxb Hà Nội

+ Kịch: Những vở kịch tiêu biểu: *Sống mãi tuổi 17* (1979), *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (1981), *Cô gái đội mũ nồi xám* (1981), *Nàng Xita* (1982), *Nữ kí giả* (1983), *Tôi và chúng ta* (1984), *Ông vua hoá hổ* (1985), *Lời thề thứ 9* (1988),...

Những vở kịch được giải:

1. *Sống mãi tuổi 17* (viết chung với Nguyễn Thị Thành, Đào Duy Kỳ, 1979, được Huy chương vàng Hội diễn sân khấu toàn quốc 1980.

2. Sáu vở kịch được Huy chương vàng trong Hội diễn sân khấu toàn quốc 1985: *Tôi và chúng ta*, *Người đi trước*, *Nguồn sáng trong đời*, *Người trong cũi nhớ*, *Dòng sông Thu Bồn*, *Người tốt nhà số 5*.

3. Hai vở kịch đoạt Huy chương bạc: *Vách đá nóng bỏng*, *Nữ kí giả*.

Căn cứ vào cốt kịch bản, có thể phân chia kịch Lưu Quang Vũ ra làm nhiều loại:

- Loại dựa vào một số tích cũ của văn học dân gian rồi viết lại như: *Lời nói dối cuối cùng*, *Ông vua hóa hổ*, *Nàng Si-ta*, *Đam San*, *Đôi đũa kim giao*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, *Linh hồn của đá*,...

- Loại dựa vào cốt truyện văn học để chuyển thành kịch như: *Hẹn ngày trở lại*, , *Chết cho điều chưa có*, *Muối mặn đời em*, *Đất sống của người*,...

- Loại sáng tác đề tài hiện đại như: *Mùa hạ cuối cùng*, *Thủ phạm là ai*, *Cô gái đội mũ nồi xám*, *Tôi và chúng ta*, *Hoa cúc xanh trên đầm lầy*,... Đây là phần điểm mạnh và chiếm số lượng lớn trong gia tài kịch đồ sộ của Lưu Quang Vũ.

Đặc điểm sáng tác kịch Lưu Quang Vũ:

Như chúng ta đã biết trước khi viết kịch, Lưu Quang Vũ sáng tác thơ, viết văn với một phong cách đã định hình rõ nét. Nhưng nhìn lại gần 50 vở kịch của tác giả viết trong thời gian khoảng 10 năm, chúng ta có thể nhận ra một số nét đặc sắc trong nghệ thuật viết kịch của Lưu Quang Vũ có thể kể như sau:

Trước hết, đó là phạm vi rộng rãi của đề tài, các tác phẩm của Lưu Quang Vũ tạo nên một thế giới nghệ thuật mênh mông như không bị ràng buộc vào bất cứ điều gì trong quá trình tìm chọn đề tài sáng tác: Từ cổ tích dân gian như *Lời nói dối cuối cùng*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, *Linh hồn của đá*,... Từ lịch sử, dã sử như *Ông vua hóa hổ*, *Ngọc Hân công chúa*,... Từ lịch sử hiện đại như *Sống mãi tuổi 17*, *Hẹn ngày trở lại*, *Chết cho điều chưa có*, *Nữ ký giả*,... Kịch của Lưu Quang Vũ bao quát một phạm vi cuộc sống thật rộng rãi, phong phú, nhiều vẻ. Trong tác phẩm, ta nhận thấy có nhiều ngành nghề, công việc, như sản xuất ở các xí nghiệp (*Tôi và chúng ta*, *Nếu anh không đốt lửa...*), y tế (*Nguồn sáng trong đời*, *Vi khuẩn Han-xen...*), giáo dục (*Mùa hạ cuối cùng*, *Lời thề thứ chín*).

Đặt tác phẩm kịch trong bối cảnh xã hội Việt Nam những năm của thập niên 80, ta nhận thấy tính hiện đại trong chủ đề tư tưởng các vở diễn. Ở Lưu Quang Vũ việc thể hiện một cách nhanh nhạy những vấn đề đang đặt ra trong đời sống như là một phản xạ có điều kiện. Nhiều chi tiết thời sự được tác giả đưa vào tác phẩm mang tính tự nhiên của đời sống như những màn đối thoại của các nhân vật trong *Hồn Trương Ba da hàng thịt* cũng đầy tính khái quát về vấn đề con người và cuộc sống. Điều này làm tăng tính hấp dẫn của loại hình nghệ thuật này.

Tác giả có một khả năng đặc biệt trong việc *tạo tình huống kịch*. Nói đến kịch tất nhiên là phải nói đến kịch tính. Trong rất nhiều trường hợp, kịch tính được tạo nên do mâu thuẫn. Tác giả rất linh hoạt và sáng tạo: khi tạo nên một tình huống hoàn toàn bất ngờ, không ai lường trước, nhưng lắm khi lại là một chi tiết quen thuộc lặp đi lặp lại mà vẫn hấp dẫn. Ở đây ta nhận thấy tác giả có sự nhạy cảm đặc biệt trong việc tạo tình thế kịch khác nhau này. Khi thì từ một cô gái đội mũ nồi xám, đến một nữ công nhân từng là chiến sĩ thanh niên xung phong Trường Sơn những năm chống Mỹ, hay bị bệnh máu trắng trong *Tôi và chúng ta*, hay dựa vào kết thúc của câu chuyện dân gian để xây dựng cốt kịch mang màu sắc hiện đại và đậm chất nhân văn như *Hồn Trương Ba da hàng thịt*.

Trong mỗi tình thế kịch đó, Lưu Quang Vũ đã tạo dựng được một thế giới nhân vật, trong đó có những nhân vật làm người xem khó quên bởi mỗi nhân vật

đều mang một tính cách rất rõ nét. Một giám đốc Việt với tính tình điềm tĩnh, mà quyết đoán, đầy tình người nhân hậu trong bộ kịch 2 tập Tôi và chúng ta. Hàng loạt các nhân vật truyền thuyết, lịch sử được tác giả làm mới lại và định hình trong một đường nét được chấp nhận, như nàng Si-ta, hoàng tử PơLiêm, như Trương Ba, anh Hàng thịt, bà vợ Trương Ba và vợ anh hàng thịt,... Mỗi vở kịch, tác giả đều xây dựng những nhân vật đáng nhớ. Không chỉ ở nhân vật chính, ngay cả ở các nhân vật phụ, ta vẫn thấy tính cách, cá tính rất sống động.

Là một người viết văn, Lưu Quang Vũ đặc biệt chú ý quá trình phát triển tính cách của nhân vật, chú ý đến những bước phát triển tâm lý, đột biến, những điểm ngoặt trong tính cách, tạo nên bất ngờ, thú vị mà sâu sắc. Chẳng hạn trong Hồn Trương Ba da hàng thịt, có một đoạn anh con trai Trương Ba bất chấp lời can ngăn của bố và gia đình, cứ một mực bỏ ruộng vườn, gia đình ra tính đi buôn. Giận quá, ông Trương Ba lúc này đã nhập vào xác anh hàng thịt thẳng tay tát vào mặt con. Phản ứng đầu tiên là anh ta bảo ông không phải là bố tôi. Bố tôi chưa đánh tôi thế bao giờ. Nhưng đột ngột, anh ta như chợt khám phá ra một điều gì mới mẻ, quay lại vỗ vập: Đúng rồi, ông đích thực là bố tôi rồi. Ngỡ có điều gì từ đáy sâu tình cảm làm anh ta nghĩ lại. Nào ngờ máu con buôn vụ lợi nổi lên, anh ta nghĩ ngay giá có một ông bố mạnh khỏe, tàn bạo như thế cùng đi buôn với mình thì lợi vô kể. Quá trình phát triển tính cách của nhân vật đã tạo nên sự bất ngờ, đồng thời đã làm rõ nét tính cách của nhân vật rất nhiều.

Một nét đặc sắc nổi bật của kịch Lưu Quang Vũ là ngôn ngữ nhân vật thường không chỉ tự nhiên, gọn, sáng sủa mà còn nhiều sức gợi nghĩ. Điều này có phải chăng do tác giả trước khi là nhà viết kịch đã từng là nhà thơ, nên ngôn ngữ kịch của Lưu Quang Vũ cũng có sức gợi nghĩ và sâu sắc như thơ. Và điều này làm nên đặc điểm hấp dẫn rất riêng cho ngôn ngữ kịch của Lưu Quang Vũ.

Nét quán xuyên trong toàn bộ sáng tác và làm nên đặc điểm kịch Lưu Quang Vũ là tính hiện đại và tính nhân văn. Nhà văn đã kế thừa thành tựu kịch trước đó nhưng có nhiều thể nghiệm đổi mới cho phù hợp với không khí thời đại. Một số vở

kịch về đề tài lịch sử, dã sử, hay truyện cổ tích dân gian đều được tác giả cách tân đáng kể (Nàng Si-ta, Hồn Trương Ba da hàng thịt).

Vị trí của Lưu Quang Vũ trong văn học kịch Việt Nam :

Nói đến sự phát triển của kịch những năm 80, không thể không nhắc đến Lưu Quang Vũ. Thời kỳ 1980-1985, văn học kịch đi tiên phong làm nhiệm vụ khai vỡ mảnh đất hiện thực, nêu ra những vấn đề cốt lõi bức thiết, những nhu cầu bức xúc của công chúng đối với xã hội, chuẩn bị cho một công cuộc đổi mới đất nước mọi mặt toàn diện sâu sắc. Lưu Quang Vũ đã tham gia tích cực vào diễn đàn nghệ thuật, góp phần giương cao ngọn cờ tiên phong của thể loại văn học kịch, đưa ra công luận các vấn đề nóng bỏng liên hệ đến cuộc sống của người lao động chân chính. Những kịch bản văn học của Lưu Quang Vũ được trình diễn khắp đất nước, nói lên tiếng nói của đông đảo người lao động trước những vấn đề hiện thực gai góc, bằng nhiều cách thể hiện khác nhau. Tiếng nói nghệ thuật từ kịch Lưu Quang Vũ một thời đã trở thành người bạn đồng hành, hòa nhập vào cuộc sống nhân dân để nắm bắt nhịp đập và dòng chảy của thời đại.

Lưu Quang Vũ là tác giả trẻ tuổi nhất được phần thưởng cao quý: giải thưởng Hồ Chí Minh. Từ năm 2000 cho đến nay, một số vở kịch của Lưu Quang Vũ đã được các đoàn nghệ thuật dàn dựng lại. Nhà hát kịch Việt Nam dựng vở: *Nguồn sống trong đời*. Nhà hát kịch thành phố Hồ Chí Minh với vở *Đường bay* trình diễn vào vào dịp 22 tháng 12 năm 2004 kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam. Đoàn ca kịch Huế dựng lại vở *Điều không thể mất*. Hai vở kịch tiêu biểu nhất của Lưu Quang Vũ là *Hồn Trương Ba da hàng thịt* (vở diễn xuất sắc nhất trong liên hoan sân khấu các nước XHCN ở Liên Xô 1990) và vở *Tôi và chúng ta* gần đây đã được trình diễn trong chương trình Nhà hát truyền hình của Đài truyền hình Việt Nam. Sân khấu kịch IDECAF đã dựng lại vở “Tin ở hoa hồng”, cho đến năm 2006, sân khấu này vẫn liên tục trình diễn hai vở: “Người tốt nhà số 5” và vở “Bệnh sĩ”. Ngày 3 tháng 12 năm 2005, vở *Hoa cúc xanh trên đầm lầy* được nhà hát truyền hình dựng lại phục vụ đông đảo khán giả truyền hình. Còn vở *Trái tim trong trắng*

được công diễn và phát sóng vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 16 tháng 3 năm 2006 trên đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, kênh số 9. Gần đây nhất *Cô gái đội mũ nôi xám* được dựng lại, phát sóng ngày 11-8 trên kênh Thuần Việt của HTVC. Vở được HTVC tổ chức ghi hình nhân Nhà hát Tuổi Trẻ vào Nam lưu diễn dịp 8-3 -2012, do NSUT Anh Tú dàn dựng với sự tham gia của các diễn viên: Thu Hương, Đức Tâm, Tùng Linh, Duy Anh, Minh Trang,...

Cuộc đời Lưu Quang Vũ khá ngắn ngủi nhưng với lòng nhiệt thành, đam mê nghệ thuật và quan niệm sáng tác đúng đắn, ông đã xây dựng được sự nghiệp văn chương phong phú ở cả ba thể loại trữ tình, tự sự và kịch. Giai đoạn cuối đời, ông đặc biệt thành công trong thể loại kịch và nhiều nhà nghiên cứu đã thừa nhận sự thành công vang dội của kịch Lưu Quang Vũ trên văn đàn những năm 80 thế kỷ XX. Qua những cống hiến, đóng góp mà nhà văn, nhà viết kịch tài hoa đã để lại cho đời, chúng ta có thể xác nhận những đóng góp nhiều mặt của Lưu Quang Vũ vào thành tựu chung của văn học hiện đại Việt Nam nói chung và nền kịch Việt Nam nói riêng sau năm 1975. Trong khoảng hơn hai mươi năm kể từ ngày Lưu Quang Vũ mất, công chúng vẫn đến rạp để xem kịch của ông do thể hệ diễn viên trẻ hôm nay dàn dựng. Thật hiếm thấy tác giả nào mà kịch bản sống được như thế.

1.4.2.2. Tác phẩm “ Hồn Trương Ba da hàng thịt ”

Sự thành công của vở kịch:

Vở kịch được viết 1981, trình diễn lần đầu 1987, một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ đã được công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước. Sự thành công của vở kịch là một dấu ấn lớn của kịch Việt Nam đương đại. Vở kịch đã được giải huy chương vàng tại Hội diễn Sân khấu toàn quốc 1990 và là vở kịch đầu tiên mang ra nước ngoài công diễn (có đạo diễn NSND Nguyễn Đình Nghi đã dàn dựng cho Nhà hát kịch nói Việt Nam). Năm 1990, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* đã tham gia *Festival sân khấu kịch Quốc tế 1990* tại Mát-xcơ-va. Năm 1998, Nhà hát kịch Việt Nam mang vở kịch sang biểu diễn ở nước Mỹ. *Hồn Trương Ba da hàng thịt* đã được dàn dựng và trình diễn tại Anh (Nhà hát Yellow

Earth), nhạc nền là các ca khúc dân gian Việt Nam (Theo *Thế Thao – Văn hóa* Thứ ba, 10/9/2002).

Các nhà nghiên cứu sân khấu quốc tế đã đánh giá cao giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của vở diễn này. Cho đến nay, vở kịch vẫn được tiếp tục trình diễn ở nhiều nơi, được thể hiện trên Sân khấu Kịch IDECAF trong dịp Tết Nguyên đán 2008. Đạo diễn Ái Như dàn dựng với sự tham gia của các diễn viên NSUT Thành Lộc, NSUT Thành Hội, NSUT Kim Xuân, Đình Toàn, Bạch Long, Lê Khánh,...

Bối cảnh xã hội - hoàn cảnh sáng tác vở kịch:

Bối cảnh xã hội những năm 80 (thế kỷ XX) là thời kỳ hậu chiến, xã hội đang đối đầu với những hậu quả của chiến tranh. Thêm vào đó là cơ chế bao cấp với tất cả những khó khăn của nó trong đời sống. Từ đại hội Đảng lần thứ VI (1986) xã hội bắt đầu chuyển mình. Trong đời sống văn học nghệ thuật bắt đầu đặt ra nhu cầu đổi mới.

Kịch bản *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ra đời trong hoàn cảnh xã hội có nhiều biến đổi ấy; cái mới bắt đầu manh nha, cái cũ vẫn còn tồn tại, sự đan xen giữa cũ và mới diễn ra ở mọi lĩnh vực, trong đó có văn học nghệ thuật. Vượt qua khỏi cách viết sử thi vẫn còn chi phối văn học những năm sau 1975, Lưu Quang Vũ đã đưa ngòi bút chạm đến những vấn đề đời tư thế sự, khai thác nhiều mảng đa dạng của đời sống. Vở kịch thật sự có ý nghĩa, khẳng định vai trò tiên phong của kịch tác gia Lưu Quang Vũ trong sự nghiệp đổi mới văn học sau 1975.

Xuất xứ vở kịch:

Vở kịch được sáng tạo trên câu chuyện cổ tích *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, nhưng đã có những thay đổi khá cơ bản. Trong truyện dân gian, nhân vật Trương Ba tiếp tục sống bình thường, hạnh phúc khi được nhập hồn vào thân xác anh hàng thịt. Ở đây, nhà viết kịch lại tập trung diễn tả tình cảnh trớ trêu, nỗi đau khổ dày vò của Trương Ba từ khi “bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo”. Vở kịch đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng triết lý và nhân văn sâu sắc.

Nội dung tác phẩm kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt*:

- **Trương Ba - nhân vật bi kịch:**

Trương Ba là người làm vườn yêu cây cỏ, yêu thương mọi người, sống nhân hậu, chân thực. Vì sự tắc trách của quan nhà trời, ông Trương Ba phải rơi vào nghịch cảnh đau thương. Bi kịch của ông Trương Ba là phải sống nhờ vào thân xác của người khác, người đó lại là anh hàng thịt có phần thô lỗ, đời sống và tính cách hoàn toàn khác với Trương Ba.

Do sự sai khiến của thân xác “đồ tể” của anh hàng thịt, tính cách Trương Ba ngày càng thay đổi. Trương Ba không còn như ngày nào “hiền hậu, vui vẻ, tốt lành” hết lòng yêu thương vợ con, ân cần với mọi người, yêu mến cỏ cây, chăm chút từng mầm non, không còn cư xử có văn hóa, trong sạch và thẳng thắn.

Tự ý thức về tình trạng chính mình, Trương Ba đau đớn giãy vò. Lời thoại đầu đoạn trích đã bộc lộ rõ tâm trạng vừa chán ngán vừa sợ hãi cái thân xác mà ông đang vay mượn: “*Không ! Không ! Tôi không muốn sống như thế này mãi !*”. Đây là tình tiết hợp lý để Hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt, để soi ngắm chính mình, bày tỏ những đau khổ day dứt của mình. Bi kịch của Trương Ba được thể hiện qua các cuộc đối thoại:

Lớp 1: Cuộc đối thoại giữa hồn và xác:

- Đây là một tình huống độc đáo. Để làm rõ hoàn cảnh éo le của ông Trương Ba, nhà viết kịch đã tạo dựng thật linh hoạt cuộc đối thoại giữa hồn và xác, một cuộc đối đầu thật sự giữa hai phần quan trọng trong một con người.

- Bằng biện pháp đối lập, Lưu Quang Vũ tô đậm mâu thuẫn giữa hồn người này và xác người kia, đó cũng là độ vênh giữa bên trong và bên ngoài.

Hồn: Thanh nhã – Cao khiết – Trong sạch – Đạo đức.

Xác: Kèn càng thô lỗ – Trần tục – Bản năng – Âm u đui mù.

Trong sự tranh cãi giữa hồn và xác, hồn là biểu tượng cho sự thanh cao, cho đạo đức, cho phần người chân chính của mỗi con người. Xác biểu tượng cho bản năng, cho những ham muốn trần tục, là phần “con” ẩn nấp trong mỗi con người.

Xung đột ở đây chính là: Xác muốn hồn ở lại, Hồn muốn thể hiện sự ngán ngẩm khi trú ngụ sai địa chỉ, Xác từ tốn thuyết phục bằng lợi ích cộng sinh giữa 2 người bằng lý lẽ rất trần tục: được sống, thỏa mãn ăn uống, cảm xúc được thăng

hoa. Hồn phản ứng lại bằng khổ tâm phải sống nhờ, phải làm những điều mình không muốn, tâm hồn mình hoàn toàn khác, muốn làm điều gì đó đôi khi bị lôi kéo, người thân nghi kỵ, thật đau đớn.

Đưa ra sự xung đột, đối lập này nhà văn thể hiện triết lý, và muốn nhấn mạnh rằng: con người không chỉ sống bằng thân xác mà cũng không thể chỉ sống bằng tinh thần. Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt là hai thực thể đối lập, nhưng không thể tồn tại riêng rẽ. Sự kết hợp không hài hòa, vênh lệch giữa hồn và xác sẽ là bi kịch. Cuộc sống tốt đẹp nhất phải là sự hòa hợp, phải là chính mình, không có hạnh phúc nào có thể thiết lập trên sự vay mượn ở người khác.

Lớp 2: Cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba với những người thân

Hồn Trương Ba trong xác phàm tục của anh hàng thịt không sống yên ổn trong gia đình mình: người vợ vừa thương vừa ghen, dằn dỗi chồng mình; anh con trai Cả muốn bán khu vườn, cái Gái không thừa nhận ông nội của mình. Chị con dâu tỏ ra thông cảm, hiểu và đau cho nỗi đau “sống nhờ” của hồn Trương Ba nhưng cũng không thể nào giữ lại một ông Trương Ba *“hiền hậu, vui vẻ tốt lành như thầy của chúng con xưa kia”*.

Trước thái độ phản ứng của người thân, Lưu Quang Vũ đã tô đậm bi kịch oái oăm, không lối thoát của Trương Ba. Đây là tấn bi kịch kinh hoàng của con người ý thức được thế nào là quyền sống chính đáng nhưng đang tự đánh mất chính mình. Suy cho cùng, nó chẳng khác gì bi kịch bị khước từ cuộc sống trong một số tác phẩm trước đây.

Tâm trạng đau đớn, dằn vặt dồn nén không thể chịu đựng nổi khiến Trương Ba ngày càng bế tắc, từ đó dẫn đến khát vọng giải thoát tình cảnh oái oăm.

Ở lớp kịch giữa, Lưu Quang Vũ đã sử dụng lời độc thoại như một biện pháp hữu hiệu để làm bật lên những xào xạc trong tâm hồn Trương Ba. Lời độc thoại cũng là lời tự vấn, tự thú đớn đau: *“Mày đã thắng rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ, ...Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình.”*, hay *“Nhưng có thật là không còn cách nào khác?...Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!”*

-Ý nghĩa triết lý: Qua sự giằng xé giữa hồn và xác ở nhân vật Trương Ba, Lưu Quang Vũ muốn nhấn mạnh sự đấu tranh giữa thể xác và tâm hồn để hoàn thiện nhân cách. Hồn Trương Ba phải đấu tranh gay gắt với chính cái thân xác đầy những ham muốn bản năng mà ông đang sống mượn. Có thể xem đây là cuộc đấu tranh với chính mình để giữ được sự thanh cao của tâm hồn

Lớp 3: Cuộc đối thoại giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích

Cuộc đối thoại này cho thấy khát vọng giải thoát khỏi thân xác người khác của Trương Ba rất mãnh liệt. Đây là lúc xung đột lên tới đỉnh điểm. Hồn Trương Ba tự ý thức bị kịch của chính mình. Những lời thoại với tiên Đế Thích là kết quả của quá trình tự ý thức của nhân vật Trương Ba:

“Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”. Lời thoại này thể hiện rõ quan niệm về hạnh phúc của nhà viết kịch: Con người phải được sống như chính mình, sống hòa hợp giữa hồn và xác – tâm hồn trong sạch trong một thân thể khỏe mạnh. *“Tôi muốn là tôi toàn vẹn”*- đây là hạnh phúc.

Hồn Trương Ba vẫn biết sống là quý thật nhưng sống như thế nào mới là vấn đề đáng suy nghĩ. Trương Ba trân trọng cuộc sống, nhưng “không thể sống với bất cứ giá nào”. Hiểu được như vậy, hồn Trương Ba tự nguyện rời bỏ cõi trần, dẫn Đế Thích lại “sửa sai” bằng cách gợi ý cho hồn Trương Ba nhập vào xác cụ Tị. Trương Ba không muốn mượn thân xác người nào để phải làm những việc trái với bản chất con người mình. Ông chọn cái chết thật sự để cho mình được sống mãi trong hoài nhớ của mọi người.

Cuộc đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích là một tình huống nữa để nhà văn gợi quan niệm về sống chết và gửi gắm những vấn đề ông muốn phê phán. Có những sai lầm không gì cứu chữa được, chỉ có cách là phải biết tránh sai lầm khác, và cố gắng đừng làm sai nữa. Bằng những lời thoại đầy chất triết lý, Lưu Quang Vũ đã khơi gợi những suy ngẫm sâu sắc về sống chết ở đời.

Nghệ thuật tác phẩm kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt:

- Nghệ thuật dựng cảnh: Sự kết hợp giữa yếu tố kì ảo và nội dung hiện thực

Để thể hiện sinh động cho vở kịch, tác giả giữ nhiều yếu tố huyền ảo vốn có của cổ tích: Cảnh trên thiên đình, các chư quan, Nam Tào, Bắc Đẩu, Đế Thích... Chuyện Trương Ba sống đi chết lại trong xác người khác, rồi hồn tách ra khỏi xác anh hàng thịt. Cảnh hạ giới Hồn Trương Ba hiện ra lơ mơ trong dáng Trương Ba thật, hồn cu Tị bay vút lên khỏi mái nhà,... Những yếu tố kỳ ảo này có vai trò quan trọng chi phối diễn biến, tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện.

Dẫu dày đặc yếu tố kì ảo nhưng vở kịch vẫn mang nội dung hiện thực. Vở kịch ra đời 1981, đằng sau cảnh thiên đình, hạ giới là diện mạo của xã hội đương thời, một xã hội đang quá trình đổi mới còn nhiều ngổn ngang tốt xấu, tích cực lẫn tiêu cực.

Không gian của vở kịch nhuộm màu huyền thoại, phù hợp với cốt truyện dân gian mà nhà văn sử dụng. Tuy vậy, nhà viết kịch không dừng lại ở không gian thời gian cụ thể. Trải dài xung đột trong không gian rộng lớn, thời gian vĩnh hằng, vở kịch đã chuyển tải được những vấn đề lớn thuộc về triết lý nhân sinh. Câu chuyện không dừng lại ở cá nhân ông Trương Ba mà trở thành vấn đề của muôn đời: linh hồn và thân xác, sống và chết là vấn đề chung cho mọi thời đại.

- Tạo tình huống và cách dẫn dắt xung đột kịch

+ Tình huống kịch độc đáo: “Hồn người này, xác người khác”, hồn anh Trương Ba trong xác anh hàng thịt thô lỗ. Chính tình huống oái oăm này đã xung đột của vở kịch. Hồn Trương Ba, da hàng thịt là loại kịch không có những xung đột kịch gay gắt. Lưu Quang Vũ linh hoạt và sáng tạo trong cách tạo ra xung đột bên trong. Cuộc đối thoại giữa hồn và xác chính là xung đột diễn ra trong bản thân nhân vật, hai phần trong một con người tranh luận với nhau rất căng thẳng. Giữa xác hàng thịt, hồn Trương Ba có sự va chạm giữa nhiều yếu tố: tốt và xấu, thanh cao và phàm tục, bản năng và lí trí, đạo đức và tội lỗi,... Ông Trương Ba phải đấu tranh với chính mình sau một quá trình tự ý thức để chọn cách ứng xử phù hợp.

+ Diễn biến của vở kịch được dẫn dắt hợp lý: Nhà văn đưa ra mâu thuẫn giữa hồn và xác (cuộc đối thoại giữa hồn và xác), đẩy nó tới đỉnh điểm (Hồn Trương Ba

gặp Đế Thích; cái chết của cu Tị) và tháo gỡ một cách tự nhiên, không gò ép khiên cưỡng.

-Những điểm đặc sắc về ngôn ngữ kịch :

+ Ngôn ngữ kịch giàu chất triết lí, giọng điệu tranh biện: Vở kịch của Lưu Quang Vũ lấp lánh những vấn đề về triết lí nhân sinh. Tính chất triết lý thấm đượm trong lời thoại, đặc biệt là những lời đối đáp giữa hai nhân vật Hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt, giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích.

+ Lời thoại sinh động, đặc biệt là ngôn ngữ đối thoại:

Ngôn ngữ nhân vật được cá thể hóa rõ nét, đặc biệt là hai nhân vật Trương Ba và hàng thịt. Hai nhân vật này có lúc tách ra, đối diện, đối đáp với nhau (Lớp 1- Trên sân khấu hồn Trương Ba lơ mờ hiện ra), có lúc nhập vào nhau (Lớp 2- Xác Hàng thịt mang hồn Trương Ba ngồi lặng lẽ bên chõng).

Anh hàng thịt là người thô lỗ, nóng nảy, ngôn ngữ thô lậu. Trương Ba là người nho nhã, ngôn ngữ thanh lịch, thẳng thắn, dám đấu tranh với thân xác vay mượn của anh hàng thịt, đấu tranh với chính tâm hồn trong sạch của mình, ngôn ngữ của Trương Ba sắc sảo, thâm thúy. Đặc biệt là đoạn đối thoại với Đế Thích (lớp 3), lời lẽ, lập luận của Trương Ba chứng tỏ đây là con người biết suy nghĩ chín chắn, biết nhìn xa trông rộng, thẳng thắn và tự trọng.

-Lời độc thoại thể hiện tâm trạng nhân vật

Đoạn trích cảnh VII chủ yếu là đối thoại, nhưng cũng có những lời độc thoại được nhà văn sử dụng đúng lúc, đúng chỗ tạo được hiệu quả cao. Tâm trạng phân vân, đau đớn của Hồn Trương Ba được diễn tả qua những lời độc thoại như:

-“Không ! Không ! Tôi không muốn sống như thế này mãi!”.

-“ Có thật không còn cách nào khác ? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại ! Không cần !”

DHTG là một trong những hình thức dạy học tiềm năng để thực hiện tinh thần đổi mới trong dạy học hướng đến việc phát huy các hoạt động tích cực của HS. Kịch là một loại hình văn học mang tính đặc thù, nếu được khai thác đúng ưu thế về

loại thể và có cách tiếp cận hợp lý, chúng ta sẽ phát huy được những điểm mạnh của nó. Việc thiết kế và tổ chức dạy đọc hiểu tác phẩm kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) trong chương trình Ngữ văn lớp 11 và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) trong chương trình Ngữ văn lớp 12 theo mô hình ứng dụng kỹ thuật DHTG là một hướng đi có triển vọng sẽ được chúng tôi trình bày cụ thể ở chương sau của luận văn.

CHƯƠNG 2

THIẾT KẾ BÀI ĐỌC HIỂU TÁC PHẨM KỊCH THEO GÓC

2.1. Quan điểm tổ chức hoạt động dạy học *theo góc* trong dạy kịch ở trường THPT

2.1.1. Dạy học văn bản kịch *theo góc* gắn với định hướng tổ chức dạy học theo hướng tích cực

Nghĩa là tổ chức PPDH hướng tới việc tập trung vào phát huy tính tích cực của người học, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giáo viên phải chủ động nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Bản chất của hoạt động tổ chức dạy học theo hướng tích cực:

a. *Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của học sinh.* Trong phương pháp dạy học tích cực, người học - đối tượng của hoạt động "dạy", đồng thời là chủ thể của hoạt động "học" - được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giáo viên tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giáo viên sắp đặt.

b. *Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học.*

Trong xã hội hiện đại đang biến đổi nhanh - với sự bùng nổ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát triển như vũ bão - thì không thể nhồi nhét vào đầu óc HS khối lượng kiến thức ngày càng nhiều. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được *phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học* thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, ngày nay người ta nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến *từ học tập thụ động sang tự học chủ động*, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của GV

c. *Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác.*

Trong một lớp học mà trình độ kiến thức, tư duy của HS không thể đồng đều tuyệt đối thì khi áp dụng phương pháp tích cực buộc phải chấp nhận sự phân hóa về

cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi công tác độc lập. Áp dụng phương pháp tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hóa này càng lớn. Việc sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin trong nhà trường sẽ đáp ứng yêu cầu cá thể hóa hoạt động học tập theo nhu cầu và khả năng của mỗi HS.

Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kỹ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi trường giao tiếp thầy - trò, trò - trò, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập. Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học nâng mình lên một trình độ mới. Bài học vận dụng được vốn hiểu biết và kinh nghiệm sống của người thầy.

Trong nhà trường, phương pháp học tập hợp tác được tổ chức ở cấp nhóm, tổ, lớp hoặc trường. Được sử dụng phổ biến trong dạy học là hoạt động hợp tác trong nhóm nhỏ 4 đến 6 người. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung. Trong hoạt động theo nhóm nhỏ sẽ không thể có hiện tượng ỷ lại; tính cách năng lực của mỗi thành viên được bộc lộ, uốn nắn, phát triển tình bạn, ý thức tổ chức, tinh thần tương trợ. Mô hình hợp tác trong xã hội đưa vào đời sống học đường sẽ làm cho các thành viên quen dần với sự phân công hợp tác trong lao động xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường đã xuất hiện nhu cầu hợp tác xuyên quốc gia, liên quốc gia; năng lực hợp tác phải trở thành một mục tiêu giáo dục mà nhà trường phải chuẩn bị cho HS.

d. Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.

Trong dạy học, việc đánh giá HS không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy.

Trước đây GV giữ độc quyền đánh giá HS. Trong phương pháp tích cực, GV phải hướng dẫn HS phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. Liên quan với điều này, GV cần tạo điều kiện thuận lợi để HS được tham gia đánh giá lẫn nhau. Tự đánh giá đúng và điều chỉnh hoạt động kịp thời là năng lực rất cần cho sự thành đạt trong cuộc sống mà nhà trường phải trang bị cho HS

Theo hướng phát triển các phương pháp tích cực để đào tạo những con người năng động, sớm thích nghi với đời sống xã hội, thì việc kiểm tra, đánh giá không thể dừng lại ở yêu cầu tái hiện các kiến thức, lặp lại các kỹ năng đã học mà phải khuyến khích trí thông minh, óc sáng tạo trong việc giải quyết những tình huống thực tế. Với sự trợ giúp của các thiết bị kỹ thuật, kiểm tra đánh giá sẽ không còn là một công việc nặng nhọc đối với GV, mà lại cho nhiều thông tin kịp thời hơn để linh hoạt điều chỉnh hoạt động dạy, chỉ đạo hoạt động học.

Từ dạy và học thụ động sang dạy và học tích cực, GV không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, GV trở thành người *thiết kế, tổ chức, hướng dẫn* các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để HS tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, HS hoạt động là chính, GV có vẻ nhàn nhã hơn nhưng trước đó, khi soạn giáo án, GV đã phải đầu tư công sức, thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người *gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài* trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của HS. GV phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của HS mà nhiều khi diễn biến ngoài tầm dự kiến của GV.

2.1.2. Dạy học văn bản kịch *theo góc* theo quan điểm tích hợp

Một tác phẩm văn học là tổ hợp của những tri thức trên nhiều phương diện, tri thức về lịch sử, tri thức địa lý, nhất là tri thức về văn hóa. Những tri thức ấy có vai trò như một bộ phóng hay một phong nền để làm bật rõ cái hay cái đẹp của văn chương, nó góp phần tạo nên tính uyên bác, và hình tượng hơn cho câu chữ. Hơn

nữa kiến thức văn học có tính liên môn với tập làm văn, nên việc dạy tác phẩm văn học hiện đại theo quan điểm tích hợp là tất yếu.

2.1.3. Dạy học văn bản kịch *theo góc* phải gắn với môi trường học tập thân thiện-nghiêm túc và tổ chức lớp học nề nếp.

Môi trường học tập thân thiện là điều kiện tốt nhất để đạt mục đích tổ chức dạy học theo hướng tích cực. Sự thân thiện tạo tâm lý cởi mở để HS có thể hợp tác đối thoại giao tiếp với GV và với bạn bè trong học tập. Nhưng môi trường “thân thiện” phải gắn với sự nghiêm túc, cùng với việc tổ chức nề nếp lớp học. Vì thực tế hiện nay, phần đông một lớp học của chúng ta có số lượng HS là từ 30 đến 45 em. Các lớp học thường liên kề nhau nên dễ gây ảnh hưởng nhau về tiếng ồn từ các buổi học. Tuổi các em lại rất hiếu động, tinh nghịch, dễ dây dưa, bị lôi kéo vì một lời phát biểu có hứng thú bên ngoài bài học mà có thể làm chậm tiến trình theo kế hoạch của phân môn. Người thầy đứng lớp đôi khi căng thẳng vì vấn đề này nhưng nếu chúng ta tổ chức một lớp học thật nghiêm túc, nề nếp thì sẽ giảm phần nào những khó khăn, và giúp cho giờ học đạt hiệu quả hơn. Để tạo một môi trường nghiêm túc, tổ chức lớp nề nếp, cần có sự liên kết chặt chẽ của các bộ phận trong nhà trường chứ không chỉ riêng một cá nhân GV nào. Dạy các tác phẩm văn học hiện đại theo quan điểm tạo môi trường học tập thân thiện - nghiêm túc, gắn với việc tổ chức nề nếp của lớp học sẽ phát huy được tính tích cực cao.

2.1.4. Dạy học văn bản kịch *theo góc* phải có sự kết hợp đồng bộ các hướng tiếp cận

Một kết luận khoa học quan trọng và cơ bản đối với nghiên cứu và giảng dạy văn học là luôn luôn nắm vững một quan điểm tiếp cận đồng bộ, một sự vận dụng hài hòa các phương pháp lịch sử phát sinh, cấu trúc văn bản và lịch sử chức năng khi tiếp cận tác phẩm văn chương. Một phương pháp tiếp cận khoa học như vậy được xây dựng từ nhận thức đúng đắn về nguồn gốc của văn học, về bản chất cấu trúc và sinh mệnh của tác phẩm văn chương và đó cũng là sự vận động nhuần nhuyễn những quan điểm khách quan và khoa học về sáng tác và tiếp nhận văn chương vào việc tìm hiểu một tác phẩm văn chương cụ thể.

Quan điểm tiếp cận đồng bộ bao gồm:

1. Quan điểm tiếp cận lịch sử phát sinh: hay là sự vận dụng một cách thích hợp những hiểu biết ngoài văn bản (bối cảnh xã hội, bối cảnh văn hóa, nhà văn...)

Ví dụ: Như khi tiếp cận và tìm hiểu chiều sâu tác phẩm, người giáo viên phải đặt trong mối quan hệ với các tác phẩm khác của giai đoạn văn học lúc bấy giờ, đồng thời cũng phải đặt thể loại đó trong mối quan hệ với thực tế cuộc sống, với trào lưu, trường phái văn học để thấy được sự ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp đến nó.

2. Quan điểm tiếp cận văn bản:

Tiếp cận trên văn bản, không thoát ly văn bản; nhận thức về văn bản với các giá trị vốn có của nó; tiếp cận tác phẩm văn chương ở tính chỉnh thể; tiếp cận trên cơ sở nhận diện được “loại thể”.

Theo các nhà nghiên cứu, việc chiếm lĩnh tác phẩm văn chương theo đặc trưng loại thể sẽ giúp ta hiểu tác phẩm sâu sắc hơn. Mỗi tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật đầy sáng tạo của nhà văn, nó thuộc về một thể loại nhất định. Mặc dù một số tác phẩm vẫn có sự đan xen, pha tạp của các loại thể khác nhưng về cơ bản chúng được nhà văn viết dưới hình thức một thể loại nào đó. Do vậy, mỗi tác phẩm văn chương có con đường tiếp cận riêng.

3. Quan điểm tiếp cận hướng vào đáp ứng của HS:

Có nghĩa là nhấn mạnh đến quan điểm người đọc, đến phản ứng và đáp ứng của HS, xem HS là bạn đọc sáng tạo. Tuy nhiên cũng không coi nhẹ định hướng sư phạm của người thầy.

2.1.5. Dạy học văn bản kịch *theo góc* phải có sự hợp tác giữa vai trò của thầy-trò, thầy - nhóm trò, trò- trò, trò-nhóm trò.

Hợp tác có nghĩa là làm việc cùng nhau để đạt mục tiêu chung, trong đó GV đóng vai trò là người định hướng, tổ chức, hay người thiết kế, chỉ đạo các nhóm HS cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ học tập do GV nêu ra, từ đó rút ra bài học dưới sự hướng dẫn của GV, còn vai trò của HS gần như ngang nhau. Dạy học văn bản kịch *theo góc* đòi hỏi sự tham gia đóng góp trực tiếp và tích cực của mỗi HS. Chính vì thế có thể nói rằng, quá trình học tập sẽ thật sự thất bại nếu giờ dạy học không

tạo nên môi trường giao tiếp, hoặc không có sự phối hợp giữa trò - trò, thầy - trò, nhóm trò - trò.

Trong quá trình hợp tác, các cá nhân tìm kiếm những kết quả, những kết quả này không chỉ có ích cho mỗi cá nhân mà còn có ích cho cả thành viên khác trong nhóm. Điều này sẽ phát triển tối đa năng lực học của bản thân và mỗi thành viên trong nhóm. Cho nên dạy học văn bản kịch “theo góc” yêu cầu phải có sự hợp tác giữa thầy - trò, thầy - nhóm trò, trò - trò, trò - nhóm trò.

2.1.6. Dạy học văn bản kịch *theo góc* phải gắn với tâm lí lứa tuổi học sinh THPT

Đặc điểm hoạt động trí tuệ, năng lực cá nhân, tình trạng sức khỏe, trạng thái tâm sinh lý của cá nhân, phẩm chất nhân cách của cá nhân, cá tính, tính nề nếp, ý thức cá nhân góp phần rất lớn, ảnh hưởng tốt hoặc không tốt cho việc tổ chức dạy học của thầy trên lớp. Học sinh THPT (độ tuổi từ 16-18) đang ở vào thời kỳ trưởng thành về mặt thể lực cũng như hoàn thiện về nhân cách. Đây cũng là lứa tuổi trình độ tư duy phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hóa hoạt động nhận thức của HS trong học tập. Chính vì thế, khi tổ chức dạy học nói chung, dạy học kịch theo góc nói riêng, người GV cũng cần lưu ý đến đặc điểm tâm lí lứa tuổi HS.

2.2. Thiết kế bài đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*

Ở phần này chúng tôi có vài lưu ý như sau:

Thứ nhất: Chúng tôi viết chương 2 trên tinh thần bám sát vào quan điểm mà chúng tôi đã trình bày ở trên.

Thứ hai: Chúng tôi thiết kế bài đọc hiểu với số lượng HS, điều kiện vật chất theo mô hình thực tế của trường học hiện nay. Trong quá trình thực nghiệm, chúng tôi sẽ rút kinh nghiệm và có ý kiến đề xuất sau cho mô hình DHTG lý tưởng .

Thứ ba: Trong quá trình đi tìm phong cách cũng như đặc điểm kịch của hai nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng và Lưu Quang Vũ chúng tôi cũng gặp khó khăn. Bởi cả hai là tác giả đều có những đóng góp lớn và đánh dấu mốc cho nền văn học Việt Nam ở từng giai đoạn khác nhau trên nhiều thể loại nhưng tài liệu bàn về phong cách kịch của hai tác giả trên cũng khan hiếm. Sách giáo khoa cũng chỉ nêu

một vài điểm mang tính khái quát. Hơn nữa thời gian nghiên cứu luận văn có hạn. Tuy vậy chúng tôi vẫn cố gắng tìm và chất lọc một số đặc điểm kịch của Nguyễn Huy Tưởng và Lưu Quang Vũ để làm cơ sở phục vụ, hướng dẫn HS tiếp cận với tác phẩm kịch của hai tác giả trong nhà trường phổ thông một cách thiết thực hơn.

2.2.1. Nguyên tắc chia góc :

Các góc phải được bố trí cách xa nhau trong khoảng cách nhất định, khoảng 1m. Bàn ghế HS tại các góc phải đặt sao cho các em ngồi đối mặt nhau để thuận tiện trao đổi, ghi chép đồng thời cũng thuận tiện khi các em trình bày kết quả thảo luận nhóm và lắng nghe GV nhận xét củng cố bài học. Vị trí góc làm việc phải đủ ánh sáng, thoáng mát. Mỗi góc phải có lối đi để thuận tiện khi HS luân chuyển góc. Đáp ứng nguyên tắc trên, thông thường nên chia góc theo hình chữ U thuận theo hướng bảng trên lớp của GV, hoặc theo bàn vuông hay tròn.

2.2.2. Mục đích của việc chia góc:

Thứ nhất: Trong DHTG, chúng ta chia góc nhằm tạo cho HS một không gian thoải mái, HS có thể di chuyển làm việc một cách năng động, không còn gò bó vào một chỗ thành thói quen ù lì, thụ động.

Thứ hai: Khi chia góc, công việc mỗi phần của bài học được xác định rõ ràng, HS có điều kiện học qua nhiều góc với các hình thức khác nhau giúp HS khắc sâu bài học và nắm bài một cách tổng quan, hệ thống hơn. Như vậy, cách học này sẽ hạn chế việc HS chỉ làm có một phần việc trong bài học, chỉ nắm được một phần trong các nội dung bài học.

Thứ ba: Mỗi góc học tập sẽ tạo không gian riêng, điều kiện để HS được phát huy tính chủ động sáng tạo của bản thân cùng sự tương tác và liên kết với các bạn. Dạy học góc phối hợp với dạy học hợp tác tạo sự gần gũi, chia sẻ, thông hiểu qua tiếp xúc với tư duy, cách học từ nhiều bạn.

Thứ tư: Không gian của góc học và cách dạy học theo góc sẽ giúp cho thầy và trò gần gũi, thân thiện thoải mái hơn, thầy được trả đúng vai trò là người định hướng, chỉ đạo. HS làm việc một cách tích cực dưới sự hướng dẫn của thầy.

2.2.3. Nội dung công việc các góc:

Công việc các góc phải gắn với nhiệm vụ, hướng đến mục tiêu bài học. Để tạo tính hấp dẫn hình thức học này GV lưu ý công việc các góc hạn chế không trùng nhau, tạo nên tính đặc thù riêng của từng góc trong việc hướng đến mục tiêu hay nội dung bài học. GV cần xác định mục tiêu, yêu cầu thực hiện ở mỗi góc.

Để tiện quản lý và điều phối HS di chuyển góc, GV nên thiết kế công việc / bài tập mỗi góc có tính tương ứng về độ khó và thời gian bằng nhau.

2.3. Một số kĩ thuật phối hợp

2.3.1. Phiếu học tập:

Để giúp cho HS chuẩn bị bài đúng ý định của GV ngay từ khi ở nhà và cả phục vụ trên lớp cho tiết học thì việc dùng phiếu học tập là một công cụ đắc lực cho GV. Trong hai bài học trích đoạn kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài và Hồn Trương Ba da hàng thịt, GV có thể dùng hai loại phiếu: Phiếu học tập dùng cho việc soạn bài ở nhà và phiếu dùng cho công việc của các góc thực hiện trên lớp. Thông qua các phiếu GV có thể kiểm tra mức độ chuẩn bị và thái độ, sự nghiêm túc khi tham gia hoạt động trên lớp. Mặt khác GV có thể thông qua đó, thể tổng hợp một cách nhanh nhất các ý kiến, các câu trả lời của HS. Kĩ thuật dùng phiếu học tập được sử dụng rất có ích trong DHTG.

Để định hướng đọc hiểu hai trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) một cách đúng đắn nhất, chúng tôi thiết kế hai loại phiếu:

2.3.1.1. Phiếu học tập HS chuẩn bị ở nhà :

HS tìm hiểu các phương diện thiết yếu như:

- Những nét chính cuộc đời sự nghiệp sáng tác của tác giả.
- Giới thiệu ngắn gọn về thể loại bi kịch, xuất xứ, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.
- Tóm tắt những diễn biến chính của cốt truyện kịch.
- Xác định giọng đọc của các nhân vật kịch trong văn bản kịch.
- Phân tích xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng bi kịch của các nhân vật chính.

- Phân tích các mâu thuẫn cơ bản của tác phẩm kịch và cách giải quyết các mâu thuẫn của tác giả.

- Đặc sắc về nghệ thuật kịch trong văn bản kịch—dẫn chứng.

- Thông điệp của nhà văn qua trích đoạn kịch

- HS chọn 1 trong 2: câu 9a hoặc 9b

9a. Nếu được làm đạo diễn cho vở kịch này, em thử dự kiến sẽ chỉ đạo diễn xuất và tạo bối cảnh sân khấu như thế nào ?

9b. Nếu được hóa thân vào một vai diễn trong vở kịch, em sẽ chọn nhân vật nào ? diễn ở đoạn nào ? Vì sao em chọn nhân vật đó ?

2.3.1.2. Phiếu làm việc theo góc:

GV chia 4 góc, mỗi góc tương ứng với 1 phiếu, mỗi nhóm làm việc qua 4 góc sẽ có 4 phiếu học tập:

Với văn bản trích đoạn kịch Vũ Như Tô:

- Góc nghe nhìn: Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch và khi xem kịch

- Góc diễn kịch: Cảm nhận sau khi hóa thân vào nhân vật kịch

- Góc đọc hiểu 1: Phân tích nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm

- Góc đọc hiểu 2: Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch

Với văn bản trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt:

- Góc nghe nhìn: Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch và khi xem kịch

- Góc diễn kịch: Cảm nhận sau khi hóa thân vào nhân vật kịch.

- Góc đọc hiểu 1:

+ Bi kịch của hồn Trương Ba và cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột của tác giả trong vở kịch.

+ So sánh chủ đề tư tưởng của truyện cổ tích dân gian HTBDHT với kịch HTBDHT của Lưu Quang Vũ

- Góc đọc hiểu 2: Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch

2.3.2. Dạy học hợp tác:

Một trong những bước quan trọng để chuẩn bị cho dạy học các trích đoạn kịch *theo góc* là chúng tôi phải chia nhóm, cho nên nhất thiết chúng tôi phải kết hợp kỹ năng dạy học theo nhóm, những kỹ năng hợp tác, các yêu cầu khi tham gia học nhóm,... đều phải phổ biến và rèn luyện cho học sinh trước khi tham gia bài học, (đây thực chất là ứng dụng kỹ thuật dạy học theo nhóm vào dạy học theo góc).

2.3.2.1. Chia nhóm và phân công nhiệm vụ các nhóm trưởng, thư kí, nhóm viên:

Để giờ dạy được phối hợp chặt chẽ, GV phải chia nhóm và có sự phân công cụ thể rõ ràng tùy theo tình hình thực tế của từng lớp

Lớp học 44 HS, chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 11 thành viên, có phân công nhóm trưởng và thư kí của nhóm.

- Nhóm trưởng: có nhiệm vụ phân công công việc, quản lý nhóm, báo cáo tiến trình hoạt động của nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc, cử người báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.

- Thư kí: Ghi biên bản, tổng hợp lại các ý kiến của các thành viên trong nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc.

- Các nhóm viên: trên tinh thần đã chuẩn bị bài theo phiếu học tập (có thể các thành viên hợp tác phân công bài tập trong phiếu học tập, trao đổi lẫn nhau để cả nhóm cùng nắm bắt – sự phân công có ghi biên bản), tham gia các hoạt động của 4 góc, có hồ sơ, biên bản ghi chép của bản thân.

2.3.2.2. Sự phối hợp trong từng nhóm và các thành viên nhóm:

Trong khi học theo góc GV giúp HS lưu ý các phương diện sau:

Sự phụ thuộc tích cực giữa các thành viên trong nhóm:

HS khi tham gia học theo góc nên hiểu rằng: Các em “cùng nhau bơi hay cùng nhau chết chìm” bởi vì các nhiệm vụ học tập được giao cho cả nhóm, nếu các thành viên trong nhóm không hợp tác với nhau thì không thể giải quyết được nhiệm vụ. Mỗi thành viên trong nhóm có hai trách nhiệm:

- Thứ nhất là hoàn thành nhiệm vụ nhóm giao. Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm có thể giống nhau hoặc mỗi thành viên đảm nhận một phần công việc chung của nhóm

- Thứ hai, mỗi thành viên cần đảm bảo rằng các thành viên khác trong nhóm cũng phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nếu một thành viên trong nhóm không hoàn thành nhiệm vụ thì kết quả của cả nhóm sẽ bị ảnh hưởng. Điều này gọi là sự phụ thuộc tích cực. Sự phụ thuộc này chỉ xảy ra khi người học nhận ra rằng họ không thể hoàn thành nhiệm vụ được giao nếu không liên kết với các thành viên trong nhóm.

Sự phụ thuộc tích cực chỉ xảy ra khi:

- a. Người học ý thức việc làm của họ có ích cho các thành viên trong nhóm và việc làm của các thành viên trong nhóm cũng có ích với mỗi người.
- b. Cùng nhau làm việc trong nhóm sẽ tăng cường khả năng học tập của mỗi thành viên bằng cách chia sẻ nguồn tài liệu và ủng hộ, khuyến khích lẫn nhau.
- c. Thiếu sự cố gắng của thành viên thì nhóm không thể thành công.
- d. Mỗi người có đóng góp riêng vào nhóm. Không có sự phụ thuộc tích cực thì không có sự hợp tác.

Tương tác giữa các thành viên:

Sự phụ thuộc tích cực dẫn đến sự tương tác mang tính khuyến khích giữa các thành viên trong nhóm. Tương tác nghĩa là các cá nhân ủng hộ và trợ giúp các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ và từ đó, đạt được mục tiêu của nhóm. Sự lệ thuộc tích cực có tác dụng:

- Tăng hiệu quả công việc của nhóm
- Tăng cường sự tương tác mặt đối mặt mang tính khuyến khích giữa các cá nhân, cái được củng cố bởi sự phụ thuộc tích cực và bởi khả năng điều chỉnh tâm lý và năng lực giao tiếp xã hội.

Sự tương tác còn được thể hiện qua việc các cá nhân trợ giúp hiệu quả các thành viên khác bằng cách trao đổi, chia sẻ thông tin, tài liệu; Nêu các nhận xét để công việc của bạn mình tiến triển tốt hơn; Phản biện những kết luận và lập luận của

bạn để giúp bạn có những quyết định đúng đắn; Ủng hộ những cố gắng của bạn để đạt mục tiêu chung của nhóm.

Sự tương tác tích cực còn đòi hỏi mỗi thành viên phải có thái độ trung thực, tận tâm với bạn cùng nhóm và xứng đáng với niềm tin của các thành viên khác dành cho mình.

Trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm:

Trách nhiệm nhóm được thể hiện khi kết quả làm việc của mỗi nhóm cá nhân được nhóm đánh giá và kết quả đánh giá được phản hồi cho mỗi cá nhân cũng như cho nhóm. Đồng thời mỗi cá nhân có trách nhiệm đóng góp như nhau cho nhóm, không ai được ỷ lại vào người khác và các thành viên trong nhóm cần biết rõ ai cần được trợ giúp, ủng hộ và khuyến khích để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Khi một thành viên này phải làm quá nhiều và thành viên khác không làm thì sẽ nảy sinh tâm lí chán nản, mỗi người đi một hướng và khi ấy nhóm sẽ tan rã.

Nhóm phải làm rõ mục tiêu của nhóm và có thể đánh giá được: Đánh giá được tiến bộ của nhóm trong quá trình đạt mục tiêu và những cố gắng của mỗi cá nhân. Mục tiêu của nhóm hợp tác là làm cho mỗi thành viên mạnh hơn khi làm việc một mình.

Kĩ năng hoạt động nhóm, giao tiếp của các thành viên trong nhóm:

- Kĩ năng này bao gồm:
 - + Hiểu và tin tưởng người khác.
 - + Kĩ năng diễn đạt chính xác những ý tưởng của mình cho người khác hiểu
 - + Biết chấp nhận và ủng hộ ý kiến của các thành viên trong nhóm, cho dù khác với ý kiến của mình.
 - + Biết cách giải quyết xung đột giữa các thành viên trong nhóm với tinh thần xây dựng.
- Nguyên tắc:
 1. Các thành viên trong nhóm luân phiên nói và thảo luận;
 2. Mỗi người đến lớp với bài tập đã làm;
 3. Vui vẻ lắng nghe bạn, không xúc phạm bạn;

4. Tinh thần vị tha, khoáng đạt, không chấp nê nhất là sau khi xảy ra xung đột

5. Khi đóng góp ý kiến, phản biện cần trân trọng ưu điểm trong ý kiến của bạn trước, sau đó mới đưa ra những hạn chế;

6. Cố gắng dùng lời lẽ nhẹ nhàng, dễ nghe thể thuyết phục hay phản biện nhằm thể hiện sự trân trọng bạn;

7. Mỗi thành viên cần tư duy trước khi phát biểu (thể hiện trên phiếu, hay tập học), sau đó dựa trên ý kiến đã ghi để thảo luận.

2.4. Tiến trình lên lớp: thông qua 3 công đoạn sau:

Công đoạn 1: Giới thiệu - hướng dẫn - phân chia nhóm/ góc

+ GV giới thiệu bài mới - nêu nhiệm vụ bài học- Giới thiệu DHTG cùng với - hướng dẫn HS chọn góc - hướng dẫn HS luân chuyển góc và báo cáo tiến trình làm việc, thỏa thuận về thời gian - chọn góc - luân chuyển góc- báo cáo tiến trình hoạt động, báo cáo kết quả cuối buổi học

+ Các thỏa thuận: Mỗi một nhiệm vụ học theo góc phải được hoàn thành trong khoảng thời gian xác định. HS được quyền lựa chọn góc xuất phát và thứ tự chuyển góc theo một trật tự.

Công đoạn 2: Thực hiện việc dạy và học theo góc.

+ HS tiến hành vào làm việc tại các góc đã chọn

+ GV theo dõi và hướng dẫn, trợ giúp HS tại mỗi góc. GV nhắc nhở thời gian của các góc, kiểm tra tiến trình làm việc của mỗi nhóm hay cá nhân (GV có thể trực tiếp kiểm tra hay gọi nhóm trưởng hay HS bất kì báo cáo kết quả thực hiện qua *bảng báo cáo tiến trình hoạt động các góc*)

+ GV hướng dẫn HS luân chuyển góc. GV cần theo dõi, hướng dẫn kịp thời để HS nhanh chóng ổn định và làm việc trong góc mới.

Công đoạn 3: Báo cáo kết quả và đánh giá các hoạt động đã thực hiện.

+ Mỗi nhóm HS sẽ chọn báo cáo kết quả hoạt động của nhóm tại góc hoặc có thể trình bày trước lớp. Các nhóm HS khác tiếp nhận và đưa thông tin phản hồi.

+ GV chốt lại những điểm cần chỉnh sửa. GV có thể chốt ngắn gọn và đánh giá cho điểm trên cơ sở đánh giá của HS. GV hướng dẫn HS cách lưu giữ các thông tin đã thu thập được qua các góc và yêu cầu HS ghi nhiệm vụ về nhà. Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có.

2.5. Giáo án dạy đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*:

Giáo án DHTG văn bản kịch có 3 bước như sau:

Bước 1: Xác định mục tiêu, các phương pháp chủ yếu

1. Mục tiêu bài học: Ngoài mục tiêu cần đạt được của bài học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng cũng có thể thêm mục tiêu về kỹ năng làm việc độc lập, khả năng làm việc chủ động, hợp tác của HS khi thực hiện học theo góc.

2. Các PPDH chủ yếu: Cần xác định phương pháp chủ yếu nhưng cũng cần có thêm một số phương pháp phù hợp khác.

Bước 2: Chuẩn bị

a. Đối với GV:

- Xác định các nội dung bài học, số góc - mục tiêu mỗi góc, nhiệm vụ và thời gian ở mỗi góc.
- Các hoạt động cơ bản của HS trên lớp
- Các tư liệu học tập để HS chuẩn bị đọc trước khi tham gia bài học
- Thiết kế cách bố trí không gian lớp học, thiết bị, phương tiện dạy học theo góc, bảng ghi nhiệm vụ của mỗi góc.
- Phân công các nhóm trưởng, thư kí, các nhóm viên cùng với nhiệm vụ phù hợp theo cá nhân.
- Thiết kế bản báo cáo tiến trình hoạt động các góc (dành cho mỗi thành viên và nhóm trưởng); phiếu học tập để HS tự đọc và hoàn thành theo phiếu. Bảng hướng dẫn HS chọn góc và luân phiên chuyển theo vòng tròn nối tiếp.

b. Đối với HS:

- Nắm được cách thức và quy trình, nguyên tắc làm việc theo góc
- Xác định số góc, thời gian ở mỗi góc.
- Nắm được các tư liệu học tập để HS chuẩn bị trước khi tham gia bài học

- Nắm được nội dung các câu hỏi, xác định công việc cụ thể của mỗi cá nhân và chuẩn bị theo yêu cầu của GV

Bước 3. Thiết kế tiến trình trên lớp: có thể thông qua 3 công đoạn sau:

Công đoạn 1: Giới thiệu- hướng dẫn- phân chia nhóm/ góc

+ GV giới thiệu bài mới- nêu nhiệm vụ bài học- Giới thiệu DHTG cùng với - hướng dẫn HS chọn góc - hướng dẫn HS luân chuyển góc và báo cáo tiến trình làm việc, quy trình, thỏa thuận về thời gian - chọn góc - luân chuyển góc - báo cáo tiến trình hoạt động, báo cáo kết quả thảo luận cuối buổi học.

+ Các thỏa thuận: Mỗi một nhiệm vụ học theo góc phải được hoàn thành trong khoảng thời gian xác định. HS được quyền lựa chọn góc xuất phát và thứ tự chuyển góc theo một trật tự.

Công đoạn 2: Thực hiện việc dạy và học theo góc.

+ HS tiến hành vào làm việc tại các góc đã chọn

+ GV theo dõi và hướng dẫn, trợ giúp HS tại mỗi góc. GV nhắc nhở thời gian của các góc, kiểm tra tiến trình làm việc của mỗi nhóm hay cá nhân (GV có thể trực tiếp kiểm tra hay gọi nhóm trưởng hay HS bất kì báo cáo kết quả thực hiện qua *bảng báo cáo tiến trình hoạt động các góc*)

+ GV hướng dẫn HS luân chuyển góc. GV cần theo dõi, hướng dẫn kịp thời để HS nhanh chóng ổn định và làm việc trong góc mới.

Công đoạn 3: Báo cáo kết quả và đánh giá các hoạt động đã thực hiện.

+ Mỗi nhóm HS sẽ chọn báo cáo kết quả hoạt động của nhóm tại góc hoặc có thể trình bày trước lớp. Các nhóm HS khác tiếp nhận và đưa thông tin phản hồi. Các HS tham gia bàn bạc, chất vấn và bảo vệ kết quả thảo luận trên tinh thần đóng góp, xây dựng nội dung bài học theo hướng đúng đắn nhất.

+ GV nhận xét, và chốt lại ngắn gọn nội dung chính của bài học và những điểm cần chỉnh sửa. Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có. GV hướng dẫn HS cách lưu giữ các thông tin đã thu thập được qua các góc, và cách xây dựng bài học một cách có hệ thống và yêu cầu HS ghi nhiệm vụ về nhà.

+ GV căn cứ cách thức làm việc, sự tham gia báo cáo, thảo luận, nhận xét, các biên bản, phiếu học tập của HS để đánh giá và cho điểm số. GV hướng dẫn HS cách lưu giữ các thông tin thu thập được qua các góc và yêu cầu HS ghi nhiệm vụ về nhà. Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có. (21 phút)

Bước 4: Củng cố, dặn dò:

1. Củng cố: GV có thể nêu câu hỏi bám vào nội dung chính bài học như:
Cảm nhận gì về tấn bi kịch của nhân vật qua đoạn trích vừa học ? Thông điệp nhà văn muốn gửi đến người đọc là gì ?
2. Dặn dò: Ghi nhiệm vụ về nhà
 - Ghi lại những gì học được từ bài học hôm nay thành một bài học có tính hệ thống.
 - Chuẩn bị bài học tiếp, theo phân phối chương trình như đã hướng dẫn

2.6. Một số lưu ý về việc ứng dụng kĩ thuật dạy học tác phẩm kịch theo góc

Trong việc ứng dụng kĩ thuật dạy học theo góc vào dạy kịch, công việc tổ chức của người thầy rất được đề cao. GV vừa đóng vai trò như một nhà tổ chức các khâu trong dạy học, điều khiển toàn bộ tiến trình trên lớp, đồng thời cũng là một đạo diễn, một nhà phê bình tinh tế, một nhà phân biện, một kĩ sư tâm hồn. Tất cả vai trò ấy được vận dụng thật linh hoạt trong từng tình huống cụ thể trên lớp mà chỉ hướng đến mục tiêu duy nhất giúp cho HS đạt mục tiêu bài học một cách tích cực.

2.6.1. Cách kiểm tra, đánh giá tương ứng với kĩ thuật dạy học nói trên

Theo cách kiểm tra đánh giá thông thường của một bài học đọc hiểu văn học, chúng ta thường dựa vào 3 yêu cầu như về kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh. Chúng ta chưa thật đề cao kiểm tra đánh giá năng lực của học sinh. Ở đây năng lực được hiểu là kết quả có tính tổng hợp của HS dựa trên những yêu cầu nói trên. Năng lực là kiến thức đã thấm nhuần, nó không là phép cộng đơn thuần giữa các kĩ năng, kiến thức, thái độ,... Với cách học theo góc, chúng tôi cho rằng nên kiểm tra đánh giá theo năng lực của học sinh.

Từ quan điểm trên, chúng ta có thể ra đề kiểm tra - đánh giá năng lực HS như sau:

- *Phát biểu cảm nhận về một nhân vật*
- *Cảm nhận của em khi hóa thân vào một nhân vật*
- *Thế giới nghệ thuật - nhân vật trong khi đọc văn bản và khi xem văn bản đã chuyển thể sân khấu.*
- *Suy nghĩ của em về cách giải quyết vấn đề của nhân vật hay tác giả là kiểm tra đánh giá năng lực.*

....

HS muốn thực hiện yêu cầu trên thì HS phải biết tổng hợp, vận dụng được tất cả những gì mà mình học được và nhất thiết HS phải có kiến thức (nội dung, chủ đề giá trị, nghệ thuật bài học,...), kĩ năng (bao gồm cả kĩ năng làm văn nói chung từ tìm ý, sắp xếp ý đến cách diễn đạt trong dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, cách lập luận...), và thái độ (như quan điểm đúng đắn về đạo đức, về thẩm mỹ,...). Khi HS biết tổng hợp, vận dụng những gì mình lĩnh hội được biến thành cái tri thức của riêng người học, không phải là lặp lại những gì người khác nói một cách máy móc, HS biết liên hệ với thực tế để nhìn nhận chân lý khách quan, để phê phán điều này, ca ngợi đồng tình, ủng hộ điều kia một cách đúng đắn và thuyết phục thì nó đã thành năng lực HS. Chúng ta kiểm tra để hướng đến sự thẩm định, đánh giá tổng hợp các năng lực trên của HS. Vì vậy cần lưu ý cách kiểm tra, đánh giá phải kể đến từ khâu ra đề và xác định tiêu chí đánh giá, cho điểm số HS.

Xuất phát từ đặc điểm của cách DHTG vào dạy kịch, chúng tôi có vận dụng cách kiểm tra đánh giá như sau: GV căn cứ cách thức làm việc, sự tham gia báo cáo, thảo luận, đánh giá, các biên bản, phiếu học tập của HS; căn cứ vào sự đánh giá lẫn nhau giữa kết quả các nhóm, và sự tự đánh giá của nhóm mình; căn cứ vào sự ghi nhận của nhóm trưởng. Giáo viên có thể kết hợp với phiếu học tập sau giờ học để kiểm tra đánh giá mức độ nắm bắt bài học của học sinh

2.6.2. Về cách quan sát, ghi nhận thông tin trên lớp học của giáo viên và học sinh

Khi dạy học theo góc GV không nên đứng ở một chỗ quan sát HS. GV cần phải lưu ý việc quan sát các hoạt động của lớp học trong từng bước, từng công

đoạn. Cần có cái nhìn bao quát, tổng quan đến việc quan sát cụ thể cách làm việc từng cá nhân. GV cần quan sát, lắng nghe nhất là ở bước HS tiến hành làm việc theo góc và bước HS trình bày kết quả thảo luận.

Ở bước HS làm việc với góc, GV nên quan sát bao quát trước, có thể chính giữa không gian hoặc phía sau cuối phòng hoặc từ đầu phòng học, sau đó quan sát cụ thể hơn cách làm việc từng nhóm, từng cá nhân nhưng khi GV xuất hiện, không nên gây chú ý HS. GV nên có cuốn sổ ghi nhận các hoạt động, đánh giá của mình thông qua tiến trình quan sát, lắng nghe thảo luận ý kiến của HS, cách điều phối của nhóm trưởng và cách ghi biên bản của thư kí,... GV có thể đến từng nhóm, cá nhân để kiểm diện và kiểm tra sự tham gia hoạt động, luân phiên đều của các thành viên, sự ghi chép các thông tin trao đổi lẫn nhau, cách thực hiện thông qua biên bản ghi chép, phiếu học tập.

Ở bước trình bày kết quả thảo luận của HS, GV nên đứng ở phía đối diện với HS, ở gần cuối lớp nhưng không quá xa HS trình bày, vừa bao quát HS tham gia thảo luận vừa lắng nghe được rõ ý kiến thảo luận của HS. GV tập trung lắng nghe ghi nhận những thông tin và những phản hồi từ học sinh (để tìm ra những nhận thức, đọc hiểu sai lệch nhằm kịp thời uốn nắn học sinh đi đúng hướng của bài học. GV nhận xét điều này trong phần nhận xét kết quả thảo luận của HS.)

GV hướng dẫn HS quan sát, lắng nghe và cách lưu giữ các thông tin thu thập được qua các góc và qua sự tham gia thảo luận trên lớp học. Cách lưu giữ thông tin yêu cầu ngắn gọn, mang tính *cụm từ* hay *từ khóa*. Giáo viên hướng dẫn học sinh cách hệ thống lại những thông tin và tổ chức lại thành nội dung bài học một cách có hệ thống theo yêu cầu của giáo viên (phần này có thể dùng làm bài tập về nhà).

2.6.3. GV giải quyết những tình huống phát sinh của HS khi tham gia DHTG

Khi DHTG, GV cần phải dự đoán các tình huống phát sinh để chủ động giải quyết các vấn đề một cách đúng đắn, hiệu quả nhất. Cần chú ý đến các tình huống sau:

2.6.3.1. Tình huống khi HS thực hiện tại các góc và luân chuyển góc

Nhằm khai thác hết khả năng chủ động tích cực, sự tìm tòi của HS, Khi HS làm việc tại các góc, HS có vấn đề cần trao đổi hay thắc mắc về một điều gì đó về nội dung bài học hay cách làm thì GV nên định hướng, GV không nên đưa ra đáp án mà chỉ gợi ý để cả nhóm cùng suy nghĩ và chọn lựa đáp án và cách giải quyết đúng đắn nhất. Ví dụ GV có thể nói: “Giả định các trường hợp ấy (điều mà HS hỏi) thì các em dựa vào nguyên tắc nào và tính hợp lý ra sao ? các em thấy có ổn về tính logic không ? Nhóm hãy tiếp tục suy nghĩ trả lời xem”. GV chỉ có thể nói đáp án, hay cách giải quyết khi HS đã thảo luận và trình bày kết quả thảo luận của nhóm, tức là ở giai đoạn cuối - nhận xét kết quả thảo luận và củng cố nội dung bài học cho HS.

2.6.3.2. Tình huống khi HS trình bày kết quả thảo luận và tham gia chất vấn

Trong tình huống, đại diện HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm, HS tham gia chất vấn ý kiến của bạn, bổ sung thêm ý hay bác bỏ ý thừa, ý không phù hợp,...GV để cho HS tham gia phát biểu một cách tự nhiên, ưu tiên khích lệ HS tham gia, tuy nhiên GV có thể yêu cầu HS nhắc lại ý của mình hoặc nói rõ, hay giải thích, chứng minh thêm về cách hiểu của HS về một vấn đề mà GV chưa rõ. GV không nên để vai trò, tiếng nói của mình lấn át vào bối cảnh này vì mục đích chính lúc này của GV là lắng nghe HS trình bày, tổng hợp các ý kiến của các HS, ghi nhận cách hiểu sai và đúng của các em và nhận xét hoạt động của từng nhóm, cá nhân khi tham gia thảo luận.

Trong bối cảnh này, GV có thể thêm vai trò là một người dẫn chương trình, khéo léo dẫn dắt HS đi vào phần trọng tâm của vấn đề để theo kịp tiến độ, thời gian để đi hết các hoạt động buổi học. Như vậy, ta hình dung trên lớp học, hình ảnh GV rất mờ nhạt, nhưng lại đóng vai trò không thể thiếu, GV chính là *xương sống*, là kim chỉ nam dẫn dắt các em đi đúng *quỹ đạo* trong hành trình tìm tri thức.

2.6.4. GV nhận xét kết quả thảo luận, định hướng và chốt lại nội dung bài học HS

2.6.4.1. Nhận xét kết quả thảo luận:

GV nhận xét kết quả thảo luận trên tinh thần tôn trọng quan điểm và thành quả lao động của HS. Trên cơ sở những ưu điểm hay hạn chế, GV khuyến khích động viên HS phát huy hay khắc phục. Đồng thời GV cũng có biện pháp xử lý nghiêm túc những trường hợp HS không chấp hành nề nếp chung, làm ảnh hưởng đến hoạt động tích cực của lớp.

Sau khi HS đã trải qua các hoạt động học tập *theo góc*, GV nhận xét ưu điểm và hạn chế của HS. Phần nhận xét kết quả thảo luận, GV có thể đề cập đến những phương diện sau:

Ưu điểm:

- Về việc chuẩn bị của HS.
- Về thái độ làm việc trên lớp.
- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân.
- Về việc tham gia chất vấn và phản biện của HS với những ý kiến cần tiếp thu và những ý kiến không phù hợp với nội dung bài học.
- Tuyên dương HS và Nhóm hợp tác, chuẩn bị tốt.

Hạn chế cần khắc phục:

- Về việc chuẩn bị của HS.
- Về thái độ làm việc trên lớp.
- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân.
- Về việc tham gia chất vấn và phản biện của HS với những ý kiến cần tiếp thu và những ý kiến không phù hợp với nội dung bài học.

2.6.4.2. Định hướng:

Trong dạy học theo góc, sau khi học sinh làm việc theo góc và tham gia thảo luận GV cần phải định hướng nội dung cụ thể của bài học đồng thời phải đối diện với nhiều vấn đề phát sinh cần giải quyết. Tất cả câu hỏi có tính vấn đề của HS trong quá trình thảo luận mà chưa đi đến kết quả cuối cùng, HS rất cần GV định

hướng. để nắm tri thức một cách đúng đắn và thống nhất. Muốn vậy, GV cần có nguyên tắc định hướng cho HS.

Nguyên tắc định hướng:

- Tôn trọng ý kiến, quan điểm của HS dù đó ý kiến hợp lý hay không hợp lý, đúng hay sai.
- Căn cứ vào mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ và nội dung bài học.
- Căn cứ vào văn bản và chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, bối cảnh xã hội phát sinh văn bản để giải thích, từ đó hướng HS đến chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ của xã hội thời đại ngày nay.

2.6.4.3. Chốt lại nội dung bài học:

Sau khi HS đã tham gia làm việc thảo luận tại các góc và trình bày kết quả thảo luận nhóm cùng với sự chất vấn, đóng góp của các bạn để hoàn thiện nội dung bài học, GV cần phải chốt lại nội dung chính của bài học một cách cô đọng nhất để HS xác định phần trọng tâm, tránh lan man bài học. Phần chốt lại nội dung bài học cũng cần bám vào mục tiêu bài học và các nội dung cơ bản của bài học như: nội dung chính, nghệ thuật chính, chủ đề tư tưởng văn bản.

2.6.5. GV hướng dẫn HS chủ động hệ thống lại nội dung bài học sau khi tham gia thảo luận trên lớp

2.6.5.1. Định hướng chung:

Kiến thức trọng tâm:

- Về tác giả
- Về tác phẩm: Xuất xứ / hoàn cảnh sáng tác:
- Về các vấn đề cần nắm của bài học:
 - + Về nội dung bài học:
 - + Về nghệ thuật:
 - + Thông điệp tác phẩm và thái độ nhà văn thông qua tác phẩm:

Kiến thức bổ sung:

- Hoàn thiện trả lời câu hỏi các góc thông qua những đóng góp các bạn và GV sau buổi học.
- Những câu hỏi vấn đề phát sinh trong bài học:

2.6.5.2. Ví dụ định hướng cụ thể HS hệ thống cho hai bài học trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)

a. Định hướng bài học trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng).

a.1. Kiến thức trọng tâm:

a.1.1. Tác giả: Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) là nhà văn có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử và có nhiều đóng góp ở thể loại tiểu thuyết và kịch. Văn phong Nguyễn Huy Tưởng giản dị, đôn hậu mà thâm trầm, sâu sắc.

a.1.2. Tác phẩm: Kịch Vũ Như Tô được sáng tạo từ sự kiện lịch sử có thật xảy ra ở Thăng Long các năm 1516 – 1517, dưới triều Lê Tương Dực. vở kịch viết xong vào mùa hè 1941, ban đầu có 3 hồi, sau tác giả viết tiếp thành 5 hồi.

a.1.3. Về nội dung tác phẩm kịch Vũ Như Tô: Vở kịch có hai mâu thuẫn xung đột cơ bản:

Mâu thuẫn xung đột thứ nhất là giữa giai cấp thống trị thối nát, xa hoa, trụy lạc với nhân dân đau khổ, lầm than. Mâu thuẫn xung đột thứ hai là giữa lý tưởng và khát vọng nghệ thuật cao đẹp, thuần túy của người nghệ sĩ với lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân. Ở hồi V, xung đột thứ hai đã lên đến đỉnh điểm, hòa vào xung đột thứ nhất. Người dân không muốn quan tâm việc trả thù Lê Tương Dực mà chỉ “phanh dây” ngay Vũ Như Tô và cung nữ “đồng bệnh” Đan Thiềm.

Mâu thuẫn xung đột kịch thể hiện rõ qua hai nhân vật chính: Vũ Như Tô và Đan Thiềm

Vũ Như Tô, một kiến trúc sư tài ba “ngàn năm chưa dễ có một” hiện thân cho niềm khát khao, say mê sáng tạo cái đẹp. Là một nghệ sĩ có nhân cách lớn, hoài bão lớn và có lý tưởng nghệ thuật cao cả nhưng Vũ Như Tô lại có những lầm lạc trong suy nghĩ và hành động. Khát vọng chính đáng, cao đẹp của ông lại bị đặt làm chướng ngại, làm chướng ngại và xa thực tế nên phải trả giá bằng mạng sống và cả công trình nghệ thuật. Qua Vũ Như Tô, nhà văn đặt vấn đề về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống, giữa khát vọng nghệ thuật muôn đời với lợi ích của nhân dân.

Đan Thiềm là người trân trọng, đam mê cái tài- tài sáng tạo ra cái đẹp. Nét tính cách ấy được nhà văn gọi là “bệnh Đan Thiềm”- “bệnh” mê đắm tài hoa siêu

việt của người sáng tạo nghệ thuật, sáng tạo cái đẹp. Là người luôn tinh táo, sáng suốt, người thức thời, biết thích ứng với hoàn cảnh. Bi kịch, nỗi đau của Đan Thiềm là không bảo vệ được cái đẹp, không cứu được người tài.

a.1.4. Thái độ nhà văn và ý nghĩa của vở kịch:

Qua vở kịch nhà văn thể hiện thái độ cảm thông với bi kịch của Vũ Như Tô, trân trọng tài năng, hoài bão của người nghệ sĩ khát khao sáng tạo cái đẹp đồng thời bày tỏ sự cảm mến với những người mắc “bệnh Đan Thiềm”. Nhưng tác giả cũng không hoàn toàn ngợi ca Vũ Như Tô và những người nghệ sĩ chỉ biết đến quyền lợi nghệ thuật của cá nhân, thiếu quan điểm nhân dân.

Trích đoạn kịch Vũ Như Tô đặt ra vấn đề sâu sắc có ý nghĩa muôn thuở về cái đẹp, về mối quan hệ giữa người nghệ sĩ và nhân dân, đồng thời bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng, giàu khát vọng nhưng phải chịu số phận đau thương.

a.1.5. Về nghệ thuật tác phẩm kịch Vũ Như Tô:

- Khai thác sáng tạo nguồn sử liệu phù hợp tạo nên tính chất lịch sử cho một vở bi kịch để đem đến những thông điệp, giá trị hiện thực, phù hợp tiếng nói và nhu cầu của thời đại.
- Tình huống, xung đột kịch căng thẳng, khẩn trương, hợp lý và hấp dẫn: đoạn ở hồi V, Đan Thiềm lo lắng cho sự an nguy của Vũ Như Tô nên tha thiết khuyên Vũ Như Tô chạy trốn nhưng Vũ Như Tô cương quyết không nghe vì tin vào việc làm quang minh chính đại của mình.
- Dựng cảnh, các lớp kịch dồn dập, nhịp điệu nhanh mà vẫn tự nhiên, hợp lí, dẫn dắt và đẩy xung đột kịch đến cao trào để giải quyết.
- Ngôn ngữ kịch điêu luyện, có tính tổng hợp cao, lời thoại phù hợp với nhân vật.
- Tính cách, tâm trạng nhân vật bộc lộ rõ nét qua ngôn ngữ, hành động (Hồi V xuất hiện khá nhiều nhân vật, kể cả loại nhân vật số đông như quân khởi loạn, cung nữ,... nhưng không rối mà vẫn hiện rõ hành động kịch, xung đột kịch, và nổi lên một số nhân vật chính gây ấn tượng như Vũ Như Tô, Đan Thiềm, Nguyễn Vũ, Ngô Hạch, Lê Trung Mại).

- Màu sắc bi kịch khá đậm nét trong hồi V, đặc biệt các lớp VII, VIII, IX.
- Các lớp kịch được chuyển linh hoạt, tự nhiên, liền mạch.

a.2. Kiến thức bổ sung: Thể hiện sự tiếp thu từ bạn và định hướng, gạn lọc của GV sau buổi học. Kiến thức này góp phần thể hiện sự phong phú và mang màu sắc của cá nhân HS. Vì mỗi cá nhân với đặc điểm về tính cách, khả năng tiếp thu sẽ có sự thu hoạch khác nhau. HS có thể ghi lại những ý đúng, hay mà HS học hỏi từ các bạn đồng thời loại bỏ những ý chủ quan, không phù hợp với mục tiêu bài học.

b. Định hướng nội dung bài học trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)

b.1. Kiến thức trọng tâm:

b.1.1. Tác giả Lưu Quang Vũ:

Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một tài năng đa dạng, nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất; được coi là một hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một nhà soạn kịch tài năng của văn học Việt Nam đương đại.

b.1.2. Tác phẩm Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ):

Là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ. Từ một cốt truyện dân gian, ông đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại chứa đựng nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng và triết lý nhân văn sâu sắc. Vở kịch gồm 7 cảnh. Văn bản trích thuộc cảnh VII và đoạn kết.

b.1.3. Về nội dung tác phẩm kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ):

Hoàn cảnh trớ trêu của nhân vật hồn Trương Ba: trú trong xác anh hàng thịt, Hồn có nhiều thay đổi và trở nên xa lạ với mọi người. Trước sự giễu cợt, tự đắc của Xác và thái độ của người thân, Hồn càng thấm thía nỗi đau xót, trớ trêu, tuyệt vọng...

Trương Ba không chấp nhận cảnh sống “bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo”, không sống nhờ vào người khác, muốn “được là tôi toàn vẹn”. Điều đó thể hiện quan điểm: con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa; sống thực cho ra con người quả không hề đơn giản.

Cái chết của cu Tị có ý nghĩa “mở nút”. Hình dung cảnh mình nhập vào xác cu Tị và tình thương mẹ co cu Tị khiến Hồn có thái độ dứt khoát “không còn một cách nào khác”: kêu gọi Đế Thích trả linh hồn cho cu Tị, chấp nhận cái chết. Cái chết đó làm sáng bừng nhân cách Trương Ba, là thông điệp về sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực.

b.1.4. Thái độ nhà văn và ý nghĩa của vở kịch:

Phê phán những kẻ tự lấy có tâm hồn cao quý để lạm dụng, hưởng thụ với những dục vọng tầm thường, giả dối đồng thời ca ngợi sự đấu tranh với cái xấu, cái dung tục để hướng đến việc gìn giữ vẻ đẹp thanh cao và toàn vẹn ở con người.

Thông qua vở kịch nhà văn gửi gắm thông điệp cho người đọc: một trong những điều quý giá nhất của mỗi con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với những giá mình có và theo đuổi. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hòa tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn; con người phải biết đấu tranh để hoàn thiện nhân cách, vươn đến những giá trị cao quý.

b.1.5. Về nghệ thuật tác phẩm kịch Vũ Như Tô:

- Sáng tạo cốt truyện dân gian;
- Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm; ngôn ngữ sinh động...
- Hành động của nhân vật phối hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống kịch...

b2. Kiến thức bổ sung: Thể hiện sự tiếp thu từ bạn và định hướng, gạn lọc của GV sau buổi học. Kiến thức này góp phần thể hiện sự phong phú và mang màu sắc của cá nhân HS. Vì mỗi cá nhân với đặc điểm về tính cách, khả năng tiếp thu sẽ có sự thu hoạch khác nhau. HS có thể ghi lại những ý đúng, hay mà HS học hỏi từ các bạn đồng thời loại bỏ những ý chủ quan, không phù hợp với mục tiêu bài học.

Tóm lại ở chương 2, để chuẩn bị cho việc ứng dụng kỹ thuật DHTG vào dạy đọc hiểu các trích đoạn kịch một cách thiết thực nhất, người viết căn cứ vào những cơ sở nền tảng ở chương 1 đã thiết kế mô hình cụ thể và một số lưu ý để ứng dụng

kĩ thuật DHTG bài đọc hiểu tác phẩm kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) ở chương trình lớp 11 và lớp 12 một cách cụ thể, đầy đủ các bước theo một trình tự hệ thống. Từ khâu chuẩn bị của GV, HS đến khâu bố trí lớp học và phân chia góc, đến việc tổ chức lớp, phân công nhiệm vụ HS đến phần chốt và định hướng nội dung bài học cho HS được người viết thiết kế và có những lưu ý rất cụ thể, chi tiết để hướng đến việc ứng dụng một cách thuận tiện nhất. Để có thể đánh giá được khả năng ứng dụng và tính khả thi của đề tài trong dạy học 2 tác phẩm kịch kể trên, người viết sẽ tiến hành thực nghiệm ở chương sau.

CHƯƠNG 3

THỰC NGHIỆM DẠY HỌC TÁC PHẨM KỊCH THEO GÓC

3.1. Mục đích và yêu cầu thực nghiệm

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm dạy học nhằm:

- Một là: Kiểm tra, xác nhận tính hiệu quả và tính khả thi của việc ứng dụng kỹ thuật “dạy học theo góc” vào dạy đọc-hiểu các trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ở trường THPT”.

- Hai là: Rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh những nghiên cứu lí thuyết về DHTG và thực tế việc ứng dụng kỹ thuật “dạy học theo góc” vào dạy đọc-hiểu các trích đoạn kịch *Vũ Như Tô*, *Hồn Trương Ba da hàng thịt* ở trường THPT”.

3.1.2. Yêu cầu thực nghiệm

Khi vận dụng những hiểu biết về kỹ thuật DHTG vào dạy đọc- hiểu các trích đoạn kịch, không có nghĩa là bỏ những phương pháp dạy học Ngữ văn đã được ứng dụng hay chỉ chú ý đến việc phân chia góc mà không quan tâm đến nội dung bài học, giờ dạy chỉ mang tính hình thức.

Việc vận dụng những hiểu biết vào về DHTG vào việc dạy đọc – hiểu các trích đoạn kịch chỉ có ý nghĩa và hiệu quả thực sự khi người dạy biết sử dụng phương pháp phù hợp với đặc trưng bộ môn, với nội dung bài giảng và biết kết hợp các phương pháp trong hoạt động dạy và học. Đặc biệt, người dạy phải thành thạo dạy học tích cực, điều hành hoạt động nhóm, phải hiểu và có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm theo *góc* chức năng một cách nhuần nhuyễn, hợp lí, có ý thức để tăng thêm tính đúng đắn, khoa học, không gượng ép, cảm tính, chủ quan. Được như vậy, việc thực nghiệm mới thấy được tính khả thi mà bài viết muốn hướng tới.

Thực nghiệm được tiến hành ở khối 11 và khối 12 theo chương trình cơ bản.

Cụ thể:

Trường thực nghiệm:

Chúng tôi chọn HS trường THPT Tây Ninh, Thị xã Tây Ninh của tỉnh Tây Ninh để dạy thực nghiệm.

Tuy chỉ tiến hành dạy thực nghiệm tại trường THPT Tây Ninh, nhưng trong quá trình thực hiện luận văn, để thiết kế bài dạy thực nghiệm có tính khả thi, chúng tôi đã tiến hành dự giờ rút kinh nghiệm tại ba trường phổ thông, với các giáo viên sau:

- Cô Trần Thanh Nga - Lớp 12A5 Trường THPT Tây Ninh
- Cô Bùi Trang Linh Thiên Nhật - Lớp 11A2 Trường THPT Tây Ninh
- Thầy Lê Phước Đăng - Lớp 11A5 Trường THPT Tây Ninh
- Thầy Trần Ngọc Ngoan - Lớp 12 A2 Trường THPT Hoàng Văn Thụ

GV dạy thực nghiệm:

- Cô Hứa Thị Anh Thư – Lớp 12A6
- Thầy Lê Phước Đăng – Lớp 11B6

Bài dạy thực nghiệm:

Luận văn chọn trích đoạn kịch Vũ Như Tô của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, chương trình Ngữ văn lớp 11 (chương trình cơ bản), thực nghiệm ở lớp 11 và Hồn Trương Ba da hàng thịt của tác giả Lưu Quang Vũ, chương trình Ngữ văn lớp 12 ở lớp 12 (chương trình cơ bản)

3.2. Thời gian và tổ chức thực nghiệm

3.2.1. Thời gian thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành dự giờ rút kinh nghiệm vào học kì I, năm học 2011-2012 tại hai trường phổ thông nói trên và tiến hành dự giờ dạy thực nghiệm vào học kì I, năm học 2012-2013 tại trường THPT Tây Ninh.

3.2.2. Tổ chức thực nghiệm

Chúng tôi gặp GV tại trường thực nghiệm, đề nghị được giúp đỡ để triển khai thực nghiệm:

Trong năm học 2011-2012:

- Chúng tôi đã tiến hành dự giờ dạy học các văn bản kịch tại hai trường phổ thông nói trên để rút kinh nghiệm, tiến hành thiết kế bài dạy thực nghiệm.

- Trong năm học này, chúng tôi cũng đã phát phiếu phỏng vấn GV, khảo sát HS về thực trạng dạy, học văn bản kịch trong chương trình Ngữ văn lớp 11 và lớp 12 tại các trường: Trường THPT Tây Ninh, Thị xã Tây Ninh; trường THPT Lý Thường Kiệt, huyện Hòa Thành; trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Châu Thành. Đối với phiếu khảo sát HS, tại mỗi trường, chúng tôi chọn một lớp có HS khá, giỏi và một lớp có HS trung bình, yếu để khảo sát.

Trong năm học 2012-2013:

- Bản thân chúng tôi trực tiếp đứng lớp thực hiện bài dạy trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt, và mời một số GV và tổ trưởng bộ môn tham dự (từ ngày 9/9/2012 đến 28/9/2012). Do đây là một hình thức học mới, GV và HS ở THPT chưa được tiếp cận nên trước khi bắt tay thực nghiệm, chúng tôi phải mất khá nhiều thời gian để phổ biến, đồng thời tập huấn cho HS một số kĩ năng trong học hợp tác cũng như những yêu cầu và quy trình khi tham gia bài DHTG.

- Sau đó chúng tôi giao tài liệu thực nghiệm (giáo án, phiếu học tập, bài tập vận dụng) cho GV và tiến hành lần nữa giờ dạy thực nghiệm, có sự dự giờ và góp ý của tổ trưởng bộ môn (từ ngày 1/10/2012 đến 18/10/2012 với bài dạy trích đoạn kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài) tại trường dạy thực nghiệm.

- Chúng tôi dự giờ các tiết dạy thực nghiệm, ghi chép và đối chiếu với tiến trình tổ chức dạy học văn bản kịch theo góc. Do đã rút kinh nghiệm từ những bài soạn, những giờ dạy văn bản kịch trên lớp của GV và kết quả nhận thức của HS nên chúng tôi không tiến hành dự giờ dạy đối chứng mà chỉ dự giờ dạy thực nghiệm theo giáo án đã thiết kế).

- Tiến hành phỏng vấn, tham khảo ý kiến GV và HS, HS làm bài tập tự luận sau giờ học.

- Thống kê, phân tích kết quả khảo sát để có kết luận và đề nghị.

3.3. Giáo án thực nghiệm

3.3.1. Phiếu học tập

Bài 1: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô- Nguyễn Huy Tưởng)

Phiếu dành cho HS chuẩn bị ở nhà:

Câu 1: Đọc phần *Tiểu dẫn*, ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

Những nét chính về cuộc đời	Những nét chính về sự nghề nghiệp sáng tác	Tác phẩm tiêu biểu
--------------------------------	---	--------------------

.....

Câu 2: Giới thiệu ngắn gọn về văn bản kịch *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

Thể loại kịch và bi kịch	Xuất xứ	Nội dung, nghệ thuật chính
--------------------------	---------	-------------------------------

.....

Câu 3: Tóm tắt những diễn biến chính của cốt truyện kịch.

.....

.....

Câu 4: Hãy xác định giọng đọc của các nhân vật kịch trong văn bản *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*.

.....

.....**Câu 5:** Phân tích xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng bi kịch của Vũ Như Tô

Xung đột kịch-dẫn chứng	Tính cách - dẫn chứng	Diễn biến tâm trạng-dẫn chứng
-------------------------	-----------------------	----------------------------------

.....

Câu 6: Phân tích tính cách, diễn biến tâm trạng của Đan Thiềm

Tính cách-dẫn chứng	Diễn biến tâm trạng-dẫn chứng
---------------------	-------------------------------

.....

Câu 7: Các mâu thuẫn cơ bản của kịch Vũ Như Tô và cách giải quyết các mâu thuẫn của tác giả.

Các mâu thuẫn cơ bản của trích đoạn kịch Vũ Như Tô (dẫn chứng)	Cách giải quyết các mâu thuẫn của tác giả. (dẫn chứng)
---	---

.....

.....

Câu 8: Đặc sắc nghệ thuật kịch trong văn bản Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài –dẫn chứng ?

.....

.....

Câu 9: Thông điệp của nhà văn qua trích đoạn kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài ?

.....

.....

Câu 10: HS chọn 1 trong 2: câu 9a hoặc 9b

- Nếu được làm đạo diễn cho vở kịch này, em thử dự kiến sẽ chỉ đạo diễn xuất và tạo bối cảnh sân khấu như thế nào ?
- Nếu được hóa thân vào một vai diễn trong vở kịch, em sẽ chọn nhân vật nào ? diễn ở đoạn nào ? Vì sao em chọn nhân vật đó ?

.....

.....

Phiếu làm việc trên lớp theo góc:

Họ và tên:

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP (Góc đọc hiểu 1)

Bài: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô- Nguyễn Huy Tưởng)

Phân tích nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm:

Nhân vật Vũ Như Tô (dẫn chứng)

Nhân vật Đan Thiềm (dẫn chứng)



.....

.....

Họ và tên:

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP (Góc nghe nhìn)

Bài: Trích đoạn Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài- Nguyễn Huy Tưởng

Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch và khi xem kịch:

Nhân vật và thế giới nghệ thuật trong
tưởng tượng khi đọc văn bản kịch

Nhân vật và thế giới nghệ thuật trong
tưởng tượng khi xem kịch



.....

.....

..

...

Họ và tên:

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP (Góc diễn kịch)

Bài: Trích đoạn Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài- Nguyễn Huy Tưởng

Cảm nhận sau khi hóa thân vào nhân vật kịch:

.....

.....



.....

.....

Họ và tên:

Nhóm:.....

PHIẾU HỌC TẬP (Góc đọc hiểu 2)**Bài: Trích đoạn Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài- Nguyễn Huy Tưởng**

Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch

Về nội dung:

Về nghệ thuật:

✂

Bài 2: Hồn Trương Ba da hàng thịt (Trích Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ)**Phiếu chuẩn bị ở nhà:****Câu 1:** Đọc phần *Tiểu dẫn*, và một số tài liệu tham khảo, ghi lại những thông tin cơ bản về tác giả Lưu Quang Vũ.Những nét chính về
cuộc đờiNhững nét chính về sự
nghệ nghiệp sáng tác

Tác phẩm tiêu biểu

.....

.....

.....

Câu 2: Giới thiệu ngắn gọn về văn bản kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt.

Thể loại kịch và bi kịch

Xuất xứ

Nội dung, nghệ thuật
chính

.....

.....

.....

Câu 3: Tóm tắt những diễn biến chính của cốt truyện kịch.

.....

.....

Câu 4: Hãy xác định giọng đọc của các nhân vật trong trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt:

Hồn Trương Xác hàng thịt Bà Trương Ba Chị con dâu Cái Gái Ba

.....

Câu 5: Hãy cho biết nội dung của những cuộc đối thoại trong trích đoạn kịch.

Nội dung các cuộc đối thoại

Cuộc đối thoại giữa hồn TB và xác (dẫn chứng)	Cuộc đối thoại giữa hồn TB và những người thân (dẫn chứng)	Cuộc đối thoại giữa hồn TB và Đế Thích (dẫn chứng)
---	--	--

Nội dung:.....	Nội dung:.....	Nội dung:.....
----------------	----------------	----------------

.....

...

Hồn Trương Ba Xác hàng thịt

.....

Hồn Trương Ba Người thân

.....

Hồn TB Đế Thích

.....

.....

Câu 6: Theo em bi kịch của hồn TB là gì ? Suy nghĩ của em về cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột của tác giả trong vở kịch ?

Bi kịch của Trương Ba (dẫn chứng)

.....

Cách giải quyết các mâu thuẫn của tác giả.(dẫn chứng)

.....

Câu 8: Đặc sắc về nghệ thuật kịch trong văn bản Kịch HTBDHT–dẫn chứng ?

.....
....

Câu 9: Thông điệp của nhà văn qua trích đoạn kịch HTBDHT?

.....
....

Câu 10: HS chọn 1 trong 2: câu 9a hoặc 9b

- a. Nếu được làm đạo diễn cho vở kịch này, em thử dự kiến sẽ chỉ đạo diễn xuất và tạo bối cảnh sân khấu như thế nào ?
- b. Nếu được hóa thân vào một vai diễn trong vở kịch, em sẽ chọn nhân vật nào ? diễn ở đoạn nào ? Vì sao em chọn nhân vật đó ?

.....
.....

Phiếu làm việc trên lớp theo góc:

Họ và tên:

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP (Góc đọc hiểu 1)

Bài: Trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ

Bi kịch của hồn Trương Ba và cách giải quyết mâu thuẫn, xung đột của tác giả trong vở kịch.

Bi kịch của Trương Ba
(dẫn chứng)

Cách giải quyết các mâu thuẫn của tác
giả. (dẫn chứng)



.....

Họ và tên:

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP (Góc đọc hiểu 1)

Bài: Trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ

So sánh chủ đề tư tưởng của truyện cổ tích dân gian *Hồn Trương Ba da hàng thịt* với kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ.

Chủ đề- tư tưởng Truyện cổ tích dân gian Hồn Trương Ba da hàng thịt Chủ đề- tư tưởng Kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ

.....

.....



Họ và tên:

Nhóm: **PHIẾU HỌC TẬP (Góc đọc hiểu 2)**

Bài: Trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ

Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch

Về nội dung:

Về nghệ thuật:

.....

.....



Họ và tên:

Nhóm: **PHIẾU HỌC TẬP (Góc nghe nhìn)**

Bài: Trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt - Lưu Quang Vũ

Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch và khi xem kịch.

Nhân vật và thế giới nghệ thuật khi đọc
văn bản kịch

Nhân vật và thế giới nghệ thuật khi xem
kịch

.....

.....



Họ và tên:

Nhóm: **PHIẾU HỌC TẬP (Góc diễn kịch)**

Bài: Trích đoạn Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ

Cảm nhận sau khi hóa thân vào nhân vật kịch:

.....

.....

.....



.

3.3.2. Giáo án thực nghiệm

Bài 1: Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô- Nguyễn Huy Tưởng)

Bước 1: Xác định mục tiêu, các phương pháp chủ yếu, các hoạt động cơ bản HS

1. Mục tiêu bài học:

- Kiến thức: Trên cơ sở đặc điểm của thể loại, HS hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong đoạn trích. Nắm được những nét đặc sắc nghệ thuật của vở kịch qua đoạn trích.
- Kỹ năng: Đọc hiểu một văn bản kịch; kỹ năng làm việc độc lập, chủ động, hợp tác của HS khi thực hiện học theo góc.

2. Các PPDH chủ yếu:

Dạy học theo góc kết hợp một số phương pháp phù hợp khác như: phương pháp học tập hợp tác theo nhóm, phương pháp trực quan, sử dụng đa phương tiện, phương pháp đối thoại, phương pháp diễn giảng,...

3. Các hoạt động cơ bản của HS khi tham gia bài học: GV xác định và dự kiến trước các hoạt động cơ bản của HS khi tham gia bài học

- 3.1. HS đọc các tài liệu theo yêu cầu của GV trước khi tham gia bài học trên lớp.
- 3.2. HS sẽ lần lượt thực hiện hết các công việc của các góc.

3.3. HS báo cáo kết quả, tham gia thảo luận, đánh giá các hoạt động đã thực hiện

Bước 2. Chuẩn bị của GV và HS

1. Đối với GV:

1.1. Xác định nội dung cơ bản của bài học:

- Các mâu thuẫn cơ bản của kịch Vũ Như Tô
- Cách giải quyết các mâu thuẫn của tác giả
- Tính cách, diễn biến tâm trạng của Vũ Như Tô và Đan Thiềm
- Đặc sắc về nghệ thuật kịch của Vũ Như Tô

1.2. Các tư liệu học tập dành cho HS đọc trước khi tham gia bài học

- Văn bản kịch Vũ Như Tô (toàn văn)
- SGK Ngữ văn 11, tập 1. Đoạn trích Sgk (trích cảnh VII, phần cuối vở kịch)
- Bảng hình minh họa: ảnh tác giả Nguyễn Huy Tưởng, tranh ảnh hoặc băng, đĩa về những màn kịch đã được công diễn.
- Một số tài liệu về đặc trưng thể loại kịch, tác giả Nguyễn Huy Tưởng.

1.3. Xác định góc cùng nhiệm vụ- thời gian ở mỗi góc, cách bố trí không gian.

Bài học có 4 góc: 32 phút làm việc góc + 6 phút luân chuyển = 38 phút

1.3.1. Góc nghe nhìn:

HS Xem trích đoạn kịch và nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch (nếu có điều kiện, GV thể chuẩn bị với phiếu học tập, HS làm việc trên phiếu học tập). Thời gian: 7 phút:

Mục tiêu góc:

Giúp HS thâm nhập vào tác phẩm văn học, rèn tư duy khái quát, tái hiện kiến thức, liên tưởng, tưởng tượng trong bước đầu tìm hiểu, ghi lại ấn tượng của bản thân về nhân vật và thế giới nghệ thuật khi đọc kịch. Khi đối chiếu với thế giới nghệ thuật khi trực quan xem kịch, Giúp HS đi vào đặc trưng của thể loại kịch, sự gắn bó với sân khấu và kĩ năng diễn xuất của người diễn viên.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

- HS cần nêu trung thực những ghi nhận của mình trong hai hoạt động: Ghi lại cảm nhận của mình về thế giới nghệ thuật kịch khi đọc văn bản kịch ở nhà và khi

xem kịch (nghe–nhìn) trên cơ sở đối chiếu như: có trùng khớp với nhau không, hay ở hoạt động nào hấp dẫn hơn, vì sao ?,...

- HS có thể tự do chọn một vài chi tiết mà mình ấn tượng trong văn bản chứ không nhất thiết phải đối chiếu tất cả. GV có gợi ý HS trả lời như: Khi đọc kịch và xem kịch, em nhận thấy nhân vật và thế giới nghệ thuật như thế nào, hình dung và tưởng tượng về tính cách nhân vật, cảm xúc về nhân vật hay khung cảnh sân khấu,...

HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, hành động chính, các lời thoại nhân vật trên cơ sở đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí màn hình thiết bị xem băng đĩa, chuẩn bị sẵn băng đĩa có trích đoạn vở kịch cần xem thuận lợi cho việc nghe nhìn của 7-10 HS, (kiểm tra kỹ thuật hình ảnh, âm thanh chu đáo), chuẩn bị phiếu học tập đánh dấu, bàn ghi chép nhanh ý kiến, thu nhận cá nhân.

1.3.2. Góc diễn kịch:

Tập đọc phân vai các đối thoại/ hoặc tập diễn một trích đoạn ngắn. Nêu cảm nhận sau khi hóa thân vào một nhân vật kịch. Thời gian: 7 phút.

Mục tiêu góc:

Giúp HS thâm nhập vào tác phẩm văn học qua trải nghiệm bản thân, làm sống dậy thế nghệ thuật của văn bản ngôn từ, làm quen với nghệ thuật sân khấu trong bước đầu tìm hiểu, để hóa thân vào nhân vật kịch; giúp HS rèn khả năng diễn đạt, đồng thời hiểu và nhận biết đặc trưng của thể loại kịch, nhất là sự gắn bó với sân khấu và kỹ năng diễn xuất của người diễn viên.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

- HS cần nêu cảm nhận một cách trung thực của mình trong khi hóa thân vào một nhân vật trong một đoạn ngắn nào đó của trích đoạn kịch.

- Các em có thể tự do chọn nhân vật cùng một vài chi tiết mà mình ấn tượng trong văn bản chứ không nhất thiết phải thực hiện trên tất cả các nhân vật kịch. GV có thể giải thích thêm về câu hỏi bài tập này: HS như một người diễn viên, trước khi

diễn vai trên sân khấu, phải nghiên cứu kịch bản, tìm hiểu về nhân vật cùng với tính cách và thể giới nghệ thuật kịch, sau khi kết thúc vai diễn thì phát biểu về nhân vật mà mình thủ vai, hình dung về tính cách nhân vật, suy nghĩ, lý tưởng, cảm xúc của nhân vật, bài học rút ra từ nhân vật, sự đồng cảm với nhân vật,...

HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, hành động chính, các lời thoại nhân vật trên cơ đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí sân khấu, có đủ chỗ ngồi cho cả nhóm, theo vòng cung hay chữ u. Có amply, đủ micro cho 3,4 diễn viên; các trang lời thoại cần đọc, tập diễn; phiếu học tập nhận xét về lời thoại, giọng, nhịp điệu đối đáp Vĩnh biệt Cửu trùng đài.

1.3.3. Góc đọc hiểu 1:

Thảo luận phân tích về nhân vật (Vũ Như Tô, Đan Thiềm) và ý nghĩa biểu tượng Cửu Trùng Đài. (GV có thể soạn thêm những câu hỏi gợi ý để HS học thuận lợi hơn). Thời gian: 10 phút

Mục tiêu góc và gợi ý HS thực hiện:

Giúp HS rèn tư duy phân tích, từ cụ thể đến khái quát. Từ đó nâng cao khả năng nhận xét, đánh giá về nhân vật văn học. Đồng thời giúp HS rèn thêm thao tác lập luận phân tích trong văn nghị luận.

Yêu cầu góc:

HS biết cách phân tích một nhân vật trong văn học và lập luận phân tích. HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, các hành động, lời thoại,..và biết phân tích trên đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí đủ ghế ngồi (7-10 ghế) theo vòng cung hay chữ u, có bàn viết theo lối khăn phủ bàn (tròn hoặc vuông), mỗi nhóm 7 em, ghi vào 3/4 phần “khăn”

1.3.4. Góc đọc hiểu 2:

Nhận xét giá trị nội dung, nghệ thuật văn bản kịch Vũ Như Tô của Nguyễn Huy Tưởng. (GV có thể soạn thêm những câu hỏi gợi ý để HS học thuận lợi hơn). Thời gian: 10 phút

Mục tiêu góc và gợi ý HS thực hiện:

Giúp HS rèn tư duy khái quát được rút ra từ những vấn đề cụ thể hơn. Từ đó nâng cao khả năng nhận xét, đánh giá về nhân vật văn học. Đồng thời giúp HS rèn thêm thao tác lập luận phân tích trong văn nghị luận.

Yêu cầu góc:

HS biết thể nào là nội dung và nghệ thuật của một văn bản văn học. HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, các hành động, lời thoại,.. và biết căn cứ trên đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí đủ ghế ngồi (7-10 ghế) theo vòng cung hay chữ u, có bàn viết theo lối khăn phủ bàn (tròn hoặc vuông), mỗi nhóm 7 em, ghi vào 3/4 phần “khăn”

1.4. Phân công nhiệm vụ các nhóm trưởng, thư kí, nhóm viên

Lớp học 44 HS, chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 11 thành viên, có phân công nhóm trưởng và thư kí của nhóm.

- Nhóm trưởng: có nhiệm vụ phân công công việc, quản lý nhóm, báo cáo tiến trình hoạt động của nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc, cử người báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.
- Thư kí: Ghi biên bản, tổng hợp lại các ý kiến của các thành viên trong nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc.
- Các thành viên: tham gia các hoạt động của 4 góc, có hồ sơ, biên bản ghi chép của bản thân.

2. Đối với HS:

- Đọc trước tài liệu về cách thức và quy trình, nguyên tắc làm việc theo góc
- Đọc đoạn trích SGK (trích cảnh VII, phần cuối vở kịch); SGK Ngữ văn 11, tập 1; Khuyến khích đọc và xem trước Văn bản kịch Vũ Như Tô (toàn văn); Bảng hình minh họa: ảnh của kịch tác giả Nguyễn Huy Tưởng, tranh ảnh hoặc băng, đĩa về những màn kịch đã được công diễn; Một số tài liệu về đặc trưng của thể loại kịch tác giả Nguyễn Huy Tưởng.
- Xác định công việc cụ thể của mỗi cá nhân, xác định công việc của mỗi góc

Bước 3. Thiết kế tiến trình trên lớp: (90 phút)

Công đoạn 1: Giới thiệu- hướng dẫn- phân chia nhóm/ góc (7 phút)

GV giới thiệu bài mới, nêu nhiệm vụ bài học:

Nguyễn Huy Tưởng là nhà văn tiêu biểu có những đóng góp lớn cho nền văn học Việt Nam trước và sau Cách mạng. Nguyễn Huy Tưởng viết nhiều thể loại khác nhau nhưng ở thời kỳ đầu trong hoạt động sáng tác của mình, ông thiên về viết kịch. Kịch chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông.

Những tác phẩm có thể xem là những bông hoa hương sắc những năm trước và sau Cách mạng như: Vũ Như Tô, Cột đồng Mã Viện, Bắc Sơn, ta nhận thấy kịch của ông thật sự đã đánh dấu những bước phát triển của nền kịch nói Việt Nam lúc bấy giờ. Nhà văn đã có công thúc đẩy và hoàn chỉnh nền kịch nói của nước nhà trên đường hình thành và phát triển. Và chắc chắn rằng khi nhắc đến kịch thời kì trước và sau Cách mạng là phải nhắc đến nhà viết kịch Nguyễn Huy Tưởng bởi sự đóng góp lớn và vị trí của nhà văn đối với loại hình nghệ thuật kịch ở nước ta. Khi nhắc đến kịch Nguyễn Huy Tưởng thì không thể không nhắc đến tác phẩm kịch đầu tay Vũ Như Tô, tác phẩm kết tinh những giá lớn lao của người nghệ sĩ tài hoa tâm huyết để lại cho đời.

Mục tiêu bài học: Trên cơ sở là đặc điểm của thể loại bi kịch, bài học hướng các em đến hiểu và phân tích xung đột kịch qua tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm trong hồi V của vở kịch. Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của vở kịch.

Công đoạn 2: Thực hiện. 38 phút (34 phút làm việc theo góc + 4 phút chuyển góc)

+ HS tiến hành vào làm việc tại các góc đã chọn

+ GV theo dõi và hướng dẫn, trợ giúp HS tại mỗi góc.

GV nhắc nhở thời gian của các góc, kiểm tra tiến trình làm việc của mỗi nhóm hay cá nhân (GV có thể trực tiếp kiểm tra bằng cách gọi nhóm trưởng hay bất kì thành viên báo cáo tiến trình hoạt động các góc). GV hướng dẫn HS luân chuyển nhanh chóng ổn định làm việc góc mới.

Công đoạn 3: Báo cáo kết quả và đánh giá các hoạt động đã thực hiện. (45 phút)

GV có thể tổ chức thảo luận theo hình thức “Cá” trong “bể cá”

1. Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo hoạt động của nhóm mình, trình bày bài tập của một góc (theo thỏa thuận). 24 phút:
 - Nhóm 1: Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thể giới nghệ thuật khi đọc kịch. (6 phút)
 - Nhóm 2: Nêu cảm nhận sau khi hóa thân vào một nhân vật kịch. (6 phút)
 - Nhóm 3: Phân tích nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm (6 phút)
 - Nhóm 4: Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch (6 phút)
2. GV Nhận xét về cuộc thảo luận của HS và chốt ngắn gọn những điểm cần chỉnh sửa (21 phút):

Ưu điểm: Ưu điểm:

- Về việc chuẩn bị của HS: HS lớp 11B6 chuẩn bị bài tương đối tốt
- Về thái độ làm việc trên lớp: HS trên lớp tham gia làm việc tích cực, nghiêm túc.
- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân: Các em có sự hợp tác, biết chia sẻ, học hỏi và trao đổi kết quả với nhau trong nhóm. Các nhóm thực hiện đầy đủ yêu cầu, báo cáo kết quả thảo luận đầy đủ, cử đại trình bày kết quả thảo luận,...
- Về việc tham gia chất vấn và phản biện của HS với những ý kiến cần tiếp thu và những ý kiến không phù hợp với nội dung bài học: Có những ý kiến các em trao đổi nhiệt tình và chân thành làm nảy sinh vấn đề, các em đã tự điều chỉnh với nhau, đây là dấu hiệu tốt cho việc học theo góc. Ví dụ bạn Ngọc cho rằng Vũ Như Tô đang ở độ tuổi còn trẻ bởi bạn căn cứ vào kinh nghiệm thông thường “tuổi trẻ tài cao”. Điều này rút kinh nghiệm là HS không được suy diễn tùy tiện mà nên căn cứ vào văn bản để hiểu đúng, chính xác. Phần trình bày, chất vấn và phản biện ở lớp 11B6 có ưu điểm là rất sinh động, tích cực, tuy có hạn chế về thời gian nhưng các em đã đưa ra một số câu hỏi xoáy vào trọng tâm bài học và rất thú vị, thu hút sự chú ý của mọi người ví như: *cách giải quyết mâu thuẫn của Vũ Như Tô như thế nào? Việc làm của Vũ Như Tô đúng hay sai?, Mối quan hệ giữa Vũ Như Tô và Đan*

Thiêm ?, Có phải Đan Thiêm là cung nữ sống xa hoa nên không quan tâm đến đời sống của nhân dân, khuyên Vũ Như Tô xây dựng Cửu Trùng Đài ? Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả như vậy là có hợp lý không ? Khi Cửu Trùng Đài bị phá, bạn là Vũ Như Tô, bạn cảm thấy như thế nào ?...

Việc chất vấn, phản biện và tranh luận nhằm hướng đến tìm ra tri thức đúng đắn cho bài học là việc làm rất đáng khích lệ của HS. Những ưu điểm nêu trên HS cần lưu ý phát huy trong những bài học tiếp theo.

Hạn chế cần khắc phục:

- Về việc chuẩn bị của HS: một vài em chưa có sự chuẩn bị tốt nên vẫn chưa đưa được chính kiến cũng như những đóng góp của các em.
- Về thái độ làm việc trên lớp: một số em có chuẩn bị bài tốt, có chính kiến nhưng lại bản tính ít nói, e ngại phát biểu, đóng góp cho lớp. Đây là những hạn chế mà HS cần khắc phục để rèn luyện tốt hơn.
- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân: Còn một số bạn chưa có tinh thần hợp tác với nhóm, chưa đưa ra ý kiến bản thân mà cũng chưa tích cực tiếp thu ý kiến, hay phản hồi từ ý kiến của bạn. Tất cả những nhận xét trên HS cần lưu ý khắc phục trong những bài học tiếp theo.

Căn cứ đánh giá kết quả học tập của HS:

Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có. GV căn cứ cách thức làm việc, sự tham gia báo cáo, thảo luận, đánh giá, các biên bản, phiếu học tập của HS cho điểm số.

Phản chót kiến thức bài học:

Sau khi HS đã tham gia làm việc thảo luận tại các góc và trình bày kết quả thảo luận nhóm cùng với sự chất vấn, đóng góp của các bạn để hoàn thiện nội dung bài học, GV cần phải chốt lại nội dung chính của bài học một cách cô đọng nhất để HS xác định phần trọng tâm, tránh lan man bài học. Phản chốt lại nội dung

bài học cũng cần bám vào mục tiêu bài học và các nội dung cơ bản của bài học như: nội dung, nghệ thuật chính và thông điệp hay thái độ của nhà văn

GV có thể củng cố lại theo tinh thần trong nội dung ghi nhớ/ SGK của bài học

Hoặc yêu cầu HS trả lời 3 câu hỏi mang tính củng cố:

1. Em hiểu như thế nào về bi kịch của Vũ Như Tô và Đan Thiềm ?
2. Nghệ thuật đặc sắc của trích đoạn kịch này là gì ?
3. Thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc là gì ? Em học hỏi được điều gì thông qua bài học hôm nay .

Bước 4: Củng cố, dặn dò:

1. Củng cố: Qua trích đoạn kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài của tác giả Nguyễn Huy Tưởng, em cảm nhận gì về tấn bi kịch của người nghệ sĩ Vũ Như Tô ?

2. Nhiệm vụ về nhà:

- Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có.
- Qua việc thu thập những thông tin kiến thức từ các bạn và qua sự nhận xét củng cố, định hướng bài học của GV, HS về nhà hệ thống lại những thông tin và tổ chức – ghi lại nội dung bài học một cách có hệ thống (nhiệm vụ về nhà). (21 phút)
- Chuẩn bị bài: Thực hành về sử dụng một số kiểu câu trong văn bản.

Bài 2: Hồn Trương Ba da hàng thịt (Trích Hồn Trương Ba da hàng thịt- Lưu Quang Vũ)

Bước 1: Xác định mục tiêu, các phương pháp chủ yếu, các hoạt động cơ bản **HS**

1. Mục tiêu bài học:

- Kiến thức:

+ Trên cơ sở đặc điểm của thể loại, HS hiểu và phân tích được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh phải sống nhờ, sống tạm và trái tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa trước sự lấn át của thể xác thô

lỗ, phàm tục; vẻ đẹp tâm hồn người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo, dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực và khát vọng được hoàn thiện nhân cách.

+ Thấy được kịch Lưu Quang Vũ đặc sắc trên nhiều phương diện: sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu, sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống, sự phê phán mạnh mẽ, quyết liệt và chất trữ tình đậm thắm, bay bổng.

- Kỹ năng: Đọc hiểu một văn bản kịch; kỹ năng làm việc độc lập, chủ động, hợp tác của HS khi thực hiện học theo góc.

2. Các PPDH chủ yếu: Dạy học theo góc kết hợp một số phương pháp phù hợp khác như: phương pháp học tập hợp tác theo nhóm, phương pháp trực quan, sử dụng đa phương tiện, phương pháp đối thoại, phương pháp diễn giảng,...

3. Các hoạt động cơ bản của HS khi tham gia bài học: GV xác định và dự kiến trước các hoạt động cơ bản của HS khi tham gia bài học

3.1. HS đọc các tài liệu theo yêu cầu của GV trước khi tham gia bài học trên lớp.

3.2. HS sẽ lần lượt thực hiện hết các công việc của các góc.

3.3. HS báo cáo kết quả, tham gia thảo luận, đánh giá các hoạt động đã thực hiện

Bước 2. Chuẩn bị của GV và HS

1. Đối với GV:

1.1. Xác định nội dung cơ bản của bài học:

- Bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh
- Khát vọng được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.
- Đặc sắc về nghệ thuật kịch Lưu Quang Vũ: nghệ thuật dựng tình huống, xây dựng xung đột kịch, nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại trong vở kịch.

1.2. Các tư liệu học tập dành cho HS đọc trước khi tham gia bài học

- Văn bản Hồn Trương Ba da hàng thịt (toàn văn), SGK Ngữ văn 12, tập 1- đoạn trích (trích cảnh VII, phần cuối vở kịch)
- Bảng hình minh họa: ảnh của kịch tác gia Lưu Quang Vũ, tranh ảnh hoặc băng, đĩa về những màn kịch đã được công diễn.

- Một số tài liệu về đặc trưng thể loại kịch, tác giả Lưu Quang Vũ.

1.3. Xác định góc cùng nhiệm vụ- thời gian ở mỗi góc, cách bố trí không gian.

Bài học có 4 góc: 32 phút làm việc góc + 6 phút luân chuyển = 38 phút

1.3.1. Góc nghe nhìn: HS Xem trích đoạn kịch và nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch (nếu có điều kiện, GV thể chuẩn bị với phiếu học tập, HS làm việc trên phiếu học tập). Thời gian: 7 phút:

Mục tiêu góc: Giúp HS thâm nhập vào tác phẩm văn học, rèn tư duy khái quát, tái hiện kiến thức, liên tưởng, tưởng tượng trong bước đầu tìm hiểu, ghi lại ấn tượng của bản thân về nhân vật và thế giới nghệ thuật khi đọc kịch. Khi đối chiếu với thế giới nghệ thuật khi trực quan xem kịch, Giúp HS đi vào đặc trưng của thể loại kịch, sự gắn bó với sân khấu và kĩ năng diễn xuất của người diễn viên.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

- HS cần nêu trung thực những ghi nhận của mình trong hai hoạt động: Ghi lại cảm nhận của mình về thế giới nghệ thuật kịch khi đọc văn bản kịch ở nhà và khi xem kịch (nghe–nhìn) trên cơ sở đối chiếu như: có trùng khớp với nhau không, hay ở hoạt động nào hấp dẫn hơn, vì sao ?,...

- HS có thể tự do chọn một vài chi tiết mà mình ấn tượng trong văn bản chứ không nhất thiết phải đối chiếu tất cả. GV có gợi ý HS trả lời như: Khi đọc kịch và xem kịch, em nhận thấy nhân vật và thế giới nghệ thuật như thế nào, hình dung và tưởng tượng về tính cách nhân vật, cảm xúc về nhân vật hay khung cảnh sân khấu,...

HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, hành động chính, các lời thoại nhân vật trên cơ sở đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí màn hình thiết bị xem băng đĩa, chuẩn bị sẵn băng đĩa có trích đoạn vở kịch cần xem thuận lợi cho việc nghe nhìn của 7-10 HS, (kiểm tra kĩ thuật hình ảnh, âm thanh chu đáo), chuẩn bị phiếu học tập đánh dấu, bàn ghi chép nhanh ý kiến, thu nhận cá nhân.

1.3.2. Góc diễn kịch: Tập đọc phân vai các đối thoại/ hoặc tập diễn một trích đoạn ngắn. Nêu cảm nhận sau khi hóa thân vào một nhân vật kịch. Thời gian: 7 phút.

Mục tiêu góc:

Giúp HS thâm nhập vào tác phẩm văn học qua trải nghiệm bản thân, làm sống dậy thể nghệ thuật của văn bản ngôn từ, làm quen với nghệ thuật sân khấu trong bước đầu tìm hiểu, để hóa thân vào nhân vật kịch ; giúp HS rèn khả năng diễn đạt, đồng thời hiểu và nhận biết đặc trưng của thể loại kịch, sự gắn bó với sân khấu và kĩ năng diễn xuất của người diễn viên.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

- HS cần nêu cảm nhận một cách trung thực của mình trong khi hóa thân vào một nhân vật trong một đoạn ngắn nào đó của trích đoạn kịch.

- Các em có thể tự do chọn nhân vật cùng một vài chi tiết mà mình ấn tượng trong văn bản chứ không nhất thiết phải thực hiện trên tất cả các nhân vật kịch. GV có thể giải thích thêm về câu hỏi bài tập này: HS như một người diễn viên, trước khi diễn vai trên sân khấu, phải nghiên cứu kịch bản, tìm hiểu về nhân vật cùng với tính cách và thể giới nghệ thuật kịch, sau khi kết thúc vai diễn thì phát biểu về nhân vật mà mình thủ vai, hình dung về tính cách nhân vật, suy nghĩ, lý tưởng, cảm xúc của nhân vật, bài học rút ra từ nhân vật, sự đồng cảm với nhân vật,...

HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, hành động chính, các lời thoại nhân vật trên cơ sở đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí sân khấu, có đủ chỗ ngồi cho cả nhóm, theo vòng cung hay chữ u. Có amply, đủ micro cho 3,4 diễn viên; các trang lời thoại cần đọc, tập diễn; phiếu học tập nhận xét về lời thoại, giọng, nhịp điệu đối đáp Vĩnh biệt Cửu trùng đài.

1.3.3. Góc đọc hiểu 1: Thảo luận so sánh với cổ tích, nhận xét về sự khác biệt chủ đề, tư tưởng. Phân tích bi kịch của Trương Ba. (GV có thể soạn thêm những câu hỏi gợi ý để HS học thuận lợi hơn). Thời gian: 10 phút

Mục tiêu góc:

Giúp HS rèn tư duy phân tích, từ cụ thể đến khái quát. Từ đó nâng cao khả năng nhận xét, đánh giá về nhân vật văn học. Đồng thời giúp HS rèn thêm thao tác lập luận so sánh, phân tích trong văn nghị luận.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

HS biết cách phân tích một nhân vật trong văn học và lập luận phân tích.

Biết so sánh đối chiếu giữa 2 tác phẩm thuộc 2 bộ phận văn học khác nhau (văn học dân gian và văn học viết) trên cơ sở phân tích, từ đó rút ra chủ đề tư tưởng của mỗi tác phẩm.

HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, các hành động, lời thoại,..và biết phân tích trên đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí đủ ghế ngồi (11ghế) theo vòng cung hay chữ u, có bàn viết theo lối khăn phủ bàn (tròn hoặc vuông), mỗi nhóm 7 em, ghi vào 3/4 phần “khăn”

1.3.4.Góc đọc hiểu 2: Nhận xét giá trị nội dung, nghệ thuật chính (GV có thể soạn thêm những câu hỏi gợi ý để HS học thuận lợi hơn). Thời gian: 10 phút

Mục tiêu góc:

Giúp HS rèn tư duy khái quát được rút ra từ những vấn đề cụ thể hơn. Từ đó nâng cao khả năng nhận xét, đánh giá về nhân vật văn học. Đồng thời giúp HS rèn thêm thao tác lập luận phân tích trong văn nghị luận.

Yêu cầu góc và gợi ý HS thực hiện:

HS biết thể nào là nội dung và nghệ thuật của một văn bản văn học. HS cần phải đọc kỹ, tóm tắt được văn bản, nắm được các tình tiết, các hành động, lời thoại,..và biết căn cứ trên đặc trưng của thể loại kịch.

Bố trí góc:

GV bố trí đủ ghế ngồi (11 ghế) theo vòng cung hay chữ u, có bàn viết theo lối khăn phủ bàn (tròn hoặc vuông), mỗi nhóm 7 em, ghi vào 3/4 phần “khăn”

1.4. Phân công nhiệm vụ các nhóm trưởng, thư kí, nhóm viên

Lớp học 44 HS, chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm gồm 11 thành viên, có phân công nhóm trưởng và thư kí của nhóm.

- Nhóm trưởng: có nhiệm vụ phân công công việc, quản lý nhóm, báo cáo tiến trình hoạt động của nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc, cử người báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.

- Thư kí: Ghi biên bản, tổng hợp lại các ý kiến của các thành viên trong nhóm và cùng tham gia các hoạt động của 4 góc.

- Các thành viên: tham gia các hoạt động của 4 góc, có hồ sơ, biên bản ghi chép của bản thân.

2. Đối với HS:

- Đọc trước tài liệu về cách thức và quy trình, nguyên tắc làm việc theo góc

- Đọc và xem trước Văn bản kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt (toàn văn); Đoạn trích Sgk (trích cảnh VII, phần cuối vở kịch); SGK Ngữ văn 12, tập 2; Bảng hình minh họa: ảnh của kịch tác giả Lưu Quang Vũ, tranh ảnh hoặc băng, đĩa về những màn kịch đã được công diễn; Một số tài liệu về đặc trưng của thể loại kịch tác giả Lưu Quang Vũ.

- Xác định công việc cụ thể của mỗi cá nhân, xác định công việc của mỗi góc

Bước 3. Thiết kế tiến trình trên lớp: (90 phút)

Công đoạn 1: Giới thiệu- hướng dẫn- phân chia nhóm/ góc (7 phút)

GV giới thiệu bài mới, nêu nhiệm vụ bài học-

Hôm nay chúng ta tìm hiểu trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của tác giả Lưu Quang Vũ. Nói đến Lưu Quang Vũ là nói đến một cây bút tài hoa sáng tác trên nhiều thể loại. Con đường sự nghiệp khởi đầu từ thơ và kết thúc rực rỡ ánh hào quang ở kịch. Ngoài ra, ông còn có những bài bình luận sân khấu cũng tạo được bản sắc, giọng điệu riêng, để lại những dư vị khó quên.

Như một sự tiếp nối tất yếu (từ thơ-văn xuôi-bình luận sân khấu- kịch), Lưu Quang Vũ tìm thấy ở kịch mảnh đất màu mỡ cho tài năng mình. Hơn 50 vở kịch của Lưu Quang Vũ đã làm thay đổi diện mạo của sân khấu Việt Nam những năm 80. Trong lịch sử sân khấu nước ta, thời kỳ kịch của Lưu Quang Vũ có lẽ là thời kỳ huy hoàng, sôi động nhất. Nhiều bài viết của các nhà nghiên cứu, phê bình đã đánh giá cao tài năng, tâm huyết và những đóng góp của Lưu Quang Vũ đối với nền văn

học nói chung. Ông được gọi là “Cây bút vàng của sân khấu”. Lưu Quang Vũ qua đời giữa lúc tài năng đang vào độ chín (29-8-1988).

Mục tiêu của bài học là cảm nhận *bi kịch của nhân vật Trương Ba* từ đó hiểu được chiều sâu *ý nghĩa nhân văn* và nhận ra những *đặc sắc nghệ thuật* của vở kịch. Các em hãy tiến hành vào các góc xuất phát. Mỗi góc làm việc trong 7 phút, sau 7 phút các em phải luân chuyển góc

Công đoạn 2: Thực hiện. 38 phút (34 phút làm việc theo góc + 4 phút chuyển góc)
+ HS tiến hành vào làm việc tại các góc đã chọn

+ GV quan sát, kiểm tra cách thức làm việc của cá nhân nhóm (có sổ ghi chép), theo dõi và hướng dẫn, trợ giúp HS tại mỗi góc. GV nhắc nhở thời gian của các góc, kiểm tra tiến trình làm việc của mỗi nhóm hay cá nhân (GV có thể trực tiếp kiểm tra bằng cách gọi nhóm trưởng hay bất kì thành viên báo cáo tiến trình hoạt động các góc).

Công đoạn 3: Báo cáo kết quả và đánh giá các hoạt động đã thực hiện. (45 phút)

1. Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo hoạt động của nhóm mình, trình bày bài tập của một góc (theo thỏa thuận). 24 phút:
 - Nhóm 1: Nhận định đối chiếu với tưởng tượng của mình về nhân vật, thế giới nghệ thuật khi đọc kịch. (6 phút)
 - Nhóm 2: Nêu cảm nhận sau khi hóa thân vào một nhân vật kịch. (6 phút)
 - Nhóm 3: Thảo luận so sánh với cổ tích, nhận xét về sự khác biệt chủ đề, tư tưởng; Phân tích bi kịch của Trương Ba. (6 phút)
 - Nhóm 4: Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của trích đoạn kịch (6 phút)
2. **GV Nhận xét về cuộc thảo luận của HS và chốt ngắn gọn những điểm cần chỉnh sửa** (21 phút):

Ưu điểm:

- Về việc chuẩn bị của HS: HS lớp 12A6 chuẩn bị bài tương đối đều tay, nhưng còn vài HS do áp lực bài kiểm tra buổi chiều nên còn bị chi phối.
- Về thái độ làm việc trên lớp: HS trên lớp tham gia làm việc tích cực, nghiêm túc.

- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân: Các em có sự hợp tác, biết chia sẻ, học hỏi và trao đổi kết quả với nhau trong nhóm. Các nhóm thực hiện đầy đủ yêu cầu, báo cáo kết quả thảo luận đầy đủ, cử đại trình bày kết quả thảo luận,...

- Về việc tham gia chất vấn và phản biện của HS với những ý kiến cần tiếp thu và những ý kiến không phù hợp với nội dung bài học: Có những ý kiến các em trao đổi nhiệt tình và chân thành làm nảy sinh vấn đề, các em đã tự điều chỉnh với nhau, đây là dấu hiệu tốt cho việc học theo góc. Ví dụ bạn Dung nhóm 4 hiểu sai ý, mơ hồ cho rằng Vợ Trương Ba hối hận vì đã chọn xác chồng mình sớm,... Bạn Huy đã chỉ ra việc hiểu sai của Dung, và cho rằng đó là sự hờn trách của bà Trương Ba khi nhận ra sự đổi thay ở người chồng,... Hay bạn Thùy cho rằng vở kịch đã bàn đến hai tầng lớp có học như Trương Ba và thất học như ông hàng thịt,... là chưa chuẩn xác, còn hơi hợt nên không tiếp thu ý này,... Việc chất vấn, phản biện và tranh luận đề hướng đến tìm ra tri thức đúng đắn cho bài học là việc làm rất đáng khích lệ của HS.

Những ưu điểm nêu trên HS cần lưu ý phát huy trong những bài học tiếp theo.

Hạn chế cần khắc phục:

- Về việc chuẩn bị của HS: một vài em chưa có sự chuẩn bị tốt nên vẫn chưa đưa được chính kiến cũng như những đóng góp của các em.

- Về thái độ làm việc trên lớp: vẫn còn một vài em chưa thật tập trung khi tham gia (do chưa chuẩn bị, hay bị chi phối công việc riêng), một số em có chuẩn bị bài tốt, có chính kiến nhưng lại bản tính ít nói, e ngại phát biểu, đóng góp cho lớp. Đây là những hạn chế mà HS cần khắc phục để rèn luyện tốt hơn.

- Kỹ năng hợp tác tham gia của nhóm, cá nhân: Còn một số bạn chưa có tính hợp tác với nhóm, chưa đưa ra ý kiến bản thân mà cũng chưa tích cực tiếp thu ý kiến, hay phản hồi từ ý kiến của bạn.

- Về việc tham gia chất vấn và phản biện của HS với những ý kiến cần tiếp thu và những ý kiến không phù hợp với nội dung bài học: Phần tham gia chất vấn, phản

biện tuy HS có tham gia nhưng chưa nhiều, chưa thật nổi bật, HS tham gia chưa thật đều tay.

Tất cả những nhận xét trên HS cần lưu ý khắc phục trong những bài học tiếp theo.

Căn cứ đánh giá kết quả học tập của HS:

Các nhóm khác tự đánh giá kết quả của nhóm mình tại góc tương ứng và chỉnh sửa nếu có. GV căn cứ cách thức làm việc, sự tham gia báo cáo, thảo luận, đánh giá, các biên bản, phiếu học tập của HS cho điểm số.

Phần chốt kiến thức bài học:

Sau khi HS đã tham gia làm việc thảo luận tại các góc và trình bày kết quả thảo luận nhóm cùng với sự chất vấn, đóng góp của các bạn để hoàn thiện nội dung bài học, GV cần phải chốt lại nội dung chính của bài học một cách cô đọng nhất để HS xác định phần trọng tâm, tránh lan man bài học. Phần chốt lại nội dung bài học cũng cần bám vào mục tiêu và các nội dung cơ bản như: nội dung, nghệ thuật chính và thông điệp hay thái độ của nhà văn.

GV có thể củng cố lại theo tinh thần trong nội dung ghi nhớ của sách giáo khoa. Hoặc yêu cầu HS trả lời 3 câu hỏi mang tính củng cố như sau:

1. Em hiểu như thế nào về bi kịch của Trương Ba ?
2. Nghệ thuật đặc sắc của trích đoạn kịch này là gì ?
3. Thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc là gì ? Em học hỏi được điều gì thông qua bài học hôm nay .

Bước 4: Củng cố, hướng dẫn nhiệm vụ ở nhà:

1. Củng cố: Qua trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của tác giả Lưu Quang Vũ, em cảm nhận gì về bi kịch của nhân vật Trương Ba ?

2. Hướng dẫn nhiệm vụ ở nhà:

- Các nhóm khác tự đánh giá kết quả nhóm mình tại góc tương ứng, chỉnh sửa nếu có.

- Qua việc thu thập những thông tin kiến thức từ các bạn và qua sự nhận xét cùng cố, định hướng bài học của GV, HS hệ thống lại những thông tin và tổ chức - ghi lại thành nội dung bài học một cách có hệ thống.
- Chuẩn bị bài mới: Diễn đạt trong văn nghị luận.

3.4. Xử lý kết quả thực nghiệm

3.4.1. Kết quả thực nghiệm

- Lớp 12 của cô Hứa Thị Anh Thư:

Sau giờ học văn bản trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt của Lưu Quang Vũ, tổ chức lớp học trên hội trường lớn, GV có ra bài tập tự luận về nhà làm như sau:

Câu 1: Hãy phát biểu ngắn gọn về buổi dạy học kịch *theo góc*.

Câu 2. Em có thích học kịch hay không, vì sao ? Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa loại hình kịch và tự sự.

Câu 3. Em cho biết về nội dung, nghệ thuật, chủ đề của bài học
Đồng thời GV thực hiện thăm dò, phỏng vấn (có ghi hình qua video).

Kết quả thu được là:

Lớp tổng số 44 HS, trong đó:

- Kết quả về mặt nắm bắt kiến thức, nội dung, nghệ thuật, chủ đề một cách tích cực: 27 (61,36 %) HS nắm bắt khá tốt về nội dung, nghệ thuật và chủ đề một cách tích cực. 11 (25 %) HS nắm bắt ở mức trung bình, do chưa thật tự tin khi thuyết phục, chứng minh. 6 (13,64 %) HS nói đúng nội dung và nghệ thuật nhưng chưa thật tự tin và khái quát lên chủ đề do chuẩn bị bài chưa tốt và không tích cực tham gia bài học, bị chi phối bởi bài kiểm tra môn địa tiết buổi chiều.
- Kết quả về việc nhận ra thể loại kịch có khác với các thể loại khác: 30 (68,2 %) HS nắm khá tốt về đặc trưng thể loại, 14 (31,8 %) HS chỉ xác định ở mức trung bình do chưa kể đủ hết các đặc trưng của kịch.
- Kết quả về mặt đón nhận một kĩ thuật dạy học mới, hào hứng: 36 (81,8 %) HS đều đón nhận kĩ thuật dạy học mới, một cách tích cực hơn so với giờ dạy bình thường, 8 (18,2 %) HS cho rằng, sợ mất thời gian, ảnh hưởng đến kết quả học các

bộ môn khác nhất là khi đang học lớp 12 và học chọn thi đại học khối A nên cũng giảm bớt nhiệt tình khi tham gia bài học.

- Lớp 11 của thầy Lê Phước Đăng:

Sau giờ học văn bản trích đoạn kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài của Nguyễn Huy Tưởng được tổ chức ở không gian trên lớp, GV có ra bài tập tự luận HS về nhà làm như sau:

Câu 1: Hãy phát biểu ngắn gọn về buổi dạy học kịch *theo góc*.

Câu 2. Em có thích học kịch hay không, vì sao ? Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa loại hình kịch và tự sự,.

Câu 3. Em cho biết về nội dung, nghệ thuật, chủ đề của bài học

Đồng thời GV thực hiện thăm dò, phỏng vấn. Kết quả thu được là:

Lớp tổng số 44 HS, trong đó:

- Kết quả về mặt nắm bắt kiến thức, nội dung, nghệ thuật, chủ đề một cách tích cực: 28 (63,6 %) HS nắm bắt khá tốt về nội dung, nghệ thuật và chủ đề một cách tích cực. 10 (22,7 %) HS nắm bắt ở mức trung bình, do chưa thật tự tin khi thuyết phục, chứng minh. 6 (13,7 %) HS nói đúng nội dung và nghệ thuật nhưng chưa thật tự tin và khái quát lên chủ đề do chuẩn bị bài chưa tốt và không tích cực tham gia bài học,
- Kết quả về việc nhận ra thể loại kịch có khác với các thể loại khác: 25 (56,8 %) HS nắm khá tốt về đặc trưng thể loại, 12 (27,3 %) HS chỉ xác định ở mức trung bình do chưa kể đủ hết các đặc trưng của kịch, 7 (15,9 %) HS chưa thật thuyết phục chỉ ra đặc trưng của kịch do chưa chuẩn bị bài và không tập trung tham gia bài học.
- Kết quả về mặt đón nhận một kĩ thuật dạy học mới, hào hứng: 37 (84 %) HS đều đón nhận kĩ thuật dạy học mới, một cách tích cực hơn so với giờ dạy bình thường, 7 (16 %) HS cho rằng, sợ mất thời gian, ảnh hưởng đến kết quả học các bộ môn khác nên chưa thật nhiệt tình tham gia bài học.

3.4.2. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm

Kết quả thực nghiệm là căn cứ quan trọng để đánh giá khả năng ứng dụng của đề tài. Do đó, việc thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm là rất quan trọng. Để đánh giá tính khả thi của đề tài, chúng tôi dựa vào việc nhận xét, đánh giá

kết quả bài tập vận dụng của HS và việc nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm qua giờ dạy thực nghiệm.

Vì thực nghiệm của chúng tôi chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, với số tiết, số lượng HS và số bài học có hạn, nên kết quả thực nghiệm chưa phản ánh hết những đặc điểm, tính chất, của phương pháp dạy học văn nói chung. Vì thế, chúng tôi không xem kết quả thực nghiệm là cơ sở duy nhất để khẳng định tính ưu việt, khả thi của giáo án thực nghiệm. Tuy nhiên, thực nghiệm này có thể xem là cơ sở để tham khảo và mức độ khả thi của giáo án thực nghiệm sẽ còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: năng lực sư phạm của GV, trình độ của HS, cũng như các phương tiện, điều kiện vật chất của từng trường, và môi trường dạy học cụ thể,...

3.4.2.1. Về phía người dạy:

Chúng tôi thực nghiệm chương 3 trên tinh thần bám sát vào quan điểm mà chúng tôi đã trình bày ở chương 1 và chương 2. Điều đó được thể hiện qua các khâu khai thác bài học, từ các câu hỏi phiếu học tập đến cách bố trí, tổ chức lớp học mà chúng tôi đã trình bày ở các chương trong luận văn.

Với cách học này GV chỉ mất thời gian chuẩn bị, bố trí lớp học nhưng khi đến lớp GV không còn phải mất sức cho bài giảng của mình, không có cảm giác một mình làm việc hay “độc diễn”. GV được năng động hơn, được quan sát, đánh giá HS toàn diện hơn từ giờ lên lớp cho đến hồ sơ học tập của các em (các phiếu học tập và các biên bản thảo luận). Đặc biệt nhất là thông qua giờ thảo luận của các em, GV nhận ra tính cách, sở trường của từng em, đồng thời cũng nhận ra cái hạn chế, hiểu nhầm, hiểu sai để GV giúp các em điều chỉnh kịp thời.

- Văn bản kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) ở lớp 12A6: Văn bản này được thực nghiệm trong không gian của hội trường lớn (500 mét vuông), do cô Hứa Thị Anh Thư trực tiếp đứng lớp dạy vào tiết 3,4,5, ngày 28/9/2012

+ Điều kiện cơ sở vật chất và những mặt thuận lợi:

GV trang bị 4 mirô, một máy chiếu, không gian ở phòng hội trường, đầy đủ ánh sáng, không khí thoáng mát. Không gian rộng, giữa các nhóm có khoảng cách tương đối, GV bố trí hai góc đọc hiểu 1, 2 giãn cách với hai góc diễn kịch và nghe -

nhìn là khoảng 1,5 mét. Còn hai góc còn lại khoảng 1 mét. Các bạn hoạt động di chuyển, trao đổi thoải mái, các nhóm làm việc độc lập và có sự tập trung, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm diễn ra tương đối khá tốt. Hơn nữa GV có micro để điều phối các hoạt động của lớp nên việc ảnh hưởng tiếng ồn và sự tác động của các nhóm với nhau không đáng kể.

Ở góc nghe – nhìn, GV được trang bị máy chiếu, loa âm thanh đã đáp ứng được nhu cầu nghe – nhìn và trao đổi của HS. Các góc còn lại cũng đáp ứng tốt cho việc thực hiện trao đổi ý kiến của HS.

HS thực hiện khá tốt phiếu chuẩn bị bài nên các hoạt động dạy học giữa GV và HS diễn ra khá nhịp nhàng. Vì là HS ban A nên các em tỏ ra khá thích nghi với cách học mới, thông minh khi trả lời những câu hỏi phát hiện, tổng hợp, không khí lớp học thật nghiêm túc, sinh động.

Nhìn chung, các nhóm hoạt động tương đối đều tay, do các nhóm trưởng và các thành viên có sự hợp tác, tích cực. Nhóm trưởng điều động trao đổi một cách nhiệt tình, nhất là nhóm 1 - Lê Công Tuấn Anh làm nhóm trưởng và Nhóm 2 - Nguyễn Phan Ngọc Linh nhóm trưởng đã hoạt động khá tốt. Hai nhóm còn lại là nhóm 3 - Đoàn Thị Bích Thùy làm nhóm trưởng và nhóm 4 – Dương Thị Thùy Dung nhóm trưởng, hoạt động cũng khá sôi nổi nhưng hoạt động chưa đều tay bằng nhóm 1 và 2.

Về sự đóng góp thảo luận của các thành viên trong khi làm việc theo góc: Hầu như các bạn trong nhóm đều có chuẩn bị nên hiểu rõ cách thức thực hiện, nắm vững yêu cầu câu hỏi, tích cực tham gia thảo luận. Tuy còn vài bạn còn thụ động, ít đóng góp ý kiến do chưa chuẩn bị tốt ở nhà, chưa tập trung do bị chi phối bởi việc riêng bên ngoài hay do vốn tính rụt rè, trầm, chưa quen phát biểu trong hoạt động tập thể.

Về sự tham gia trình bày và đóng góp ý kiến giữa các nhóm và các thành viên trong khi HS trình bày kết quả thảo luận: Giờ học đạt được kết quả tốt là nhờ vào sự đóng góp của các thành viên và hoạt động nhiệt tình, linh hoạt và năng động của các nhóm trưởng. HS tập trung vào phần trình bày kết quả thảo luận và có sự

chất vấn các bạn khi trình bày. Người trình bày cũng giải trình quan điểm kết quả thảo luận của nhóm. Phần này, HS đã thể hiện được sự tương tác, trao đổi học hỏi, tự điều chỉnh lẫn nhau.

+ **Một số khó khăn trong quá trình ứng dụng:** Từ kịch bản đến thực tế ứng dụng, chúng tôi nhận thấy còn một số khó khăn như sau:

Do không gian quá rộng (khoảng 500 mét vuông) nên không khí có phần hơi bị loãng, nhất là trong phần trình bày kết quả thảo luận của nhóm và phần nhận xét của GV. Điều này GV khó quan sát HS hơn, và cũng ảnh hưởng đến không khí của buổi thuyết trình cả lớp với yêu gần gũi, ấm cúng hơn.

Thời gian dành cho buổi học còn hạn chế, cả HS và GV đều bị áp lực về thời gian, nhất là ở góc đề cao sự sáng tạo, sự chuẩn bị và thâm nhập sâu bài học như góc diễn kịch, góc nghe – nhìn thì thời gian eo hẹp.

Với chương trình học hiện nay, công việc chuẩn bị ở nhà của HS cũng hơi nặng, nhất là với đối tượng HS lớp 12, các em còn phải học nhiều môn để hướng đến những kì thi lớn, nên phần chuẩn bị bài trong phiếu học tập cần tinh giản hơn.

-Văn bản kịch Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (Nguyễn Huy Tưởng) ở lớp 11B6:

Văn bản này được thực nghiệm trong không gian của lớp học nhỏ hơn, khoảng 63 mét vuông, do Thầy Lê Phước Đăng phụ trách giảng dạy và trực tiếp đứng lớp dạy tiết 1, 2 ngày 18/10/2012.

+ **Điều kiện cơ sở vật chất và những mặt thuận lợi:**

GV trang bị 1 mirô để điều phối các hoạt động của lớp, một máy tính xách tay và loa cho máy, không gian ở lớp học, đầy đủ ánh sáng, không khí thoáng mát. Không gian hẹp, giữa các nhóm có khoảng cách tương đối, GV bố trí hai góc đọc hiểu 1, 2 giản cách với hai góc diễn kịch và nghe - nhìn là khoảng 1,5 mét. Còn hai góc còn lại khoảng 1 mét. Các nhóm làm việc độc lập, có sự tập trung tương đối, hợp tác giữa các thành viên trong nhóm diễn ra khá tốt.

GV điều khiển tổ chức lớp bằng micro nên việc ảnh hưởng tiếng ồn và sự tác động của các nhóm với nhau cũng có nhưng không đáng kể. Ở không gian này đạt

điều kiện về sự gần gũi và ấm cúng, GV thuận tiện quản lý và quan sát, theo dõi HS hơn.

Nhìn chung, lớp thực nghiệm này bám sát vào điều kiện cơ sở vật chất của trường hơn, các nhóm hoạt động tích cực nhưng chưa thật đều tay và thành thạo so với các anh chị lớp 12A6 trên. Nguyên nhân cũng do thời gian tập huấn (1,5 tiết) và thời gian thực hiện (2 tiết) ngắn hơn so với lớp 12A6 (thời gian tập huấn là 4 tiết, thực hiện là 3 tiết), nhưng các nhóm viên cũng hoạt động sôi nổi và nhiệt tình như: bạn Phan Lê Tiểu Nhi, Lê Huỳnh Đức, Trần Thanh Tùng (thành viên nhóm 1); Nguyễn Hoàng Hải Ngọc, Vũ Đức Tuyền, Nguyễn Thị Nguyên (thành viên của nhóm 2); Võ Thị Y Phụng, Huỳnh Thị Lam Tuyền, Trần Hồng Anh, Phan Thanh Ngọc (thành viên nhóm 3); Hoàng Vinh Nghĩa, Trần Thị Hoài Phương, Phạm Thành Đạt (thành viên nhóm 4) ,...đã hoạt động khá tốt.

HS thực hiện phiếu chuẩn bị bài rất hiệu quả nên hoạt động dạy học giữa GV và HS, giữa HS với HS diễn ra rất nhịp nhàng. Tuy lớp học có hơi ồn vì phòng hẹp và sự tham gia thảo luận HS chưa thật đều tay nhưng các em đã có sự phát hiện rất chính xác những sai sót và thiếu tính thuyết phục của bạn, các em thật sự có những tương tác và học hỏi lẫn nhau: (Ví dụ các bạn tự đặt ra vấn đề, chất vấn nhau bằng những câu hỏi rất thú vị và bám sát vào trọng tâm bài học như: *cách giải quyết mâu thuẫn của Vũ Như Tô như thế nào ? Việc làm của Vũ Như Tô đúng hay sai ? , Mối quan hệ giữa Vũ Như Tô và Đan Thiềm ? , Có phải Đan Thiềm là cung nữ sống xa hoa nên không quan tâm đến đời sống của nhân dân, khuyên Vũ Như Tô xây dựng Cửu Trùng Đài ? Cách giải quyết mâu thuẫn của tác giả như vậy là có hợp lý không ? Khi Cửu Trùng Đài bị phá, bạn là Vũ Như Tô, bạn cảm thấy như thế nào ?...)*

Về sự đóng góp thảo luận của các thành viên trong khi làm việc theo góc: Hầu như các bạn trong nhóm đều có chuẩn bị, tích cực tham gia thảo luận. Tất cả đều thực hiện bài tập phiếu học tập, tuy vài bạn còn thụ động, ít đóng góp ý kiến do chưa thuần thục với cách học hay do tính cách rụt rè, ít nói chưa quen phát biểu trước tập thể.

Về sự tham gia trình bày và đóng góp ý kiến giữa các nhóm và các thành viên trong khi HS trình bày kết quả thảo luận: Phần này, ở không gian lớp học lại rất đạt, HS đã thể hiện được sự tương tác, trao đổi học hỏi, tự điều chỉnh lẫn nhau. Giờ học đã đạt được kết quả tốt là nhờ vào sự đóng góp của các thành viên trong nhóm. HS trình bày kết quả thảo luận và có sự chất vấn các bạn khi trình bày. Người trình bày cũng giải trình quan điểm kết quả thảo luận của nhóm. HS tỏ ra thích thú với những điều này.

+ Một số khó khăn trong quá trình ứng dụng:

Do không gian hơi hẹp (khoảng 63 mét vuông) nên hoạt động di chuyển không thuận tiện, không khí lớp học sinh động nhưng hơi có tiếng ồn (tiếng ồn tích cực, cho phép). Điều này là nguyên nhân Góc diễn kịch và Góc nghe- nhìn hoạt động kém hiệu quả.

Do không có trang bị máy chiếu và loa nên ở góc nghe nhìn chưa đáp ứng được sự thỏa mãn cho HS.

Thời gian dành cho buổi học còn hạn chế, cả HS và GV đều bị áp lực về thời gian, nhất là ở góc đề cao sự sáng tạo, sự chuẩn bị và sự thâm nhập sâu bài học như Góc diễn kịch, Góc nghe – nhìn thì thời gian eo hẹp.

Nhìn chung, hai giáo án đã được thiết kế đúng quan điểm, phương hướng dạy học trích đoạn kịch theo góc. Chúng tôi cố gắng ứng dụng trong điều kiện cơ sở vật chất thực tế của trường mà chúng tôi tiến hành thực nghiệm. Chúng tôi thực hiện dạy học ở hai không gian, một không gian quá rộng (diện tích khoảng 500 mét vuông nhưng diện tích trung dụng khoảng 200 mét vuông, bàn ghế của hội trường không thật thuận lợi cho việc xếp góc vì bàn ghế lớn, khó di chuyển), và một không gian nhỏ hơn 63 mét vuông. Cả hai không gian đều có những mặt thuận lợi và hạn chế khác nhau. Cả hai giờ dạy đã khai thác được tính tích cực ở HS, các em tỏ ra rất hứng thú, lớp học thật sinh động hơn so với cách dạy bình thường.

Tuy nhiên, mô hình lý tưởng của DHTG với điều kiện thuận lợi nhất là: lớp học với số lượng HS không quá 25, với không gian vừa phải, không quá rộng hay

quá hẹp, cơ sở vật chất đầy đủ, có trang bị những phương tiện dạy học như máy chiếu, loa âm thanh, micro,... với bàn ghế thiết kế riêng cho DHTG.

Thông qua kết quả thực nghiệm trong điều kiện thực tế, ta nhận thấy tính ứng dụng của cách học này rất khả quan. Tuy nhiên đây là lần đầu tiên vận dụng, mặc dù cả thầy và trò nhiệt tình, hết sức cố gắng nhưng chúng tôi vẫn chưa hài lòng ở kết quả đạt được, ví dụ các mặt sau: các em vẫn còn e ngại phát biểu, chưa có sự đóng góp hết mình ở các thành viên. Các nhóm trưởng làm việc tích cực nhưng chưa có kinh nghiệm khơi gợi sự đóng góp ở các đối tượng thụ động, phần chuẩn bị ở nhà của HS còn hơi nặng trong điều kiện phân phối chương trình hiện nay.

3.4.2.2. Về sự phản hồi từ phía người học:

Sau khi kết thúc buổi ứng dụng kỹ thuật dạy học theo góc với tác phẩm kịch, GV có phỏng vấn trực tiếp và phát biểu những suy nghĩ của HS sau khi tham gia buổi học DHTG, GV ghi nhận được ý kiến phản hồi từ HS như sau:

Ở lớp 12A6:

HS Nguyễn Phan Ngọc Linh, nhóm trưởng nhóm 2 phát biểu nhận xét về buổi học: *“Qua buổi học em thấy các bạn hoạt động rất tích cực, không khí hoạt động rất sôi nổi, do các bạn về nhà chuẩn bị tốt nên các bạn nắm bắt bài rất nhanh. Bên cạnh đó vẫn có một số bạn hoạt động chưa tích cực do bản chất các bạn ít nói, ít phát biểu ý kiến, một mặt là do các bạn không có năng khiếu về văn học. Với cách học này thì em thấy các bạn về nhà chuẩn bị bài kỹ hơn so với các tiết học bình thường khác, các bạn được tự do phát biểu ý kiến của mình một cách mạnh dạn. Tuy nhiên để áp dụng phương pháp này cần thời gian để chuẩn bị nhiều và cần cơ sở vật chất đầy đủ. Em nghĩ, nếu làm lại cách học này một lần nữa thì chúng em sẽ học tốt hơn vì rút được kinh nghiệm, đóng góp ý kiến nhiều hơn, tự tin phát biểu ý kiến hơn”.*

HS Đoàn Bích Thùy, nhóm trưởng nhóm 3 nhận xét về hoạt động của nhóm mình: *“Em nhận thấy hoạt động ở nhóm em chỉ tương đối do có một số thành viên tích cực còn một số vẫn còn thụ động. Nguyên do là: HS khối A, vài bạn ít chú ý đến*

môn văn; Một số bạn có tính rụt rè ít nói, thiếu tự tin; Một số chưa chuẩn bị kỹ bài học; một số bạn còn ỷ lại, ít đóng góp”.

HS Lê Công Tuấn Anh nhóm trưởng của nhóm 1 nhận xét về hoạt động của nhóm: *“Ở nhóm em, hầu như các bạn trong nhóm đều hiểu rõ, nắm vững kiến thức; một vài bạn còn thụ động, không đóng góp ý kiến, chưa chuẩn bị bài tốt ở nhà; còn lại các bạn có chuẩn bị tích cực đóng góp ý kiến. Nhóm thành công là do nhóm trưởng và các thành viên đã chuẩn bị tốt các tài liệu, nắm bắt được kiến thức bài học và tích cực đóng góp thảo luận.”*

HS Dương Thị Thùy Dung nhóm trưởng nhóm 3 đánh giá về nhóm: *“Nhóm em hoạt động khá đều, nhiều bạn có ý thức, nhiệt tình đưa ra ý kiến bàn bạc. Phần chuẩn bị tương đối tốt nhưng còn thiếu sót một vài chỗ. Phần trình bày của nhóm do nhóm trưởng đại diện chưa đạt yêu cầu cao.”*

HS Tô Thị Thu Thảo phát biểu: *“Em thích cách học này vì giúp em hòa đồng với các bạn hơn, giúp em gắn kết với tập thể nhưng cách học này làm em mất nhiều thời gian”*

HS Nguyễn Quang Huy: *“Em cảm thấy rất hứng thú với hình thức “học tập theo góc””. Đây là một cách học mới, hấp dẫn, tạo được hứng thú cho HS. Tất cả các thành viên đòi hỏi phải làm việc hết mình để đảm bảo sự liên tục trong công việc được giao. Nhóm 2 đã làm rất tốt dưới sự phân công hợp lý của nhóm trưởng, đồng thời do các thành viên đã chuẩn bị tốt ở nhà nên các bạn đều hoàn thành khá tốt công việc được giao. Tuy nhiên vẫn có lúc do tranh luận quá sôi nổi dẫn đến vượt quá thời gian quy định. Qua buổi học này, em có đề xuất mở rộng góc “diễn kịch” để tạo thêm sự sinh động cho buổi học.”*

Ở lớp 11B6:

HS Võ Thị Y Phụng (thành viên nhóm 1) nhận xét về nhóm học của mình và hình thức học theo góc: *“Khi tham gia học theo góc, các bạn đều chuẩn bị bài, nắm được nội dung cơ bản bài học. Các bạn thảo luận rất sôi nổi, hăng hái đóng góp ý kiến. Cách học này có ưu điểm là giúp hiểu bài sâu hơn, lớp học rất vui, HS thích*

thú. Ngoài ra giúp tăng tình đoàn kết và rèn HS mạnh dạn hơn khi đứng trước đám đông. Nhưng có hạn chế là DHTG mất quá nhiều thời gian”.

HS Nguyễn Hoàng Hải Ngọc (thành viên nhóm 2) có lời phát biểu gợi khá nhiều vấn đề: *“Qua buổi học theo góc, em cảm thấy rất vui, thích thú: Vì từng sự việc, từng vấn đề, những thắc mắc của chúng em vừa được trao đổi nhau, lại được thầy cô củng cố một cách gọn, cô động giúp chúng em dễ tiếp thu. Nhưng do còn mới, nên cách học này khiến chúng em chưa quen, còn thụ động, một số bạn chưa dám bày tỏ hết những thắc mắc. Em nghĩ cần tăng lượng thời gian để nhiều cá nhân tham gia tranh luận. Để giờ học thêm phong phú, chúng em có thể trình bày vấn đề bằng âm nhạc, bằng thơ ngẫu hứng hay mang nét hài hước như truyện cười để chúng em dễ cảm nhận. Đó là những cảm nhận của chúng em”*.

Một số lời phát biểu của HS sau khi tham gia hình thức dạy học theo góc ở trích đoạn kịch Vũ Như Tô đã phát biểu như sau:

HS Lê Thị Kim Yên: *“Em rất thích học theo góc. Vì đây là cơ hội để nâng cao nhận thức và trí tưởng tượng của em về bộ môn kịch nói, và em biết thêm là kịch rất thú vị và rất gần với cuộc sống”*

HS Lê Văn Pháp: *“Em rất thích hình thức dạy học theo góc, vì giờ học sôi động, em được phát biểu ý kiến của mình để mọi người chỉnh sửa, sẽ làm em khắc sâu kiến thức, tuy nhiên chúng em còn hạn chế thời gian quá.”*

HS Lê Quốc Anh: *“Em thích học theo cách này, vì được thoải mái, chủ động hơn, hứng thú hơn trong giờ học chứ không gò bó một chỗ”*

Qua phỏng vấn và khảo sát bằng hình thức tự luận đối với HS, chúng tôi ghi nhận ý kiến đánh giá rất khả quan về hình thức DHTG. Cả người dạy và người học đều xác nhận ưu điểm về tính tích cực trong hoạt động dạy của GV và hoạt động của HS. Tuy nhiên DHTG cũng gặp một số khó khăn như về thời gian, về cơ sở vật chất. Nếu chúng ta có nhiệt tâm, nhiệt tình và linh hoạt khéo léo trong tổ chức hoạt động dạy học chúng ta cũng có thể ứng dụng vài ba bài học trong chương trình nhằm tạo sự hứng thú trong học tập cho HS, hướng HS học tích cực, đồng thời cũng rèn luyện sự tự tin, tinh thần hợp tác, tính tập thể cho HS.

3.4.3. Một số đề xuất từ thực nghiệm:

Đây là phương pháp đòi hỏi sự chuẩn bị công phu, hợp tác cao giữa GV và HS. GV phải chuẩn bị các phương tiện dạy học, bố trí không gian lớp học, cách phân chia các góc,...HS phải tích cực trong việc chuẩn bị bài, làm việc và phối hợp chặt chẽ với nhau mới hoàn thành công việc ở các góc. Ngoài ra với cách học này, sau giờ học, chưa có nghĩa là kết thúc, GV muốn đánh giá toàn diện, khách quan chính xác, cần phải xem - kiểm tra các hồ sơ chuẩn bị, thực hiện, biên bản, và phần bài tập về nhà (HS tự ghi lại nội dung thu được trên lớp dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV). HS về nhà làm công việc tự ghi lại nội dung thu được trên lớp thành bài học có hệ thống.

Qua 2 vòng thực nghiệm với hai bài dạy trên, từ việc tham khảo ý kiến của giáo viên và học sinh, chúng tôi có ý kiến đề xuất như sau:

Thứ nhất: Cần thiết kế một phòng bộ môn: Cách dạy học các trích đoạn kịch theo góc thật sự là công cụ tốt nếu trường học có thiết kế một phòng bộ môn tương ứng với số lượng HS, có trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như về không gian dạy học vừa phải không quá rộng hay quá hẹp, thoáng mát, đủ ánh sáng; máy chiếu có gắn loa âm thanh phục vụ cho việc nghe nhìn, có vách ngăn cách ly để tránh tiếng ồn và sự chi phối hoạt động giữa các góc, có bàn ghế thuận tiện cho việc di chuyển và sắp xếp theo góc.

Thứ hai: Về việc chọn không gian cho lớp dạy học theo góc: Khi dạy học theo góc, không nên chọn không gian quá rộng hay quá hẹp. Nếu không gian quá rộng (lớp 12A6 ở hội trường 500 mét vuông, sử dụng dạy học khoảng 200 mét vuông) chúng ta thuận lợi trong việc chia nhóm, cách ly sự ảnh hưởng hoạt động, tiếng ồn nhưng sẽ gặp trở ngại bởi không khí lớp sẽ bị loãng, thiếu sự gần gũi, ấm cúng giữa trò – trò - thầy – nhóm trò, GV khó quản lý, quan sát bao quát HS. Nếu không gian hẹp (ở lớp học 63 mét vuông) sẽ khắc phục trong tình trạng khó khăn trên nhưng lớp học sẽ ảnh hưởng, chi phối hoạt động, tiếng ồn phát ra giữa các nhóm làm giảm bớt sự tập trung hoạt động của HS.

Tốt nhất, với lượng HS trên, GV nên chọn không gian vừa phải khoảng 150 đến 200 mét vuông, tức không quá rộng cũng không quá hẹp, là không gian vừa phải, lý tưởng cho cách DHTG.

Thứ ba: Về việc trang bị các phương tiện phục vụ cho việc dạy học các trích đoạn kịch theo góc: Dạy học theo góc nhất thiết cần phải trang bị các phương tiện như: máy chiếu; micro dành cho GV; các bàn ghế để thuận tiện sắp xếp, di chuyển; các vách ngăn gắn bánh xe có thể di chuyển bằng nhôm và kiếng (nhằm khắc phục hạn chế tiếng ồn tích cực và GV có thể quan sát tất cả HS).

Thứ 4: Dạy học theo góc cần được tăng cường số tiết trong điều kiện cho phép (hơn 2 tiết): DHTG rất mất thời gian, đặc biệt là góc làm việc diễn kịch và xem kịch cần mở rộng thời gian hơn để tạo hứng thú cho HS hơn, thời gian HS trình bày kết quả thảo luận, HS tham gia chất vấn, phản biện cùng với thời gian nhận xét, củng cố, chốt kiến thức cho HS cũng cần được rộng thời gian hơn. Hơn nữa, cách dạy học này sẽ có nhiều tình huống phát sinh, ngoài dự kiến của GV và còn phụ thuộc vào mức độ, năng lực làm việc của HS. nên cần tăng số tiết trong điều kiện cho phép.

Bước đầu thử nghiệm với những đánh giá, nhận xét ở trên, người viết luận văn có thể khẳng định được khả năng ứng dụng và vai trò phát huy tính tích cực của HS khi ứng dụng kĩ thuật “DHTG” vào dạy học - hiểu trích đoạn kịch ở trường THPT. Hình thức dạy học này đã thật sự khai thác tính tích cực và sự hứng thú của HS và cả sự linh hoạt và chủ động của GV. Cả thầy và trò có sự hợp tác nhịp nhàng, HS có sự tương tác rất tốt, bầu không khí dạy học thật phấn khởi. Hình thức dạy học này thật sự đã mang lại những giá trị to lớn, đó là chất dân chủ, nhân văn và nét đẹp mô phạm của môi trường dạy học hiện đại.

Tuy nhiên đây là lần đầu tiên vận dụng, mặc dù cả thầy và trò rất cố gắng nhưng vẫn chưa hài lòng ở kết quả đạt được. Hơn nữa, DHTG sẽ gặp hạn chế về thời gian, sự chuẩn bị của HS trong điều kiện chương trình học của HS còn đánh giá là nặng và cơ sở vật chất chưa được trang bị đầy đủ, cho nên ứng dụng kĩ thuật

DHTG ở mức độ vài ba tiết dạy trong năm nếu được thì vẫn nên tiến hành thực hiện bởi giá trị nhiều mặt và đặc biệt nhất là ở sự khai thác tính tích cực ở HS là điều đã được khẳng định. Ngoài ra, chúng ta còn có thể ứng dụng kỹ thuật DHTG vào dạy ở các thể loại khác như truyện ngắn, tiểu thuyết nếu những tác phẩm của thể loại này đáp ứng các yêu cầu về mặt về điều kiện cũng như những tổ chất của một bài học có thể thực hiện DHTG.

KẾT LUẬN

1. Qua ba chương của luận văn, chúng tôi đã trình bày những vấn đề cốt lõi, là cơ sở cho đề tài: “*Bước đầu ứng dụng kỹ thuật “dạy học theo góc” vào việc dạy đọc -hiểu các trích đoạn kịch Vũ Như Tô, Hồn Trương Ba da hàng thịt ở trường THPT*”. Ở chương 1, chúng tôi đi vào giới thuyết các vấn đề mang tính lí luận, khái quát liên quan đến đề tài như: Khái quát chung về DHTG (khái niệm về DHTG, điều kiện, quy trình, tổ chức DHTG, những ưu điểm và hạn chế khi ứng dụng hình thức dạy học này) và tổng quan về kịch (khái niệm, đặc trưng của loại hình kịch và thể bi kịch), tìm hiểu về tác giả Nguyễn Huy Tưởng với trích đoạn kịch Vũ Như Tô, tác giả Lưu Quang Vũ với trích đoạn kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt. Trong đó việc xác lập những đặc trưng thể loại của kịch bản văn học và quy trình ứng dụng DHTG có ý nghĩa vô cùng quan trọng vì đó là tiền đề để chúng ta và tìm ra một hình thức dạy học phù hợp, phát huy được tính tích cực của HS trong nhà trường phổ thông hiện nay.

2. Trên cơ sở lý luận của chương 1, ở chương 2, chúng tôi thiết kế bài đọc hiểu tác phẩm kịch *theo góc*. Chúng tôi đưa ra quan điểm tổ chức hoạt động DHTG trong dạy kịch ở trường THPT cùng với cách chia góc, nguyên tắc chia góc, mục đích của việc chia góc, nội dung công việc của các góc và một số kỹ thuật phối hợp khi ứng dụng hình thức DHTG. Sau đó chúng tôi thiết kế tiến trình lên lớp và giáo án dạy đọc hiểu hai trích đoạn kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ). Để thuận tiện hơn cho việc ứng dụng, chúng tôi có nêu một số lưu ý về việc ứng dụng kỹ thuật DHTG vào tác phẩm kịch với ví dụ cụ thể, thiết thực.

3. Như vậy, trên cơ sở lý luận ở chương 1, và thiết kế mô hình ứng dụng ở chương 2, để đánh giá mức độ khả thi của đề tài, chúng tôi trình bày thực nghiệm và có những đề xuất ở chương 3. Qua các tiết dạy, bước đầu đã khơi gợi được hứng thú, tích cực trong hoạt động học của HS, các em có sự phản hồi và đón nhận hình thức DHTG với nội dung bài học khá tốt. Các em đã tự tin và mạnh dạn hơn trong

việc phát biểu, trao đổi chính kiến với GV và các bạn cùng lớp, tỏ ra thân ái với các bạn hơn. Giờ dạy học kịch bản văn học cũng được hoạt động trong một không khí tích cực, thoải mái hơn.

Việc ứng dụng kĩ thuật DHTG vào trích đoạn kịch đã thật sự khai thác tính tích cực và sự hứng thú của HS và cả sự linh hoạt và chủ động của GV. Cả GV và HS đều rất phấn khởi trong dạy và học. Và hơn thế nữa, hình thức dạy học thật sự đã mang lại những giá trị đáng quý, đó là chất dân chủ, nhân văn và nét đẹp mô phạm của môi trường dạy học hiện đại. Những tố chất đó rất cần thiết và phải có trong bất kì hình thức dạy học nào. Và DHTG là một trong những hình thức dạy học đã phát huy được những giá trị rất đáng trân trọng và được tôn vinh đó.

4. Như đã trình bày, trên đây là một số kết luận khái quát những nội dung cơ bản của luận văn. Trong quá trình làm việc, chúng tôi cố gắng tìm ra những cơ sở lý luận, những thông tin đáng tin cậy và phù hợp để hướng đến tính ứng dụng và tính thiết thực của đề tài. Xem đây là một trong những giải pháp hữu ích cho hoạt động dạy học hai tác phẩm kịch Vũ Như Tô (Nguyễn Huy Tưởng) và Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) ở nhà trường phổ thông. Tuy nhiên, năng lực có hạn nên xảy ra vấn đề sai lầm, thiếu sót là điều khó tránh khỏi. Chúng tôi rất mong nhận được sự rộng lượng và đóng góp chân thành từ phía Thầy Cô, bạn bè để luận văn được hoàn thiện hơn. Tuy vậy, với những vấn đề đã trình bày, chúng tôi cũng hy vọng sẽ đóng góp phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng dạy và học tác phẩm kịch trong nhà trường THPT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristote (1961), *Nghệ thuật thi ca*, Nxb Văn hóa.
2. Lại Nguyên Ân (1999), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. B.G. Bielinski (1948), *Tuyển tập*, tập 2, Nxb Quốc gia Văn học nghệ thuật.
4. Bộ giáo dục và đào tạo – Dự án Việt Bỉ, (2005), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư Phạm.
5. Nguyễn Gia Cầu (2006), “Dạy học phát huy năng lực cá nhân của HS”, *Tạp chí Giáo dục*, số 146.
6. Nguyễn Gia Cầu (2007), “Dạy học phát huy tính năng động, sáng tạo của HS”, *Tạp chí Giáo dục*, số 156.
7. Nguyễn Viết Chử (2003), *PPDH tác phẩm văn chương (theo loại thể)*, Nxb Đại học sư phạm.
8. Phạm Vĩnh Cư (2000), “Bàn thêm về bi kịch Vũ Như Tô”, *Tạp chí văn học*, số 7.
9. Phạm Vĩnh Cư, (2007), *Sáng tạo và giao lưu*, Nxb Giáo Dục .
10. Trần Thanh Đạm (cùng nhiều tác giả) (1983), *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể*, Nxb Giáo dục.
11. Nguyễn Văn Dân (1991), *Văn học nghệ thuật và sự tiếp nhận*, Viện thông tin khoa học xã hội.
12. Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học lí luận và ứng dụng*, Nxb Giáo dục.
13. Nguyễn Văn Đường (chủ biên) (2007), *Thiết kế bài giảng Ngữ văn 11, tập 2*, Nxb Hà Nội.
14. Hà Minh Đức (chủ biên) (2000), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục.
15. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục.

16. Nguyễn Văn Hạnh, Huỳnh Như Phương (1998), *Lí luận văn học – Vấn đề và suy nghĩ*, Nxb Giáo dục.
17. Hegel (1999), *Mĩ học*, Nxb Văn học.
18. Nguyễn Văn Hiền (2003), “Phương pháp “nhóm chuyên gia” trong “dạy học hợp tác””, *Tạp chí Giáo dục*, số 56.
19. Hoàng Ngọc Hiến (2003), *Nhập môn văn học và phân tích thể loại*, Nxb Đà Nẵng.
20. Hoàng Ngọc Hiến (1997), *Văn học và học văn*, Nxb Văn học.
21. Đặng Hiến (2005), *Dạy văn học văn*, Nxb Đại học sư phạm.
22. Đỗ Đức Hiểu (1983), *Từ điển Văn học* (tập 1), Nxb Khoa học xã hội.
23. Đỗ Đức Hiểu (1997), “Bi kịch Vũ Như Tô”, *Tạp chí Văn học*, số 10.
24. Đỗ Đức Hiểu (1998), “Mấy vấn đề về kịch và thi pháp kịch”, *Tạp chí văn học*, số 2.
25. Đỗ Đức Hiểu (1999), *Đổi mới đọc và bình văn*, Nxb Hội nhà văn.
26. Nguyễn Trọng Hiểu (2002), *Tiếp cận văn học*, Nxb Khoa học xã hội.
27. Phan Kế Hoành, Huỳnh Lý (1978), *Bước đầu tìm hiểu lịch sử kịch nói Việt Nam (trước CMT8)*, Nxb Văn hóa.
28. Phan Kế Hoành, Quang Vinh (1982), *Bước đầu tìm hiểu lịch sử kịch nói Việt Nam (1945-1975)*, Nxb Văn hóa.
29. Hội nghệ sĩ sân khấu (1984), *Sân khấu qua một chặng đường lịch sử (Kỷ yếu Đại hội sân khấu toàn quốc lần thứ 2)*.
30. Nguyễn Minh Hùng (2003), *Văn chương nhìn từ góc sân trường*, Nxb Văn học.
31. Nguyễn Thanh Hùng (2002), *Đọc và tiếp nhận văn chương*, Nxb Giáo dục.
32. Nguyễn Thị Thanh Hương (2001), *Dạy học Văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Nguyễn Thị Thanh Hương (2003), *Phương pháp tiếp nhận văn học ở trường phổ thông trung học*, Nxb Giáo dục.

34. Trần Thị Hương (2011), *Tổ chức hoạt động dạy học đại học*, Nxb ĐHSPTP.HCM.
35. Lê Thị Hương (2009), *Chuyên đề dạy học Ngữ văn 12*, Nxb Giáo dục.
36. Nguyễn Hương (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục.
37. Nguyễn Thành Lâm (2011), *Dạy học đoạn trích “Hồn Trương Ba da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ (Ngữ văn 12) theo đặc trưng thể loại*, Tạp chí Giáo dục, số 262.
38. Liên Hiệp các hội khoa học và kỹ thuật TP. HCM – Hội nghiên cứu và giảng dạy văn học TP.HCM (2009), *Đổi mới Dạy văn và học văn*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
39. Phan Trọng Luận (1978), *Con đường nâng cao hiệu quả dạy Văn*, Nxb Giáo dục.
40. Phan Trọng Luận (1999), *Đổi mới giờ học tác phẩm văn chương ở trường THPT*, Nxb Giáo dục.
41. Phan Trọng Luận (2002), *Văn học giáo dục thế kỷ XXI*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
42. Phan Trọng Luận (2003), *Văn chương bạn đọc sáng tạo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
43. Phan Trọng Luận (Chủ biên) (2003), *Thiết kế bài học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông*, tập 1, Nxb Giáo dục.
44. Phan Trọng Luận (Chủ biên) (2005), *Phương pháp dạy học Văn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
45. Phan Trọng Luận (Chủ biên) (2007), *Thiết kế bài học Ngữ Văn 11, tập 1*, Nxb Giáo Dục.
46. Phan Trọng Luận (2009), *Văn học trong nhà trường – Nhận diện, tiếp cận và đổi mới*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
47. Phan Trọng Luận (Chủ biên) (2008), *Thiết kế bài học Ngữ văn 12*, Nxb Giáo dục.

48. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên) (2007), *SGK Ngữ văn 11, tập 1 (Bộ chuẩn)*, Nxb Giáo dục.
49. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên) (2007), *SGV Ngữ văn 11, tập 1 (Bộ chuẩn)*, Nxb Giáo dục.
50. Phan Trọng Luận (Tổng chủ biên) (2008), *SGK Ngữ văn 12, tập 2 (Bộ chuẩn)*, Nxb Giáo dục.
51. Phương Lựu (2004), *Giáo trình tiếp nhận văn học*, Nxb Đà Nẵng.
52. Phương Lựu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Đại học sư phạm.
53. Phương Lựu (Chủ biên) (2002), *Lí luận văn học, tập I: Văn học – nhà văn, bạn đọc*, Nxb Đại học sư phạm.
54. Phương Lựu (Chủ biên) (2004), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục.
55. Tôn Thảo Miên (2000), “Về một giai đoạn phát triển của văn học kịch”, *Tạp chí văn học*, số 9.
56. X.X.Mô-Cun-Xki (Chủ biên) (Đức Nam, Hoàng Oanh, Hải Dương dịch) (1976), *Lịch sử sân khấu thế giới, tập 1*, Nxb Văn hóa.
57. X.X.Mô-Cun-Xki (Chủ biên) (Đức Nam, Hoàng Oanh, Hải Dương dịch) (1978), *Lịch sử sân khấu thế giới, tập 2*, Nxb Văn hóa.
58. Nguyễn Thị Hồng Nam (2006), “Thiết kế câu hỏi dạy học Văn – Một thử thách với GV”, *Tạp chí Giáo dục*, số 147.
59. Nguyễn Thị Hồng Nam (2006), Tổ chức học hợp tác trong dạy học Ngữ văn, tài liệu dành cho học viên cao học.
60. Nguyễn Nam (1969), *Tìm hiểu nghệ thuật viết kịch*, Vụ văn hóa quần chúng xuất bản, Hà Nội.
61. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
62. Lê Thị Hồng Nhạn (2010), *Giải pháp để HS yêu văn học*, *Tạp chí Giáo dục và thời đại*, số 48.

63. Nhiều tác giả (1978), *Những vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể*, Nxb Giáo dục.
64. Nhiều tác giả (1988), *Văn học Việt Nam 1945 -1975 (tập 1)*, Nxb Giáo Dục
65. Nhiều tác giả (1992), *Văn học Việt Nam 1945 -1975 (tập 2)*, Nxb Giáo Dục.
66. Nhiều tác giả (2007), *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT môn Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.
67. Trần Đan Phụng (2001), “Vài suy nghĩ về vai trò của người thầy trong việc đổi mới PPDH”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 12.
68. Nguyễn Thị Minh Phượng –Phạm Thị Thúy (2012), *Cẩm nang Phương pháp Sư Phạm*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
69. Đinh Quang (tuyển dịch) (2003), *Về mỹ học và văn học kịch* (theo các tác giả phương Tây), Nxb Sân khấu Hà Nội.
70. Nguyễn Huy Quát, Hoàng Hữu Bội (2001), *Một số vấn đề về phương pháp dạy – học văn trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
71. Vũ Dương Quỹ (Chủ biên) (2009), *Bổ trợ, nâng cao kiến thức Ngữ văn 11, tập 1*, Nxb Giáo dục.
72. Vũ Dương Quỹ (Chủ biên) (2009), *Bổ trợ, nâng cao kiến thức Ngữ văn 12, tập 2*, Nxb Giáo dục.
73. Z.I.a Rez (Chủ biên) (1983), *Phương pháp luận dạy văn học* (Phan Thiệu người dịch), Nxb Giáo Dục.
74. Vũ Thị Sơn (2006), “Người học với vai trò chủ thể của quá trình giáo dục”, *Tạp chí Giáo dục*, số 146.
75. Trần Đình Sử (1996), *Lí luận và phê bình văn học*, Nxb Hội nhà văn.
76. Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Lê Ngọc Trà dịch (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục.
77. Trần Đình Sử (Chủ biên) (2008), *Lí luận văn học*, Nxb Đại học sư phạm.
78. Trần Đình sử (2001), *Đọc văn – học văn*, Nxb Giáo dục
79. Nguyễn Thành (Chủ biên) (2008), *Tư liệu văn học phần Ngữ văn*, Nxb Giáo dục.

80. Trần Đình Sử (2001), *Độc văn – học văn*, Nxb Giáo dục.
81. Tất Thắng (1986), *Một yếu tố làm nên sức hấp dẫn chân chính và giá trị lâu dài của kịch*, Nxb KHXH.
82. Tất Thắng (1981), *Về hình tượng con người mới trong kịch*, Nxb KHXH.
83. Nguyễn Huy Thắng (tuyển chọn) (2002), *Vũ Như Tô – tác phẩm và dư luận*, Nxb Văn học.
84. Cao Thị Thặng, (2010), *Một số vấn đề về “Dạy học theo góc” và bước đầu triển khai áp dụng ở Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục, số 236, trang 10-13.
85. Nguyễn Thành Thi – Dương Hồng Hiếu (2006), *Mấy vấn đề đổi mới dạy học Ngữ văn THPT – Tài liệu bồi dưỡng giáo viên cốt cán trường THPT, môn Văn*; Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh.
86. Nguyễn Thành Thi, (2011), chuyên đề “*Đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá trong dạy và học tích cực môn Ngữ văn*”, tài liệu bồi dưỡng giáo viên PTTH ở các tỉnh miền tây.
87. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và SGK Ngữ văn THPT*, Nxb Giáo dục
88. Lưu Khánh Thơ (2001), *Lưu Quang Vũ – Tài năng và lao động nghệ thuật*, Nxb Văn hóa thông tin.
89. Lưu Khánh Thơ (tuyển chọn) (2006), *Văn học Việt Nam hiện đại, tác giả - tác phẩm*, Nxb Đại học sư phạm.
90. Bích Thu, Tôn Thảo Miên (tuyển chọn) (2001), *Nguyễn Huy Tưởng về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo Dục
91. Lý Hoài Thu - Lưu Khánh Thơ (tuyển chọn) (2007), *Lưu Quang Vũ về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo Dục.
92. Lý Hoài Thu (2010), “Hồn Trương Ba da hàng thịt – nơi kết thúc của cô tích và sự khởi đầu”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 3.
93. Ngô Ngọc Thư (2007), “Về hoạt động thảo luận nhóm của HS THCS trong dạy học môn Ngữ văn”, *Tạp chí Giáo dục*, số 159.

94. Phan Trọng Thường (1996), *Những vấn đề lịch sử văn học kịch Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.
95. Thái Duy Tiên , (2010),, *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb Giáo Dục VN.
96. Trần Thị Bích Trà (2006), “Một số trao đổi về học hợp tác ở trường phổ thông”, *Tạp chí Giáo dục*, số 146.
97. Trịnh Quang Từ (2007), *Thiết kế và lựa chọn phương pháp phù hợp với nội dung bài học*, Tạp chí Giáo dục, số 154.
98. Lê Hồng Vân (2004), “Người đọc như một nhân tố tất yếu của tác phẩm văn học”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 11.
99. Trịnh Xuân Vũ (2000), *Phương pháp dạy học Văn ở bậc trung học*, Nxb Đại học quốc gia TP HCM.
100. Viện Văn học biên dịch và chú giải (1959), *Việt sử thông giám cương mục*, tập XIII, Nxb Văn Sử Địa.

Phụ lục 1

PHIẾU PHÒNG VẤN GIÁO VIÊN (Về việc ứng dụng kĩ thuật dạy học theo góc vào các trích đoạn kịch chương trình Ngữ văn lớp 11, 12)

Kính gửi Quý Thầy (Cô)

Dạy lớp:Trường:

- *Xin Quý Thầy (Cô) vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào các ô mà Thầy (Cô) cho là phù hợp nhất.*
- *Đối với phần câu hỏi xin ý kiến, xin Quý Thầy (Cô) vui lòng trình bày ngắn gọn ý kiến của mình.*

CÂU HỎI

Câu 1. Trong các tài liệu về phương pháp giảng dạy Văn, các Thầy (Cô) đã có nghe nói (đã biết) về “kĩ thuật dạy học theo góc” chưa ?

☐ Rất rõ ☐ Có đọc tài liệu ☐ Có nghe qua ☐ Không biết đến

Câu 2. Theo Thầy (cô), giữa phương pháp *dạy học học theo góc* và *dạy học nhóm* là *giống* hay *khác* nhau ?

☐ Giống nhau (một phương pháp có hai tên gọi) ☐ Hai phương pháp dạy học khác nhau.

Câu 3. Theo (Thầy) Cô trong giờ học Văn trên lớp, HS mong muốn điều gì ?

☐ Được học hoạt động, thoải mái, năng động và di chuyển hơn phải ngồi một chỗ tại lớp

☐ Được tự mình, chủ động tìm tòi tri thức

☐ Được học với những hình thức đa dạng hơn, như nghe, nhìn, trải nghiệm...

Câu 4. Thầy cô thường gặp phải những khó khăn gì trong quá trình vận dụng dạy học thảo luận, phân nhóm ?

- ☐ Thời gian dạy học trên lớp hạn chế
- ☐ HS không có kỹ năng hợp tác, làm việc độc lập
- ☐ GV lung túng trong việc hướng dẫn HS cách vận dụng
- ☐ Tiếng ồn làm ảnh hưởng đến lớp học.

Câu 5. Trong thực tế giảng dạy Thầy (Cô) có thường cho HS thảo luận nhóm không ?

- ☐ Thường xuyên ☐ thỉnh thoảng ☐ Ít khi ☐ Không bao giờ

Câu 6. Theo Thầy (Cô) nên tổ chức việc thảo luận nhóm như thế nào để giờ học Văn đạt hiệu quả ?

- ☐ Chia số lượng HS trong nhóm linh hoạt (tùy theo câu hỏi)
- ☐ Trên lớp, GV chỉ nên cho HS thảo luận những vấn đề thật sự cần thiết
- ☐ GV nên đến các nhóm để lắng nghe, hoặc gợi ý, dẫn dắt việc thảo luận
- ☐ GV cho HS thảo luận để trả lời những câu hỏi chuẩn bị bài ngoài giờ học
- ☐ GV cần có hình thức kiểm tra kết quả của việc thảo luận ở mỗi thành viên

Câu 7. Trước khi tổ chức dạy học theo nhóm, Thầy (Cô) chuẩn bị hoặc trang bị cho HS những gì ?

- ☐ Phân nhóm và các câu hỏi thảo luận cho HS
- ☐ Đưa các tư liệu học tập để HS tham khảo
- ☐ Đưa ra các quy chế, các yêu cầu riêng của GV
- ☐ Trang bị cho HS những kiến thức, kỹ năng trong hoạt động nhóm

Câu 8. Theo Thầy (Cô), có nên cho các em nắm những nguyên tắc, yêu cầu và kỹ năng thảo luận nhóm trước khi tham gia thảo luận trong giờ lên lớp không ?

- ☐ Rất cần thiết ☐ Cần thiết ☐ Không cần thiết

Câu 9. Để có một giờ dạy học đạt hiệu quả, theo Thầy (Cô) yếu tố nào đóng vai trò quyết định nhất ?

- ☐ Kiến thức bài học đảm bảo, có mở rộng có đào sâu
- ☐ GV biết lựa chọn, kết hợp các phương pháp dạy học phù hợp
- ☐ Sự hứng thú, lòng nhiệt tình của GV
- ☐ Thái độ học tập tích cực của HS

Câu 10. Theo Thầy (Cô), HS thích học tác phẩm thuộc thể loại nào sau đây:

- ☐ Truyện ngắn ☐ Tiểu thuyết ☐ Thơ ☐ Kịch ☐ Ký

Câu 11. Thầy cô thường gặp khó khăn gì trong vấn đề dạy học thể loại kịch ?

- ☐ Thể loại khô khan, khó tiếp cận.
- ☐ Thể loại xa lạ, khó tìm tư liệu
- ☐ Không tìm được những nét khác nhau giữa dạy văn bản kịch và tác phẩm

tự sự

Câu 12. Trước khi dạy một tác phẩm thuộc thể loại mới, Thầy (Cô) có trang bị cho HS kiến thức về đặc trưng của loại thể đó không ? Hoặc Thầy (Cô) có chú ý đến đặc trưng của loại thể trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm không ? Vì sao ?

- ☐ Có. Vì

.....

- ☐ Không. Vì

.....

Câu 13. Thầy (Cô) thường yêu cầu HS chuẩn bị những gì trước khi học văn bản kịch ?

- ☐ Đọc tác phẩm trước ở nhà, gạch chân những chi tiết quan trọng.
- ☐ Tóm tắt tác phẩm
- ☐ Trả lời câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài (hoặc *Phiếu học tập*)
- ☐ Đưa ra những vấn đề cần trao đổi

Câu 14. Khi dạy tác phẩm kịch, Thầy (Cô) yêu cầu HS đọc tác phẩm trên lớp như thế nào ?

- ☐ Đọc cả tác phẩm (phần trích).
- ☐ Đọc một số đoạn quan trọng.
- ☐ Không đọc tác phẩm.

Câu 15. Theo Thầy (Cô), với những tác phẩm trích học có cần yêu cầu HS tìm đọc toàn văn tác phẩm không ?

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Không cần thiết

Câu 16. Theo Thầy (Cô), cần lượng thời gian như thế nào (bao nhiêu tiết / 1 bài) để dạy học văn bản kịch *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* và *Hồn Trương Ba da hàng thịt* đạt hiệu quả ?

- ☐ 1 tiết
- ☐ 2 tiết
- ☐ 3 tiết
- ☐ 4 tiết

Câu 17: Thầy cô thường dùng phương pháp, cách thức nào khi tổ chức hoạt động dạy học văn bản kịch ?

- ☐ Dạy học bằng phương pháp đọc diễn cảm
- ☐ Dạy học bằng phương pháp nêu vấn đề
- ☐ Dạy học bằng phương pháp thuyết giảng

☐ Dạy học bằng phương pháp trực quan

☐ Dạy học theo đặc trưng loại thể

☐ Dạy học theo góc

☐ Dạy học bằng việc phân chia nhóm trả lời câu hỏi trong SGK hoặc qua phiếu học bài

☐ Tùy vào bài học và trình độ của HS, chọn phương pháp thích hợp

Câu 18. Theo đánh giá Thầy (Cô), mức độ hiểu của HS đối với văn bản kịch là:

☐ Khoảng trên dưới 30%

☐ Khoảng trên dưới 50%

☐ Khoảng trên dưới 70%

☐ Khoảng trên dưới 90%

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy (Cô).

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN GIÁO VIÊN

Số lượng (SL) phiếu: 40

ST T	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	SL	%	Diễn giải
1	Thầy (Cô) đã có nghe nói (đã biết) về “kỹ thuật dạy học theo góc” chưa ?	<input type="checkbox"/> Năm rất rõ	0	0	
		<input type="checkbox"/> Có đọc tài liệu	3	7,5	
		<input type="checkbox"/> Có nghe qua	15	37,5	
		<input type="checkbox"/> Không biết đến	22	55	
2	Theo Thầy (Cô), giữa phương pháp dạy học theo góc và dạy nhóm là giống hay khác nhau ?	<input type="checkbox"/> Giống nhau (một phương pháp có hai tên gọi).	16	40	
		<input type="checkbox"/> Hai phương pháp dạy học khác nhau.	16	40	
		<input type="checkbox"/> Ý kiến khác.	8	20	Không biết
3		<input type="checkbox"/> Được học hoạt động thoải mái, năng động di chuyển hơn phải ngồi một chỗ.	16	40	
		<input type="checkbox"/> Được tự mình, chủ động tìm tòi tri thức	10	25	
		<input type="checkbox"/> Được học với những hình thức đa dạng hơn, như nghe, nhìn, trải nghiệm...	14	35	

4	Thầy Cô thường gặp những khó khăn gì trong quá trình vận dụng dạy học thảo luận, phân nhóm ?	<input type="checkbox"/> Thời gian dạy học trên lớp hạn chế	15	37,5	
		<input type="checkbox"/> HS không có kỹ năng hợp tác, làm việc độc lập	12	30	
		<input type="checkbox"/> GV lúng túng trong việc hướng dẫn HS cách vận dụng	2	5	
		<input type="checkbox"/> Tiếng ồn làm ảnh hưởng đến lớp học.	11	27,5	
5	Trong thực tế giảng dạy Thầy (Cô) có thường cho HS thảo luận nhóm không ?	<input type="checkbox"/> Thường xuyên	2	5	
		<input type="checkbox"/> thỉnh thoảng	18	45	
		<input type="checkbox"/> Ít khi	18	45	
		<input type="checkbox"/> Không bao giờ	2	5	
6	Thầy (Cô) nên tổ chức thảo luận nhóm như thế nào để giờ Văn đạt hiệu quả ?	<input type="checkbox"/> Chia số lượng HS trong nhóm linh hoạt (tùy theo câu hỏi)	2	5	
		<input type="checkbox"/> Trên lớp, GV chỉ nên cho HS thảo luận những vấn đề thật sự cần thiết	15	37,5	
		<input type="checkbox"/> GV nên đến các nhóm để lắng nghe, hoặc gợi ý, dẫn dắt việc thảo luận	14	35	

		<input type="checkbox"/> GV cho HS thảo luận để trả lời những câu hỏi chuẩn bị bài ngoài giờ học	1	2,5	
		<input type="checkbox"/> GV cần có hình thức kiểm tra kết quả của việc thảo luận ở mỗi thành viên	8	20	
7	Trước khi tổ chức dạy học theo nhóm, Thầy (Cô) chuẩn bị hoặc trang bị cho HS những gì ?	<input type="checkbox"/> Phân nhóm và các câu hỏi thảo luận cho HS	18	45	
		<input type="checkbox"/> Đưa các tư liệu học tập để HS tham khảo	16	40	
		<input type="checkbox"/> Đưa ra các quy chế, các yêu cầu riêng của GV	2	5	
		<input type="checkbox"/> Trang bị cho HS những kiến thức, kĩ năng trong hoạt động nhóm	4	10	
8	Theo Thầy (Cô), có nên cho các em nắm những nguyên tắc, yêu cầu và kĩ năng thảo luận nhóm trước khi tham gia thảo luận trong giờ lên lớp không ?	<input type="checkbox"/> Rất cần thiết	18	45	
		<input type="checkbox"/> Cần thiết	22	55	
		<input type="checkbox"/> Không cần thiết	0	0	
9	Để có một giờ dạy học đạt hiệu quả, theo Thầy	<input type="checkbox"/> Kiến thức bài học đảm bảo, có mở rộng có đào sâu	10	25	

	(Cô) yếu tố nào đóng vai trò quyết định nhất ?	<input type="checkbox"/> GV biết lựa chọn, kết hợp các phương pháp dạy học phù hợp	15	37,5	
		<input type="checkbox"/> Sự hứng thú, lòng nhiệt tình của GV	7	17,5	
		<input type="checkbox"/> Thái độ học tập tích cực của HS	8	20	
10	Theo Thầy (Cô), HS thích học tác phẩm thuộc thể loại nào sau đây:	<input type="checkbox"/> Truyện ngắn	26	65	
		<input type="checkbox"/> Tiểu thuyết	0	0	
		<input type="checkbox"/> Thơ	14	35	
		<input type="checkbox"/> Kịch	0	0	
		<input type="checkbox"/> Ký	0	0	
11	Thầy cô thường gặp khó khăn gì trong vấn đề dạy học thể loại kịch ?	<input type="checkbox"/> Thể loại khô khan, khó tiếp cận.	10	25	
		<input type="checkbox"/> Thể loại xa lạ, khó tìm tư liệu	22	55	
		<input type="checkbox"/> Không tìm được những nét khác nhau giữa dạy văn bản kịch và tác phẩm tự sự	8	20	
12	Thầy (Cô) có trang bị cho HS kiến thức về đặc trưng của loại thể đó	<input type="checkbox"/> Có. Vì từ thể loại giúp HS dễ nắm bắt nội dung bài học hơn,...	40	100	

	không ? Hoặc có chú ý đặc trưng của loại thể trong quá trình hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm không ? Vì sao ?	<input type="checkbox"/> Không. Vì	0	0	GV không chọn
13	Thầy (Cô) thường yêu cầu HS chuẩn bị những gì trước khi học văn bản kịch ?	<input type="checkbox"/> Đọc tác phẩm trước ở nhà, gạch chân những chi tiết quan trọng.	11	27,5	
		<input type="checkbox"/> Tóm tắt tác phẩm	12	30	
		<input type="checkbox"/> Trả lời câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài (hoặc <i>Phiếu học tập</i>)	14	35	
		<input type="checkbox"/> Đưa ra những vấn đề cần trao đổi.	3	7,5	
14	Khi dạy tác phẩm kịch, Thầy (Cô) yêu cầu HS đọc tác phẩm trên lớp như thế nào ?	<input type="checkbox"/> Đọc cả tác phẩm (phần trích).	19	47,5	
		<input type="checkbox"/> Đọc một số đoạn quan trọng.	21	52,5	
		<input type="checkbox"/> Không đọc tác phẩm.	0	0	
15	Theo Thầy (Cô), với những tác phẩm trích học có cần yêu cầu HS tìm đọc toàn văn tác phẩm không ?	<input type="checkbox"/> Rất cần thiết	8	20	
		<input type="checkbox"/> Cần thiết	26	65	
		<input type="checkbox"/> Không cần thiết	6	15	

16	Theo Thầy (Cô), cần lượng thời gian như thế nào (bao nhiêu tiết / 1 bài) để dạy học văn bản kịch <i>Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài</i> và <i>Hồn Trương Ba da hàng thịt</i> đạt hiệu quả ?	<input type="checkbox"/> 1 tiết	0	0	
		<input type="checkbox"/> 2 tiết	14	35	
		<input type="checkbox"/> 3 tiết	14	35	
		<input type="checkbox"/> 4 tiết	12	30	
17	Thầy cô thường dùng phương pháp, cách thức nào khi tổ chức hoạt động dạy học văn bản kịch ?	<input type="checkbox"/> Dạy học bằng phương pháp đọc diễn cảm	5	12,5	
		<input type="checkbox"/> Dạy học bằng phương pháp nêu vấn đề	6	15	
		<input type="checkbox"/> Dạy học bằng phương pháp thuyết giảng	7	17,5	
		<input type="checkbox"/> Dạy học bằng phương pháp trực quan	3	7,5	
		<input type="checkbox"/> Dạy học theo đặc trưng loại thể	9	22,5	
		<input type="checkbox"/> Dạy học theo góc	0	0	
		<input type="checkbox"/> Dạy học bằng việc phân chia nhóm trả lời câu hỏi trong SGK hoặc qua phiếu học bài	5	12,5	

		<input type="checkbox"/> Tùy vào bài học và trình độ của HS, chọn phương pháp thích hợp	5	12,5	
18	Theo đánh giá Thầy (Cô), mức độ hiểu của HS đối với văn bản kịch là:	<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 30%	10	25	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 50%	26	65	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 70%	4	10	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 90%	0	0	

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH

(Về việc ứng dụng kĩ thuật dạy học theo góc vào các trích đoạn kịch chương trình Ngữ văn lớp 11, 12)

- Các em vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây bằng cách đánh dấu (x) vào ô mà các em cho là quan trọng nhất.

- Đối với phần câu hỏi xin ý kiến, các em vui lòng trình bày ngắn gọn ý kiến của mình

CÂU HỎI

Câu 1. Trong các phương pháp dạy học Văn, em đã có nghe nói (đã biết) về “kĩ thuật dạy học theo góc” chưa ?

☐Nắm rất rõ ☐Có đọc tài liệu ☐Có nghe qua ☐Không biết đến

Câu 2. Trong giờ học Văn, em mong muốn ở GV điều nào sau đây ?

☐Đọc và giảng truyền cảm

☐Hướng dẫn khám phá bài học theo từng loại thể bài học

☐Đặt câu hỏi sáng rõ và dẫn dắt cụ thể

☐Liên hệ kiến thức, đào sâu nội dung bài học

☐Đưa ra những tình huống có vấn đề để HS suy nghĩ, trả lời

☐Tôn trọng quan điểm cá nhân của HS, cho HS tự do bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc

☐Giờ học vui tươi, nhẹ nhàng

☐Tất cả các mong muốn trên

Câu 3. Trong giờ học Văn trên lớp, em mong muốn điều gì ?

☐ Được hoạt động, thoải mái, năng động và di chuyển hơn phải ngồi một chỗ tại lớp

☐ Được tự mình, chủ động tìm tòi tri thức

☐ Được học với những hình thức đa dạng hơn, như nghe, nhìn, trải nghiệm...

☐ Tất cả các mong muốn trên

☐ Ý kiến khác:.....

Câu 4. Trong giờ học Văn, em có thích tham gia thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV không ? Vì sao ?

☐ Có.

Vì.....

☐ Không. Vì.....

Câu 5. Khi tham gia thảo luận nhóm, em cảm thấy mình khó khăn trong những vấn đề gì ?

☐ Vấn đề hợp tác với bạn nhóm

☐ Vấn đề giao tiếp với bạn nhóm

☐ Vấn đề làm việc độc lập

☐ Tất cả những vấn đề trên

Câu 6. Theo em, trước khi tham gia thảo luận nhóm trong giờ lên lớp, em có cần nắm những nguyên tắc, yêu cầu và những kỹ năng thảo luận nhóm?

☐ Rất cần thiết

☐ Cần thiết

☐ Không cần thiết

Câu 7. Em nhận thấy mình có những hạn chế nào khi học môn Văn ?

☐ Thiếu vốn từ, kỹ năng diễn đạt yếu

☐ Chưa biết cách phân tích từng loại tác phẩm

☐ Kỹ năng nghe, ghi còn yếu

☐ Không tự tin khi đứng trước đám đông

☐ Nhận thức vấn đề còn vụn vặt

Câu 8. Các em thích học tác phẩm thuộc thể loại nào sau đây:

☐ Truyện ngắn ☐ Tiểu thuyết ☐ Thơ ☐ Kịch ☐ Ký

Câu 9. Trước khi học một tác phẩm thuộc thể loại mới, Thầy (Cô) có trang bị cho em kiến thức về đặc trưng của loại thể đó không ? Hoặc Thầy (Cô) có chú ý đến đặc trưng của loại thể trong quá trình hướng dẫn em tìm hiểu tác phẩm không ?

☐ Có ☐ Không

Câu 10. Em biết gì về thể loại kịch bản văn học ?

☐ Kịch là loại hình văn học cũng giống văn xuôi - tự sự và thơ-trữ tình.

☐ Kịch là loại hình văn học mang đặc trưng riêng, gắn với nghệ thuật sân khấu.

☐ Kịch khó hiểu, khó nhớ, khó nắm bắt.

☐ Không hiểu gì về kịch.

Câu 11. Em nhận thấy giữa việc đọc hiểu văn bản kịch và văn bản tự sự (truyện) trong chương trình đang học như thế nào ?

☐ Cũng giống như nhau. ☐ Thích đọc truyện hơn.

☐ Thích đọc văn bản kịch hơn. ☐ Không thích đọc cả hai.

Câu 12. Trong thực tế giảng dạy Thầy (Cô) thường cho các em thảo luận nhóm không ?

☐ Thường xuyên ☐ thỉnh thoảng ☐ Ít khi ☐ Không bao giờ

Câu 13. Theo em, HS cần chuẩn bị những gì trước khi học văn bản kịch ?

☐ Đọc tác phẩm trước ở nhà, gạch chân những chi tiết quan trọng.

☐ Tóm tắt tác phẩm

☐ Trả lời câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài (hoặc Phiếu học tập)

☐ Ghi ra giấy những vấn đề cần trao đổi

Câu 14. Em đánh giá như thế nào về việc đọc tác phẩm sẽ học trước khi đến lớp ?

☐ Rất cần thiết

☐ Đọc cũng được, không đọc cũng được

☐ Cần thiết

☐ Không cần thiết

Câu 15. Khi được GV yêu cầu soạn bài ra vở theo câu hỏi hoặc theo phiếu học bài, em sẽ soạn như thế nào ?

☐ Đọc văn bản, nghiền ngẫm câu hỏi và ghi lại cách hiểu của mình ra vở

☐ Tham khảo tài liệu, lấy ý kiến bạn, ghi lại cách hiểu của mình ra vở

☐ Chép lại câu trả lời từ Sách tham khảo

☐ Chép câu trả lời từ vở bài soạn của bạn

Câu 16: Em suy nghĩ như thế nào về việc soạn bài ra vở theo câu hỏi của GV ?

☐ Giúp cho giờ học trên lớp học hiệu quả hơn

☐ Việc ghi câu trả lời ra vở rất mất thời gian (dù tự soạn hay dựa vào Sách tham khảo)

☐ Nếu không có sách tham khảo sẽ không trả lời được

☐ Chép câu trả lời từ Sách tham khảo hoặc vở bạn để đối phó với việc kiểm tra của GV, nhưng đầu óc trống rỗng

Câu 17: Em thấy việc chuẩn bị bài theo câu hỏi trong Phiếu học tập có hiệu quả hơn cách soạn bài truyền thống (soạn ra vở theo câu hỏi của GV) không ? Vì sao ?

☐ Có. Vì.....

☐ Không. Vì.....

Câu 18. Em đánh giá mức độ hiểu các văn bản kịch trong chương trình lớp 11, 12 của mình như thế nào ?

☐ Khoảng trên dưới 30%

☐ Khoảng trên dưới 50%

☐ Khoảng trên dưới 70%

☐ Khoảng trên dưới 90%

Cảm ơn các em đã hợp tác.

KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỌC SINH

Số lượng (SL) phiếu: 100

STT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả phỏng vấn	SL	%	Diễn giải
1	Trong các phương pháp dạy học Văn, em đã có nghe nói (đã biết) về “kỹ thuật dạy học theo góc” chưa ?	<input type="checkbox"/> Năm rất rõ	0	0	
		<input type="checkbox"/> Có đọc tài liệu	0	0	
		<input type="checkbox"/> Có nghe qua	2	2	
		<input type="checkbox"/> Không biết đến	98	98	
2	Trong giờ học Văn, em mong muốn ở GV điều nào sau đây ?	<input type="checkbox"/> Đọc và giảng truyền cảm	13	13	
		<input type="checkbox"/> Hướng dẫn khám phá bài học theo từng loại thể	15	15	
		<input type="checkbox"/> Đặt câu hỏi sáng rõ và dẫn dắt cụ thể	15	15	
		<input type="checkbox"/> Liên hệ kiến thức, đào sâu nội dung bài học	13	13	
		<input type="checkbox"/> Đưa ra những tình huống có vấn đề để HS suy nghĩ, trả lời	13	13	
		<input type="checkbox"/> Tôn trọng quan điểm cá nhân của HS, cho HS tự do bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc	15	15	
		<input type="checkbox"/> Giờ học vui tươi, nhẹ nhàng	16	16	

3	Trong giờ học Văn trên lớp, em mong muốn điều gì ?	<input type="checkbox"/> Được học hoạt động, thoải mái, năng động và di chuyển hơn phải ngồi một chỗ tại lớp	16	16	
		<input type="checkbox"/> Được tự mình, chủ động tìm tòi tri thức.	10	10	
		<input type="checkbox"/> Được học với những hình thức đa dạng hơn, như nghe, nhìn, trải nghiệm...	14	14	
		<input type="checkbox"/> Tất cả mong muốn trên	60	60	
4	Trong giờ học Văn, em có thích tham gia thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV không ? Vì sao ?	<input type="checkbox"/> Có. Vì được bày tỏ ý kiến, học từ bạn, học thoải mái, năng động.	81	81	
		<input type="checkbox"/> Không. Vì thảo luận mất thời gian, lớp ồn mất trật tự.	19	19	
5	Khi tham gia thảo luận nhóm, em cảm thấy mình khó khăn trong những vấn đề gì ?	<input type="checkbox"/> Vấn đề hợp tác với bạn nhóm	21	21	
		<input type="checkbox"/> Vấn đề giao tiếp với bạn nhóm	23	23	
		<input type="checkbox"/> Vấn đề làm việc độc lập	34	34	
		<input type="checkbox"/> Tất cả những vấn đề trên	22	22	
6	Theo em, trước khi	<input type="checkbox"/> Rất cần thiết	30	30	

	tham gia thảo luận nhóm trong giờ lên lớp, em có cần nắm những nguyên tắc, yêu cầu và những kỹ năng thảo luận nhóm?	<input type="checkbox"/> Cần thiết	63	63	
		<input type="checkbox"/> Không cần thiết	7	7	
7	Em nhận thấy mình có những hạn chế nào khi học môn Văn ?	<input type="checkbox"/> Thiếu vốn từ, kỹ năng diễn đạt yếu	30	30	
		<input type="checkbox"/> Chưa biết cách phân tích từng loại tác phẩm	22	22	
		<input type="checkbox"/> Kỹ năng nghe, ghi còn yếu	8	8	
		<input type="checkbox"/> Không tự tin khi đứng trước đám đông	24	24	
		<input type="checkbox"/> Nhận thức vấn đề còn vụn vặt	16	16	
8	Các em thích học tác phẩm thuộc thể loại nào sau đây:	<input type="checkbox"/> Truyện ngắn	40	40	
		<input type="checkbox"/> Tiểu thuyết	2	2	
		<input type="checkbox"/> Thơ	46	46	
		<input type="checkbox"/> Kịch	8	8	
		<input type="checkbox"/> Ký	4	4	
9	Trước khi học một	<input type="checkbox"/> Có	78	78	

	tác phẩm thuộc thể loại mới, Thầy (Cô) có trang bị cho em kiến thức về đặc trưng của loại thể hoặc chú ý đến đặc trưng của loại thể trong quá trình hướng dẫn em tìm hiểu tác phẩm không ?	<input type="checkbox"/> Không	22	22	
10	Em biết gì về thể loại kịch bản văn học ?	<input type="checkbox"/> Kịch là loại hình văn học cũng giống văn xuôi - tự sự và thơ-trữ tình.	25	25	
		<input type="checkbox"/> Kịch là loại hình văn học mang đặc trưng riêng, gắn với nghệ thuật sân khấu.	54	54	
		<input type="checkbox"/> Kịch khó hiểu, khó nhớ, khó nắm bắt.	15	15	
		<input type="checkbox"/> Không hiểu gì về kịch.	6	6	
11	Em nhận thấy giữa việc đọc hiểu văn bản kịch và văn bản tự sự (truyện) trong chương trình đang học như thế nào ?	<input type="checkbox"/> Cũng giống như nhau.	25	25	
		<input type="checkbox"/> Thích đọc truyện hơn.	54	54	
		<input type="checkbox"/> Thích đọc văn bản kịch hơn.	15	15	
		<input type="checkbox"/> Không thích đọc cả hai	6	6	

12	Trong thực tế giảng dạy Thầy (Cô) có thường cho các em thảo luận nhóm không ?	<input type="checkbox"/> Thường xuyên	0	0	
		<input type="checkbox"/> thỉnh thoảng	34	34	
		<input type="checkbox"/> Ít khi	54	54	
		<input type="checkbox"/> Không bao giờ	12	12	
13	Theo em, HS cần chuẩn bị những gì trước khi học văn bản kịch ?	<input type="checkbox"/> Đọc tác phẩm trước ở nhà , gạch chân những chi tiết quan trọng.	30	30	
		<input type="checkbox"/> Tóm tắt tác phẩm	34	34	
		<input type="checkbox"/> Trả lời câu hỏi trong phần Hướng dẫn học bài (hoặc Phiếu học tập)	27	27	
		<input type="checkbox"/> Ghi ra giấy những vấn đề cần trao đổi	9	9	
14	Em đánh giá như thế nào về việc đọc tác phẩm sẽ học trước khi đến lớp ?	<input type="checkbox"/> Rất cần thiết	36	36	
		<input type="checkbox"/> Cần thiết	46	46	
		<input type="checkbox"/> Đọc cũng được, không đọc cũng được	17	17	
		<input type="checkbox"/> Không cần thiết	1	1	
15	Khi được GV yêu cầu soạn bài ra vở theo câu hỏi hoặc theo	<input type="checkbox"/> Đọc văn bản, nghiền ngẫm câu hỏi và ghi lại cách hiểu của mình ra vở	20	20	

	phiếu học bài, em sẽ soạn như thế nào ?	<input type="checkbox"/> Tham khảo tài liệu, lấy ý kiến bạn, ghi lại cách hiểu của mình ra vở	42	42	
		<input type="checkbox"/> Chép lại câu trả lời từ Sách tham khảo	26	26	
		<input type="checkbox"/> Chép câu trả lời từ vở bài soạn của bạn	12	12	
16	Em suy nghĩ như thế nào về việc soạn bài ra vở theo câu hỏi của GV ?	<input type="checkbox"/> Giúp cho giờ học trên lớp học hiệu quả hơn	56	56	
		<input type="checkbox"/> Việc ghi câu trả lời ra vở rất mất thời gian (dù tự soạn hay dựa vào Sách tham khảo)	22	22	
		<input type="checkbox"/> Nếu không có sách tham khảo sẽ không trả lời được	12	12	
		<input type="checkbox"/> Chép câu trả lời từ Sách tham khảo hoặc vở bạn để đối phó với việc kiểm tra của GV, đầu óc trống rỗng	10	10	
17	Em thấy việc chuẩn bị bài theo câu hỏi trong Phiếu học tập có hiệu quả hơn cách soạn bài truyền thống	<input type="checkbox"/> Có.	80	80	Câu hỏi trong phiếu gần với bài giảng GV

	(soạn ra vở theo câu hỏi của GV) không ?	<input type="checkbox"/> Không.	20	20	Không có thời gian, không có trong sách tham khảo.
18	Em đánh giá mức độ hiểu các văn bản kịch trong chương trình lớp 11, 12 của mình như thế nào ?	<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 30%	34	34	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 50%	55	55	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 70%	9	9	
		<input type="checkbox"/> Khoảng trên dưới 90%	2	2	